



NGUYỄN THI HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THỊ (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – PHAN MẠNH HÙNG
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY

NGỮ VĂN

8

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Theo Quyết định số 2025/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC VỤ
1	PGS.TS. NGUYỄN THỊ VĂN ANH	Trường ĐH Quy Nhơn, Bình Định	Chủ tịch
2	PGS.TS. PHAN THỊ HỒNG XUÂN	Trường ĐHSP Hà Nội	Phó Chủ tịch
3	ThS. NGUYỄN VĂN THƯ	Vụ Giáo dục Trung học, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Uỷ viên, Thư ký
4	TS. NGUYỄN THUỲ TRANG	Trường ĐHSP, ĐH Huế	Uỷ viên
5	CN. NGUYỄN LÝ TƯỞNG	Trường THCS Bình Minh, Thị xã Nghĩa Sơn, Thanh Hoá	Uỷ viên
6	CN. NGUYỄN THỊ BÍCH ANH	Trường THCS Lam Sơn, TP Đà Lạt, Lâm Đồng	Uỷ viên
7	ThS. NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Trường THCS Trọng Điểm TP Hạ Long, Quảng Ninh	Uỷ viên
8	TS. TRƯƠNG THỊ BÍCH	Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN	Uỷ viên
9	ThS. LƯƠNG THỊ VUI	Trường THCS Chu Văn An, Ngô Quyền, TP Hải Phòng	Uỷ viên

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – PHAN MẠNH HÙNG
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ

NGỮ VĂN

8

Chân trời sáng tạo
TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Việc viết hoa trong sách ***Ngữ văn 8*** được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa
để dành tặng các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Tiếp nối Ngữ văn 6 và Ngữ văn 7, sách giáo khoa **Ngữ văn 8** sẽ tiếp tục cùng các em khám phá những chân trời mới của tri thức với mươi bài học cũng là mươi chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống của các em. Ở tập một, các em sẽ được trải nghiệm những khoảnh khắc kì diệu của cuộc sống trong các bài thơ sáu chữ, bảy chữ (*Những gương mặt thân yêu*); tìm hiểu về hiện tượng thiên nhiên qua các văn bản thông tin (*Những bí ẩn của thế giới tự nhiên*); thấu hiểu ý nghĩa của sự kết nối giữa con người với Trái Đất khi đọc các văn bản nghị luận (*Sự sống thiêng liêng*); thường thức tiếng cười nhẹ nhàng, thâm thuý với các truyện cười dân gian (*Sắc thái của tiếng cười*); khám phá muôn mặt của cuộc sống trong các vở hài kịch (*Những tình huống khôi hài*).

Ở tập hai, các em sẽ được tìm hiểu về lòng yêu nước nồng nàn của cha ông được thể hiện qua các bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường (*Tình yêu Tổ quốc*); học cách mở rộng trái tim và nuôi dưỡng niềm hi vọng qua các truyện ngắn (*Yêu thương và hi vọng*); tham gia vào hành trình đến những vùng đất mới để mở rộng tầm nhìn với các văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim (*Cánh cửa mở ra thế giới*); lắng nghe tiếng vọng của quá khứ trong truyện lịch sử (*Âm vang của lịch sử*); học cách nhận thức những điểm chưa hoàn thiện của bản thân và của người khác qua các bài thơ trào phúng (*Cười mình, cười người*).

Đến với mỗi bài học, các em sẽ được tìm hiểu về xã hội, thiên nhiên và về chính mình, tiếp tục phát triển các kỹ năng học đọc, viết, nói và nghe, năng lực sáng tạo để từng bước hoàn thiện bản thân.

Chúc các em có những trải nghiệm thú vị cùng **Ngữ văn 8**.

NHÓM TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được nét đặc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh; sử dụng được những đơn vị từ vựng này trong giao tiếp.
- Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.
- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.
- Yêu thương con người, yêu thiên nhiên.

Yêu cầu cần đạt là

căn cứ để em:

- Định hướng cách học.
- Tự kiểm soát mức độ đạt được yêu cầu của bài học.

Đọc phần **giới thiệu bài học** em sẽ biết chủ điểm của bài học và thể loại chính của văn bản.

Cuộc sống quanh ta có biết bao điều đáng nhớ: gương mặt thương yêu của người thân, bạn bè; ánh trăng lấp lánh trên dòng sông; vạt nắng trên hàng cau; ngọn khói lam chiều... Tất cả những điều đó làm nên sự giàu có trong tâm hồn chúng ta.

Nhiều gương mặt thân yêu, khoảnh khắc kì diệu của cuộc sống đã được thể hiện rất sinh động trong các vần thơ. Bài học này sẽ giúp em cảm nhận được điều đó qua các bài thơ sáu chữ, bảy chữ.



Tình yêu thương đã làm giàu cho tâm hồn chúng ta như thế nào?

Suy ngẫm và tìm câu trả lời cho **câu hỏi** này để hiểu ý nghĩa của bài học.



ĐỌC

TRÍ THỨC NGỮ VĂN

Thơ sáu chữ, bảy chữ

Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ. Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ. Mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.

Vần

Bên cạnh cách phân loại *vần chẵn*, *vần lẻ* (đã học ở Ngữ văn 7, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*), vần trong thơ còn được phân loại thành *vần liên* và *vần cách* (thuộc *vần chẵn*). *Vần liên* là trường hợp tiếng cuối của hai dòng thơ liên tiếp vần với nhau. *Vần cách* là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vần với nhau.

Những khái niệm trong **Tri thức Ngữ văn** là công cụ giúp em đọc, viết, nói và nghe.

VĂN BẢN 1

TRONG LỜI MẸ HÁT

Trương Nam Hương



Chuẩn bị đọc

Chia sẻ với các bạn một bài thơ hoặc câu ca dao mà em yêu thích về người mẹ.

Trải nghiệm cùng văn bản

Tuổi thơ chờ đầy cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chồng chành nhịp vỗng ca dao. ①

Lính hẽ

Khổ thơ này gợi cho em nhớ đến những câu hát ru nào?

Sử dụng những trải nghiệm của bản thân trả lời câu hỏi trong mục **Chuẩn bị đọc** giúp em hiểu văn bản tốt hơn.

Khi **Trải nghiệm cùng văn bản**, gặp những câu hỏi trong khung, hãy tạm dừng để suy ngẫm. Điều này giúp em hiểu rõ các chi tiết quan trọng của văn bản và tự kiểm soát cách hiểu văn bản của bản thân.

Các câu hỏi trong mục **Suy ngẫm và phản hồi** hướng dẫn em hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu văn bản.

Suy ngẫm và phản hồi

- Xác định thể thơ của bài thơ.
- Vẽ sơ đồ bố cục của bài thơ. Nét độc đáo của cách bố cục ấy là gì?
- Chi ra nét đặc sắc trong các hình ảnh *Chồng chành nhịp vỗng ca dao* và *Vầng trăng mẹ thời con gái*, *Vần cản thơm ngát hương cau*.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

NHỮNG CHIẾC LÁ THƠM THO

Trương Gia Hoà

Đọc văn bản ở mục **Đọc kết nối chủ điểm** để thấy một vấn đề có nhiều cách thể hiện khác nhau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Thực hành tiếng Việt để đọc hiểu văn bản tốt hơn.

- Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh có trong những trường hợp sau và phân tích tác dụng của chúng:

- Tuổi thơ chờ đầy cổ tích*
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chồng chành nhịp vỗng ca dao.

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CHÁI BẾP¹

Lý Hữu Lương



VIẾT

LÀM MỘT BÀI THƠ SÁU CHỮ HOẶC Bảy CHỮ

Vận dụng những kinh nghiệm về cách làm một bài thơ (đã học ở lớp 6, lớp 7) để làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.

Đọc mở rộng theo thể loại giúp em biết cách đọc các văn bản cùng thể loại.

Đọc kỹ những thông tin trong mục này để có những tri thức cơ bản về **kiểu bài** mà em sẽ thực hành.

Hướng dẫn phân tích kiểu đoạn văn

Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về bài thơ

Lời con

Đọc bài thơ *Lời con* của Phan Thị Thanh Nhàn, tôi thầm cảm ơn nhà thơ đã đưa tôi về thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đồng thời khiến tôi ngạc nhiên, thích thú vì những phát hiện tinh tế của nhà thơ về trẻ con. Chỉ có thể qua đôi mắt trẻ thơ, thế giới mới hiện lên trong veo, ngộ nghĩnh và thú vị đến thế: "cô ti vi", "cái cây là con cò gió", "ngâm thơ vào nước"... Bài thơ có ba khổ thì hai khổ đầu là những lời con nói với mẹ về cuộc sống qua cách cảm nhận hồn nhiên, ngày thơ của đứa trẻ. Đó chính là nét

Lời con

Còn bảo:

- Chùm bàng thân nhau quá
Chẳng ai chịu ở một mình.
- Bố mặc quần dài nhanh lèn
Cô ti vi sắp ra chào đấy.
- Thấy mẹ vể, gió reo, lá vẫy
Đúng cái cây là con cò gió rồi.
- Con muốn mặc áo đỗ đi chơi
Như tờ lịch những ngày mẹ nghỉ.
- Đài ngâm thơ con nghe ướt thế
Mẹ cũng ngâm thơ vào nước cho hay.
- Không ăn được nhưng nhiều cây
Mẹ mua cho con quả nùi.

Đọc, quan sát những thông tin trong mục này giúp em hiểu **đặc điểm kiểu văn bản**, từ đó học cách tạo lập kiểu văn bản tương tự.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Chọn một bài thơ tự do mà em yêu thích, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

Thực hiện những yêu cầu trong **Hướng dẫn quy trình viết** giúp em từng bước học cách viết, cách lập kế hoạch cho quá trình viết, tự định hướng và tự kiểm soát bài viết.

Thực hành những hướng dẫn trong **Nói và nghe** để học cách nói, nghe, cách phản biện; cách tự định hướng và tự điều chỉnh kỹ năng giao tiếp.



NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC

Em được dự một buổi thuyết trình về tác phẩm văn học yêu thích. Hãy lắng nghe và ghi lại những ý chính của bài thuyết trình để làm tư liệu học tập.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe

- Tìm hiểu trước đề tài của bài thuyết trình, liệt kê những gì em đã biết, đang quan tâm và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.
- Xác định mục đích nghe.
- Chuẩn bị giấy, bút (bút màu, bút dạ quang,...) để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng trong khi nghe.

ÔN TẬP

1. Tìm một số điểm giống nhau, khác nhau về nội dung và hình thức giữa bài thơ *Trong lời mẹ hát* (Trương Nam Hương) và *Nhớ đồng* (Tô Hữu).
Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương) và *Nhớ đồng* (Tô Hữu).
2. Nhận xét về cách ngắt nhịp và gieo vần của khổ thơ sau:

*Quả bàng vuông xanh non màu lá
Mon mòn thơm mùi nắng Sơn Ca
Hoa giấy đỏ dưới trời nắng cháy
Chim liu lo rót mật trước hiên nhà*

(Lê Cảnh Nhạc, Đảo Sơn Ca)

Các bài tập trong mục **Ôn tập** giúp em củng cố kiến thức về tiếng Việt và các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu.....	3
Hướng dẫn sử dụng sách.....	4
BÀI 1: NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU (THƠ SÁU CHỮ, BÀY CHỮ)	10
ĐỌC	11
<i>Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương).....</i>	13
<i>Nhớ đồng (Tố Hữu).....</i>	15
<i>Những chiếc lá thơm tho (Trương Gia Hoà).....</i>	18
Thực hành tiếng Việt	20
<i>Chái bếp (Lý Hữu Lương)</i>	21
VIẾT	22
<i>Làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.....</i>	22
<i>Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.....</i>	24
NÓI VÀ NGHE	27
<i>Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.....</i>	27
ÔN TẬP	29
BÀI 2: NHỮNG BÍ ẨN CỦA THẾ GIỚI TỰ NHIÊN (VĂN BẢN THÔNG TIN).....	30
ĐỌC	31
<i>Bạn đã biết gì về sóng thần?</i>	33
<i>Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?</i>	37
<i>Mưa xuân II (Nguyễn Bình).....</i>	40
Thực hành tiếng Việt	41
<i>Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim (Đỗ Hợp tổng hợp)</i>	43
VIẾT	46
<i>Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên</i>	46
NÓI VÀ NGHE	51
<i>Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó</i>	51
ÔN TẬP	54
BÀI 3: SỰ SỐNG THIỀNG LIÊNG (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)	55
ĐỌC	56
<i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ (Xi-át-tô)</i>	58
<i>Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu (Vũ Nho)</i>	62
<i>Bài ca Côn Sơn (Nguyễn Trãi)</i>	65
Thực hành tiếng Việt	66
<i>Lối sống đơn giản – Xu thế của thế kỷ XXI (Chương Thâu)</i>	68

VIẾT	69
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	69
NÓI VÀ NGHE	74
Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội	74
ÔN TẬP	76
BÀI 4: SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (TRUYỆN CƯỜI)	77
ĐỌC	78
<i>Vắt cổ chày ra nước; May không đi giày</i>	80
<i>Khoe cùa; Con rắn vuông</i>	82
<i>Tiếng cười có lợi ích gì? (Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn)</i>	85
Thực hành tiếng Việt	86
<i>Văn hay</i>	87
VIẾT	88
Viết bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội	88
NÓI VÀ NGHE	93
Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống	93
ÔN TẬP	95
BÀI 5: NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI (HÀI KỊCH)	96
ĐỌC	97
<i>Ông Giuốc-đanh (Jourdain) mặc lẽ phục (Mô-li-e)</i>	99
<i>Cái chúc thư (Vũ Đình Long)</i>	105
<i>Loại vi trùng quý hiếm (A-zit Nê-xin)</i>	112
Thực hành tiếng Việt	115
<i>Đi cấp cứu trên "tàu viễn dương" (Lưu Quang Vũ)</i>	116
VIẾT	123
Viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống	123
NÓI VÀ NGHE	129
Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội	129
ÔN TẬP	130
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	131
BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE	135
BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI	136
BẢNG TRA CỨU TỪ HÁN VIỆT	138
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	141

NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU

(Thơ sáu chữ, bảy chữ)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh; sử dụng được những đơn vị từ vựng này trong giao tiếp.
- Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.
- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.
- Yêu thương con người, yêu thiên nhiên.

Cuộc sống quanh ta có biết bao điều đáng nhớ: gương mặt thương yêu của người thân, bạn bè; ánh trăng lấp lánh trên dòng sông; vạt nắng trên hàng cau; ngọn khói lam chiều;... Tất cả những điều đó làm nên sự giàu có trong tâm hồn chúng ta.



Tình yêu thương đã
làm giàu cho tâm hồn
chúng ta như thế nào?

Nhiều gương mặt thân yêu, khoảnh khắc kì diệu của cuộc sống đã được thể hiện rất sinh động trong các vần thơ. Bài học này sẽ giúp em cảm nhận được điều đó qua các bài thơ sáu chữ, bảy chữ.



TRÍ THỨC NGỮ VĂN

Thơ sáu chữ, bảy chữ

Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ. Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ. Mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.

Vần

Bên cạnh cách phân loại *vần chán*, *vần lung* (đã học ở Ngữ văn 7, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*), vẫn trong thơ còn được phân loại thành *vần liền* và *vần cách* (thuộc *vần chán*). *Vần liền* là trường hợp tiếng cuối của hai dòng thơ liên tiếp vẫn với nhau. *Vần cách* là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vẫn với nhau.

Ví dụ:

- a. *Đầu những chiều sương phủ bãi đồng*
Lúa mềm xao xác ở ven sông
Văng lên trong tiếng xe lùa nước
Một giọng hò đưa hồn nao nùng
(Tố Hữu, *Nhớ đồng*)
- b. *Con nghe dập dờn tiếng lúa*
Lời ru hoá hạt gạo rồi
Thương mẹ một đời khốn khó
Vẫn giàu những tiếng ru nôi.
(Trương Nam Hương, *Trong lời mẹ hát*)

Ví dụ a sử dụng *vần liền* (*đồng, sông*), ví dụ b sử dụng *vần cách* (*rồi, nôi*).

Bố cục của bài thơ

Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ; từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.

Mạch cảm xúc của bài thơ

Mạch cảm xúc của bài thơ là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ. Ví dụ: mạch cảm xúc trong *Việt Nam quê hương ta* của Nguyễn Đình Thi có sự vận động từ cảm xúc tự hào về vẻ đẹp của đất nước đến cảm xúc tự hào, yêu thương tha thiết con người Việt Nam.

Cảm hứng chủ đạo

Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc. Chẳng hạn, cảm hứng chủ đạo trong bài *Mẹ* của Đỗ Trung Lai là cảm hứng xót thương, day dứt xen lẫn bất lực, nuối tiếc khi nhận ra dấu ấn thời gian và những nỗi vất vả của cuộc đời đã in hằn lên bóng dáng mẹ.

Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học

Tác phẩm văn học là sản phẩm của trí tưởng tượng, sáng tạo, được thể hiện bằng ngôn từ. Vì thế, khi đọc văn bản, người đọc cần huy động nhận thức, trải nghiệm, sử dụng kết hợp các giác quan để tái hiện trong tâm trí mình hình ảnh con người hay bức tranh đời sống mà nhà văn, nhà thơ đã khắc họa trong văn bản. Nhờ khả năng tưởng tượng, người đọc có thể trải nghiệm cuộc sống được miêu tả, hoá thân vào các nhân vật, từ đó cảm nhận và hiểu văn bản đầy đủ, sâu sắc hơn.

Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng

Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, chẳng hạn: *gập ghềnh, khăng kħiu, lom khom,...*

Ví dụ: *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tோeo teo*

(Nguyễn Khuyến, *Thu điếu*)

Tோeo teo: gợi tả hình ảnh nhỏ bé đến mức không đáng kể.

Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế, chẳng hạn: *khúc khích, róc rách, tích tắc,...*

Ví dụ: *Đom đóm bay ngoài ao. Đom đóm đã vào nhà
Em bé nhìn đóm bay, chờ tiếng bàn chân mẹ
Bàn chân mẹ lội bùn i oap phía đồng xa*

(Vũ Quán Phương, *Đợi mẹ*)

I oap: gợi tả âm thanh bàn chân lội trong bùn.

Từ tượng hình và từ tượng thanh mang giá trị biểu cảm cao; có tác dụng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, âm thanh một cách sinh động và cụ thể; thường được sử dụng trong các sáng tác văn chương và lời ăn tiếng nói hằng ngày.

VĂN BẢN I

TRONG LỜI MẸ HÁT

Trương Nam Hương



Chuẩn bị đọc

Chia sẻ với các bạn một bài thơ hoặc câu ca dao mà em yêu thích về người mẹ.

Trải nghiệm cùng văn bản

Tuổi thơ chờ đầy cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao. ①

Con găp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng, dài đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
“Con gà cục tác lá chanh”.

Khóm trúc, lùm tre huyền thoại,
Lời ru vẫn vút dây trầu,
Vầng trăng mẹ thời con gái,
Vẫn còn thơm ngát hương cau.

Liên hệ

① Khổ thơ này gợi cho em nhớ đến những câu hát ru nào?

Con nghe thập thình tiếng cối
Mẹ ngồi già gạo ru con
Lạy trời đừng giông đừng bão
Cho nồi cơm mẹ đày hơn...

Con nghe dập dờn sóng lúa
Lời ru hoá hạt gạo rồi
Thương mẹ một đời khốn khó
Vẫn giàu những tiếng ru nôi.

Áo mẹ bạc phơ bạc phéch
Vải nau bục mồi chi sòn
Thương mẹ một đời cay đắng
Sao lời mẹ vẫn thảo thơm.

Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa. 2

(In trong *Ban mai xanh*, NXB Đồng Nai, 1994)

Sug luận

2

Điều mà con “nghe” được trong lời mẹ hát ở khổ thơ này có gì khác biệt so với bảy khổ thơ trước đó?

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định thể thơ của bài thơ.
2. Vẽ sơ đồ bố cục của bài thơ. Nét độc đáo của cách bố cục ấy là gì?
3. Chỉ ra nét đặc sắc trong các hình ảnh *Chồng chành nhịp võng ca dao* và *Vầng trăng mẹ thời con gái*,/ *Vẫn còn thơm ngát hương cau*.
4. Em hình dung như thế nào về hình ảnh người mẹ được miêu tả từ khổ thơ thứ ba đến khổ thơ thứ bảy? Cách khắc họa hình ảnh người mẹ có gì độc đáo?
5. Vần trong bài thơ là vần cách hay vần liền? Dựa vào đâu để xác định như vậy?

- Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ và cho biết tác dụng của vần, nhịp, cách sử dụng hình ảnh trong việc thể hiện cảm hứng đó.
- Theo em, nhan đề *Trong lời mẹ hát* có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ?
- Cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ này có gì khác với cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ khác mà em biết?

VĂN BẢN 2

NHỚ ĐỒNG¹

Tố Hữu

Tặng Vịnh



Tố Hữu (1920 – 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê ở làng Phù Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Một số tập thơ tiêu biểu của ông là: *Từ ấy*, *Việt Bắc*, *Gió lặng*, *Máu và hoa*, *Một tiếng đờn*,...

Chuẩn bị đọc

Vùng đất hoặc con người nào đã để lại trong em ấn tượng sâu đậm?

Trải nghiệm cùng văn bản

Gì sâu băng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

Đâu gió còn thơm đất nhà mùi
Đâu ruồng tre² mát thở yên vui
Đâu từng ô mạ xanh mơn mởn
Đâu những nương khoai ngọt săn bùi? 1

Suy luận

1 Xác định cảm xúc của tác giả ở khổ thơ này. Dựa vào đâu em xác định như vậy?

¹ Bài thơ này được sáng tác vào tháng 7 năm 1939, trong nhà lao Thừa Phủ (Huế), khi nhà thơ Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt giam ở đây. Nhà thơ để "Tặng Vịnh", tức Nguyễn Vịnh, tên thật của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh (1914 – 1967), bạn hoạt động cách mạng của ông và cùng bị bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ.

² *Ruồng tre* (tiếng địa phương miền Trung): rặng tre, luỹ tre.

Đâu những đường cong bước vạn dời
Xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi
Giữa dòng ngày tháng âm u đó
Không đổi, nhưng mà trôi cứ trôi...

Gì sâu băng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

Đâu những lưng cong xuống luống cày
Mà bùn hi vọng nức hương ngây
Và đâu hết những bàn tay ấy
Vãi giống¹ tung trời những sờm mai?

Đâu những chiều sương phù bãi đồng
Lúa mềm xao xác ở ven sông
Vâng lên trong tiếng xe lùa nước²
Một giọng hò đưa hố³ náo nùng

Gì sâu băng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò! 2

Suy luận

2 Việc lặp lại hai dòng thơ này có tác dụng gì?

Đâu dáng hình quen, đâu cả rồi
Sao mà cách biệt, quá xa xôi
Chao ôi thương nhớ, chao thương nhớ
Ôi mẹ già xa đơn chiếc ơi!

Đâu những hồn thân tự thuở xưa
Những hồn quen đãi gió đầm mưa
Những hồn chất phác hiền như đất
Khoai săn tình quê rất thiệt thà!

Đâu những ngày xưa, tôi nhớ tôi
Bản khoán đi kiếm lẽ yêu đời

¹ Vãi giống: ném rải hạt lúa ra nhiều phía trên một mảnh ruộng.

² Xe lùa nước: loại xe được chế tác từ tre, gỗ... dùng để đưa nước từ ao, hồ lên ruộng lúa.

³ Hố: một loại hò trên sông nước. Những lúc trời lặng gió, người chèo thuyền vừa chèo, vừa hò. Gọi là hò hố vì khi hò có đoạn đệm từ hố. Ví dụ: Còn Nam, còn nõm, còn ơn còn ngái / Đông trên Bắc rai ơn ngái (hố) xa rồi,...

Vơ vân theo mãi vòng quanh quẩn
Muốn thoát, than ôi, bước chặng rời
Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi¹
Say đồng hương nắng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời...

Cho tới chừ² đây, tới chừ đây
Tôi mơ qua cửa khám³ bao ngày
Tôi thu tất cả trong thầm lặng
Như cánh chim buồn nhớ gió mây.

Gì sâu băng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

Tháng 7/1939

(In trong *Tố Hữu – Tác phẩm văn học được Giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXB Văn học, 2005)

Suy ngẫm và phản hồi

- Xác định thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp trong khổ thơ thứ hai.
- Tìm những câu thơ, những từ ngữ được lặp đi lặp lại trong bài thơ và nêu tác dụng của việc sử dụng các cách diễn đạt đó.
- Nhận xét về cách sắp xếp các phần trong bố cục của bài thơ. Từ đó, xác định sự vận động của mạch cảm xúc được tác giả thể hiện trong bài thơ.
- Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Căn cứ vào đâu để em xác định như vậy?
- Xác định chủ đề của bài thơ. Chủ đề đó được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật nào?
- Theo em, tác giả muốn gửi thông điệp gì tới người đọc qua bài thơ này?
- Viết khoảng năm câu hoặc vẽ bức tranh thể hiện sự tưởng tượng của em về cảnh sắc, con người được gợi tả trong *Nhớ đồng*. Những hình ảnh tưởng tượng đó có tác dụng thế nào đối với việc hiểu nội dung bài thơ?

¹ Chim cà lơi: tên gọi khác của chim sơn ca.

² Chừ (từ địa phương miền Trung): giờ, bây giờ.

³ Khám: nhà giam.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

NHỮNG CHIẾC LÁ THƠM THO

Trương Gia Hoà

Trải nghiệm cùng văn bản

[...]

Bà hay bày cho tôi cách chơi với những chiếc lá. Những con cào cào, con chim sẻ, con rết thắt bằng lá dừa. Những cái lồng đèn bằng lá cau kiêng. Hay là lá chuối, xé ra cho đều rồi trét mặt đan nong mốt, nong hai¹. À, bà còn chỉ tôi cách làm đầu trâu bằng lá xoài, làm cái làn xách đi hái hoa, bắt bướm bằng lá dừa nước nữa...

Những chiếc lá của bà, đã từng kì diệu hơn cả thuốc tiên khi tôi còn nhỏ. Sau này, sống một mình nơi phố thị, mỗi khi bị cảm, tôi mua ở tiệm thuốc tây vài viên thuốc xông. Nấu một nồi nước rồi cho dung dịch trong viên thuốc ấy vào nồi, hơi nóng bốc lên cũng thơm hương sả, hương lá bưởi, lá chanh, cũng vã mồ hôi, cũng thông mũi sảng khoái, rồi thôi, tôi vẫn phải uống thuốc, vẫn phải bếp dí ở nhà hai ba bữa mới ngóc đầu dậy nổi. Những ngày như thế, tôi thèm được ở gần bà, để nhõng nhẽo, để sụt sịt, rồi bà sẽ thương悯 “đứt ruột” mà đi nhanh ra sau nhà, hái bảy tám loại lá vào nấu cho tôi một nồi xông. Tôi thường tuyên bố mình hết bệnh sau khi chui ra khỏi chăn, mồ hôi nhễ nhại, ngồi quay lưng cho bà lật áo lau mồ hôi khắp người. Đôi khi tôi nghĩ, hay là nồi lá xông ngày xưa nhờ có mồ hôi của bà mà tôi nhanh hết bệnh? Còn bây giờ, tìm được người đồ mồ hôi cho mình sao mà khó quá, nên tôi bệnh hoài, nên tôi uống thuốc hoài.

[...] Những chiếc lá của bà thơm. Thơm ngọt ngào suốt hành trình tuổi thơ tôi. Thơm bâng khuâng cho đến tận bây giờ và thơm dịu dàng cho cả những ngày mai. Những chiếc lá của bà, còn thơm ở một hành trình thiên thu khác, hành trình ông tôi trở về cát bụi.

Tôi nhớ ngày đó, dường như biết trước được sự ra đi của ông, bà sai anh rể tôi ra ngoài bưng² hái lá tràm khuynh diệp. Anh tôi chèo ghe dọc sông Vàm Cỏ, hái được đầy xuồng thứ lá thơm nồng ấy, chờ về cho bà ba bao to, bà đồ hết chúng ra phơi trước

¹ *Đan*: luồn sợi hoặc thanh mỏng qua lại với nhau, kết thành tấm (*đan lưới*, *đan giò*, *đan áo len*, ...).

Đan nong mốt: nhắc một nan (thanh tre, nứa,...), đè một nan và lệch nhau một nan dọc giữa hai hàng nan ngang liền kề; *đan nong hai*: nhắc hai nan đè hai nan và lệch nhau một nan dọc cùng chiều, giữa hai hàng ngang liền kề.

² *Bưng*: vùng đầm lầy ngập nước mọc nhiều cỏ lác.

sân nhà. Ba buổi chiều liên tục, khi trời hết nắng thì bà gom chúng lại trên một chiếc đệm bàng¹ to. Bà im lặng làm, không sai bảo cháu con, mà dáng bà ngồi gom lá nhìn sao buồn quá. Khi ấy tôi còn nhỏ, tôi không biết bà nghĩ gì trong lòng, cũng không biết mình sắp sửa mắt đi một người thân, rất thân. Tôi không biết bà phơi lá làm gì, nhưng sự ti mẩn, sự toàn tâm và nét u sầu của bà khiến tôi ngại ngần không dám hỏi.

Nhà tôi những ngày ấy thơm mùi khuynh diệp mà ai nấy cũng xao xác, thất thần, nhất là ba tôi và bà. Vài ngày sau thì ông tôi đi. Người ta dùng toàn bộ số lá ấy lót dưới đáy hòm, rồi phủ lên một tấm vải trắng... Ông tôi nằm trên ấy, chắc chắn êm lấm. Lúc đó tôi mới biết, bà tôi cầu mong gì cho hành trình thăm thăm của ông. Tôi tin là ông nghe được hương tràm thơm, hương tràm thơm mùi hạnh phúc, hạnh phúc được người bạn đời của mình chăm lo ân cần như thế. Kể cả khi ông đã nhắm mắt, buông bỏ hết mọi thứ.

[...]

Vậy đó, tuổi thơ tôi thơm tho và rực rỡ với bà và với những chiếc lá thần thánh. Những chiếc lá diệu kì cho đến tận hôm nay. Mỗi khi cầm chiếc lá bồ đề để ngược nhìn mặt trời, tôi thấy mình như bé lại, bé tí như hạt đậu, nằm ngoan ngoãn trong lòng tay bà chờ một ngày được này mầm, bật lên những chiếc lá xanh. Có bao giờ bạn cầm một chiếc lá ngắm nhìn thật kĩ, thấy trời xanh thiêng, thấy nồng nàn từng té bào lá úa, hay chỉ có mình tôi, để rồi suốt một quãng đời dài thấy mình cứ loanh quanh giữa những đường gân lá.

(In trong *Sài Gòn thăm xưa nắng rụng*, NXB Văn hóa – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2017)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Tình cảm giữa nhân vật “tôi” với bà được thể hiện như thế nào qua những kí niệm áu thơ?
2. Hãy nêu một vài điểm giống và khác nhau trong cách thể hiện hình ảnh người bà của văn bản này với văn bản khác mà em đã đọc (ví dụ: *Hương khúc* của Nguyễn Quang Thiều).
3. Em hiểu thế nào về ý nghĩa của từ “thơm” trong những câu sau: “Những chiếc lá của bà thơm. Thơm ngọt ngào suốt hành trình tuổi thơ tôi. Thơm bâng khuâng cho đến tận bây giờ và thơm dịu dàng cho cả những ngày mai”?

¹ Đệm bàng: loại đệm được làm từ cỏ bàng.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh có trong những trường hợp sau và phân tích tác dụng của chúng:

a. *Tuổi thơ chờ đầy cỏ tích*

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào

Đưa con đi cùng đất nước

Chồng chành nhịp vỗng ca dao.

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)

b. *Con nghe thập thình tiếng cối*

Mẹ ngồi già gao ru con

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)

c. *Quen thói cũ, éch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cát tiếng kêu ôm ộp.*

(Truyện dân gian Việt Nam, Éch ngồi đáy giếng)

d. *Thính thoáng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ.*

(Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu ký)

2. Liệt kê năm từ tượng hình gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của con người và năm từ tượng thanh mô phỏng âm thanh của thế giới tự nhiên.

3. Điền từ tượng thanh, từ tượng hình phù hợp vào chỗ trống (làm vào vở):

a. *Đêm khuya thanh vắng, chỉ còn tiếng mưa rơi bên hiên nhà.*

b. *Mùa đông, cây bàng vươn dài những cành trơ trọi lá.*

c. *Sự tĩnh lặng của đêm tối khiến tôi nghe rõ tiếng côn trùng kêu từ ngoài đồng ruộng đưa vào.*

d. *Ở miệt này, sông ngòi, kênh rạch bùa giăng như mạng nhện.*

d. *Đó là một ngôi làng đặc biệt nằm giữa những ngọn núi đá ở Hà Giang.*

4. Tìm ít nhất hai ví dụ về việc sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh ở những văn bản mà em đã đọc và cho biết tác dụng của chúng trong những trường hợp ấy.

5. Phân tích nét độc đáo trong các kết hợp từ được in đậm dưới đây:

a. *Khóm trúc, lùm tre huyền thoại*

Lời ru vần vút dây trầu

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)

b. Đâu những chiều sương phủ bãi đồng

Lúa mềm xao xác ở ven sông

(Tố Hữu, Nhớ đồng)

c. Con nghe dập dờn sóng lúa

Lời ru hoá hạt gạo rồi

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)

6. Viết đoạn văn (khoảng hai trăm chữ) kể về một kỉ niệm đáng nhớ của em trong mùa hè vừa qua. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc từ tượng thanh.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CHÁI BẾP¹

Lý Hữu Lương

Cho tôi về chái bếp nhà tôi
Ngọn khói cong ngù rồi chưa dậy
Nồi cám bao năm mè đun dở
Chái bếp nằm nghe nắng nặng đêm

Chái bếp vườn nhà cha gọi tên
Cho cánh nò² cong hình lưỡi hái
Cho tuổi mình là hoa là trái
Chái bếp thông minh xinh xịch mưa

Cho tôi về chái bếp của tôi
Nhà ba gian quá giang³ một chái
Có thân bếp ngụ trong than củi
Có mặt người dợm nắng dợm sương

Có tiếng cười tiếng khóc trên nôi
Hồn người chờ thuyền về quê cũ⁴

Khi đọc một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ, em nên:

- Tìm và nhận xét hiệu quả của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, vần, nhịp.
- Làm rõ tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Xác định bố cục, chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

¹ Chái bếp: gian nhỏ lợp một mái tiếp vào đầu hối nhà, nơi người Dao đặt bếp để sưởi ấm, nấu nướng.

² Nò: một loại vũ khí hình cánh cung, có cán làm tay cầm và có lẫy, cảng bật dây để bắn tên.

³ Quá giang: thanh vật liệu (gỗ) cứng, chắc, bắc từ cột cái sang cột con, nhằm nâng đỡ và chịu lực cho ngôi nhà gỗ.

⁴ Hồn người chờ thuyền về quê cũ: theo quan niệm của người Dao, khi chết đi hồn sẽ vượt biển trở về với tổ tiên cũng là nơi phát tích của tộc người Dao.

Chái nhà tôi bao lần vàng cọ¹
Nước đầu nguồn về máng² rong chơi

Cho tôi về chái bếp nhà tôi
Cùi lừa non đêm đầy sương giá
Tiếng ngô giòn tiếng mẹ giòn hơn
Cho tôi về chái bếp nhà tôi...*

(In trong Yao, NXB Hội Nhà văn, 2021)

Hướng dẫn đọc

1. Cách thể hiện hình ảnh chái bếp của bài thơ này có gì đặc sắc?
2. Từ hình ảnh về chái bếp ở dòng thơ đầu tiên, hồi ức của tác giả mở rộng sang những hình ảnh nào? Điều đó thể hiện nét đặc biệt gì trong bố cục của bài thơ?
3. Nêu tác dụng của việc sử dụng điệp từ “cho” trong bài thơ. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ này là gì?
4. Nêu chủ đề của bài thơ. Dựa trên cơ sở nào để em xác định như vậy?



LÀM MỘT BÀI THƠ SÁU CHỮ HOẶC BÂY CHỮ

Vận dụng những kinh nghiệm về cách làm một bài thơ (đã học ở lớp 6, lớp 7) để làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật hoặc hiện tượng nào đó trong cuộc sống.

Bước 1: Trước khi viết

- Đọc lại những bài thơ ở phần *Đọc* để học cách thể hiện cảm xúc về cuộc sống của các nhà thơ.
- Quan sát cuộc sống xung quanh để lựa chọn bất cứ đề tài nào gợi cho em nhiều cảm xúc.

¹ Cọ: cây cao thuộc họ dừa, lá hình quạt, mọc thành chùm ở ngọn, dùng để lợp nhà, làm nón.

² Máng: vật có hình là nửa của một ống dài chẻ đôi, để hứng và dẫn nước.

* Bài thơ đã được nhà thơ điều chỉnh một vài từ ngữ cho phù hợp với học sinh.

Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ

- Chú ý đến sự vật, hiện tượng đã để lại trong em ấn tượng, cảm xúc sâu sắc nhất.
- Xác định cảm xúc được gợi nên từ sự vật, hiện tượng. Ví dụ: cảm xúc vui tươi khi được quây quần cùng người thân ngày Tết; niềm bâng khuâng, xao xuyến khi hoa phượng rực đỏ sân trường;...

Bước 3: Làm thơ

- Chọn từ ngữ miêu tả âm thanh, mùi vị, màu sắc, hình ảnh của sự vật, hiện tượng để thể hiện cách nhìn, cách cảm sự vật, hiện tượng.
- Dùng từ láy hoặc các biện pháp tu từ như: nhân hoá, so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, nói quá, nói giàm nói tránh, đối lập,... để tăng hiệu quả biểu đạt của hình tượng thơ.
- Thay thế những từ ngữ đã có bằng những từ ngữ khác (có nghĩa) mà vẫn giống hoặc gần nhau để gieo vần cho bài thơ, ví dụ như: *mình – tình, đồng – hồng,...*
- Lựa chọn từ ngữ, dấu câu để tạo sự ngắt nhịp linh hoạt sao cho thể hiện được chính xác tình cảm, cảm xúc của em.
- Đọc diễn cảm các câu thơ đã viết, lắng nghe xem giọng điệu có phù hợp với cảm xúc mà em muốn thể hiện hay không.

Bước 4: Chính sửa và chia sẻ

- Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra nội dung và hình thức của bài thơ:

Bảng kiểm hình thức và nội dung của một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ

	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Hình thức	Có các dòng thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.		
	Có nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.		
	Sử dụng được ít nhất một cách gieo vần.		
	Sử dụng một số biện pháp tu từ.		
	Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện chính xác điều người viết muốn nói.		
	Các hình ảnh trong bài thơ sống động, thú vị.		
	Có độ dài tối thiểu: bốn dòng thơ (mỗi dòng sáu chữ hoặc bảy chữ).		
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy ngẫm nào đó về thiên nhiên hoặc con người.		

- Đọc lại bài thơ từ vai trò của người đọc và trả lời câu hỏi:
1. Điều em thích nhất ở bài thơ này là gì?
 2. Cần điều chỉnh những gì để bài thơ hay hơn?

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TỰ DO

Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tự do (thể thơ mà người viết không bị ràng buộc vào các quy tắc về số câu, số chữ, số dòng, cách gieo vần,... khi sáng tác).

Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do:

- Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tự do.
- Cấu trúc gồm ba phần:

Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).

Thân đoạn: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.

Kết đoạn: khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

Hướng dẫn phân tích kiểu đoạn văn

Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về bài thơ *Lời con*

Bài thơ *Lời con* của Phan Thị Thanh Nhàn đã đưa tôi về thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đồng thời khiến tôi ngạc nhiên, thích thú vì những phát hiện tinh tế của nhà thơ về trẻ con. Chỉ có thể qua đôi mắt trẻ thơ, thế giới mới hiện lên trong veo, ngộ nghĩnh và thú vị đến thế: "cô ti vi", "cái cây là con cô gió", "ngâm thơ vào nước",... Bài thơ có ba khổ thi hai khổ đầu là những lời con nói với mẹ về cuộc sống qua cách cảm nhận hồn nhiên, ngây thơ của đứa trẻ. Đó chính là nét độc đáo, đặc sắc và thú vị

Lời con

Con bảo:

- Chùm bàng thân nhau quá
Chẳng ai chịu ở một mình.
- Bố mặc quần dài nhanh lèn
Cô ti vi sấp ra chào đấy.
- Thấy mẹ về, gió reo, lá vẫy
Đúng cái cây là con cô gió rồi.
- Con muốn mặc áo đỏ đi chơi
Như tờ lịch những ngày mẹ nghỉ.
- Đài ngâm thơ con nghe ướt thế
Mẹ cũng ngâm thơ vào nước cho hay.
- Không ăn được nhưng nhiều cây
Mẹ mua cho con quả núi.

của bài thơ. Ở khổ thơ cuối, giọng thơ đầm lại, chuyển từ vui tươi, hồn nhiên sang sâu lắng, chiêm nghiệm. Người mẹ muốn làm thơ nhưng cảm xúc chưa nảy sinh, câu chữ “cần khô”. Đúng lúc này, những lời nói ngây thơ hằng ngày của con vang lên trong tâm trí mẹ khiến cảm xúc tuôn trào. Hình ảnh đứa con yêu đã trở thành mạch nguồn trong lành, dạt dào, gợi nhiều xúc cảm nhất để tiếng thơ của mẹ cất lên thành lời. Tôi thảm cảm ơn nhà thơ đã giúp tôi thảm thía một điều thiêng liêng: đối với cha mẹ, con cái luôn là món quà tuyệt vời nhất.

– Báo của mẹ là Hà Nội Mới
Hôm qua là Hà Nội cũ phải không?
– Mẹ bận không lên chơi bác Ngân
Hay mẹ dán tem gửi con đi vậy!
Mẹ ngồi trước mènh mông trang giấy
Muốn viết mà câu chữ cần khô
Chợt nhớ chuyện bâng quơ con nói
Mẹ ghi vào thành một bài thơ...

Phan Thị Thanh Nhàn
(In trong *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 10 (số 293), 2013)

Theo Lê Thị Vân

(In trong *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 12 (số 297), 2013)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Xác định nội dung câu chủ đề, câu kết đoạn của đoạn văn.
2. Tóm tắt phần thân đoạn.
3. Tác giả dùng ngôn ngữ như thế nào để chia sẻ cảm nghĩ? Cảm xúc và suy nghĩ được thể hiện như thế nào trong bài viết?
4. Tác giả đã sử dụng những bằng chứng nào trong bài thơ để làm rõ cảm nghĩ của mình?
5. Tìm các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Chọn một bài thơ tự do mà em yêu thích, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Thơ tự do là thể thơ như thế nào? Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ tự do có đặc điểm gì về hình thức và nội dung?
- Mục đích viết đoạn văn này là gì? Người đọc đoạn văn này có thể là ai? Họ muốn thu nhận điều gì từ đoạn văn của em?
- Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?

- Đọc lại các yêu cầu viết đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ tự do.
- Tìm bài thơ đúng thể loại, ví dụ: *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông), *Mây và sóng* (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go), *Con là...* (Y Phương), *Đợi mẹ* (Vũ Quần Phương),...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận nhạc điệu được thể hiện qua cách gieo vần, ngắt nhịp,...
 - Xác định những cái hay của bài thơ về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, nhạc điệu, cách sắp xếp bố cục,...
 - Ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ mà bài thơ gợi cho em bằng một vài cụm từ.
- Sắp xếp các ý đã ghi theo sơ đồ tham khảo sau:

Mở đoạn	Giới thiệu nhan đề, tên tác giả, nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.
Thân đoạn	Nêu các ý thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ.
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

Bước 3: Viết đoạn

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, em cần chú ý đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Hãy dùng bảng kiểm sau để tự chỉnh sửa đoạn văn:

Bảng kiểm kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do

	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.		
	Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ về bài thơ.		
	Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và khái quát về bài thơ.		

Thân đoạn	Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ theo trình tự hợp lí.		
	Làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.		
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.		
	Dùng dấu câu để kết thúc đoạn văn.		
Diễn đạt	Sử dụng một vài phép liên kết phù hợp.		
	Viết đúng chính tả, ngữ pháp.		
	Dùng từ phù hợp.		

- Đọc lại đoạn văn từ góc độ của người đọc và trả lời hai câu hỏi dưới đây:

1. Điều gì của đoạn văn này làm em thích nhất?
2. Em sẽ đề xuất người viết điều chỉnh những gì để đoạn văn hấp dẫn hơn?



NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC

Em được dự một buổi thuyết trình về tác phẩm văn học yêu thích. Hãy lắng nghe và ghi lại những ý chính của bài thuyết trình để làm tư liệu học tập.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe

- Tìm hiểu trước đề tài của bài thuyết trình, liệt kê những gì em đã biết, đang quan tâm và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.
- Xác định mục đích nghe.
- Chuẩn bị giấy, bút (bút màu, bút dạ quang,...) để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng trong khi nghe.

Bước 2: Nghe và ghi chép

- Theo dõi và ghi lại những nội dung chính (thường được giới thiệu ở phần đầu của bài thuyết trình).

- Theo dõi các lập luận, bằng chứng (ví dụ, số liệu, hình ảnh, sơ đồ,...) mà người nói sử dụng để làm rõ các ý chính của bài thuyết trình; ghi tóm tắt các nội dung đó bằng từ/ cụm từ, đồng thời sử dụng các kí hiệu như: dấu sao (*), dấu gạch ngang (-), dấu cộng (+) hoặc bút màu để đánh dấu các ý chính, ý phụ.

- Chú ý điệu bộ, cử chỉ, tốc độ nhanh/ chậm, cao độ của giọng người nói và những nội dung được lặp đi lặp lại, nhấn mạnh để xác định ý chính của bài thuyết trình. Lưu ý những từ ngữ có tính chất chuyên ý, dẫn dắt như: *thứ nhất là, thứ hai là, ngoài ra, bên cạnh đó, thêm nữa, tóm lại,...*

- Ghi chú hoặc nêu câu hỏi về những điểm em chưa hiểu rõ hoặc chưa nghe kịp.

Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi

- Đọc lại và trao đổi nội dung tóm tắt với các bạn khác và điều chỉnh.
- Đối với những chỗ chưa rõ, nêu câu hỏi hoặc đề nghị người thuyết trình giải thích/ trình bày lại để đảm bảo em hiểu đúng ý người nói.

Bảng kiểm kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị trước khi nghe	Liệt kê những gì đã biết và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.		
	Xác định mục đích nghe.		
	Xác định đề tài của bài thuyết trình.		
Nghe ý chính và ghi tóm tắt	Xác định được đầy đủ các ý chính của bài thuyết trình.		
	Trình bày tóm tắt các ý chính dưới dạng từ khoá, sơ đồ, kí hiệu.		
	Trình bày các ý chính một cách rõ ràng, mạch lạc.		
	Hỏi lại những thông tin chưa hiểu rõ trong khi nghe.		

ÔN TẬP

1. Tìm một số điểm giống nhau, khác nhau về nội dung và hình thức giữa bài thơ *Trong lời mẹ hát* (Trương Nam Hương) và *Nhớ đồng* (Tô Hữu).

2. Nhận xét về cách ngắt nhịp và gieo vần của khổ thơ sau:

*Quả bàng vuông xanh non màu lá
Mơn mòn thơm mùi nắng Sơn Ca
Hoa giấy đỏ dưới trời nắng cháy
Chim líu lo rót mật trước hiên nhà*

(Lê Cảnh Nhạc, *Đảo Sơn Ca*)

3. Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh trong các trường hợp sau và cho biết tác dụng của chúng:

- a. *Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vỏ bỏ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xâm xấp nước lúa rày đã lấm tấm xanh.*

(Nguyễn Ngọc Tư, *Mùa phơi sân trước*)

- b. *Nhung đêm nay trời nhiều mây. Lá cây xào xác. Côn trùng trong lòng đất rỉ rả mãi một điệu buồn. Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Óc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo dài trườn qua chiếc lá rụng. Nửa đêm, xíu chút nữa Bọ Dùa thiếp đi thì sương bắt đầu rơi. Lẩn trong tiếng thở dài của gió là tiếng rơi lớp đợp của sương.*

(Trần Đức Tiến, *Giọt sương đêm*)

4. Trải nghiệm thú vị nhất mà em có được khi làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ là gì?

5. Chọn một bài thơ tự do mà em yêu thích và viết đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

6. Liệt kê một vài kĩ năng mà em có được khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

7. Tình yêu thương đã làm giàu tâm hồn chúng ta như thế nào?

NHỮNG BÍ ẨN CỦA THẾ GIỚI TỰ NHIÊN (Văn bản thông tin)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.
- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; nhận biết được các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, sơ đồ.
- Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục.
- Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.
- Yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

Em đã bao giờ tự hỏi: Bầu trời đêm chứa đựng điều kì diệu gì và trong lòng đại dương có những hiện tượng bí ẩn nào mà chúng ta chưa biết đến? Nhật thực khác với nguyệt thực như thế nào? Vì sao đàn chim lại bay theo hình chữ V?... Thế giới tự nhiên chứa đựng bao điều bí ẩn đang chờ đợi chúng ta khám phá.



Sự kì bí của thế giới tự nhiên gợi cho em suy nghĩ gì?

Những văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên trong bài học này sẽ đưa em vào hành trình thú vị để khám phá những bí ẩn của thế giới vốn rất đẹp và phong phú quanh ta.



TRÍ THỨC NGỮ VĂN

Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên

Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lý giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên, so sánh sự giống và khác nhau giữa các hiện tượng tự nhiên, giải thích cách tiếp cận và giải quyết một vấn đề trong thế giới tự nhiên.

Cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên thường gồm các phần:

- Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.
- Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.
- Phần kết thúc (không bắt buộc): thường trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

Cách sử dụng ngôn ngữ: thường sử dụng từ ngữ thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (*địa lí, sinh học, thiên văn học,...*), động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái (ví dụ: *vỡ, phun trào, mọc, chuyển động, xoay,...*), từ ngữ miêu tả trình tự (*bắt đầu, kế tiếp, tiếp theo,...*).

Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

Ngoài cách trình bày thông tin theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng (đã học ở lớp 7), thông tin trong văn bản còn có thể được trình bày theo cách so sánh, đối chiếu.

Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:

- So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.
- So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.

Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (*giống, tương tự như, cả hai, tất cả, mỗi, cũng, theo cách tương tự,...*) và khác nhau (*khác với, nhưng, mặt khác, trái lại, tuy nhiên,...*) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.

Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp

Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. *Câu chủ đề* trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.

Dưới đây là một số kiểu đoạn văn thường gặp:

Đoạn văn diễn dịch là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.

Ví dụ:

Quan trọng hơn cả, tự học còn là một thú vui rất thanh nhã, nó nâng cao tinh thần ta lên. Ta vui vì thấy khả năng của ta đã thăng tiến và ta giúp đời nhiều hơn trước. Một thầy kí, một bác nông phu, bất kì hạng người nào, nếu chịu học hỏi tìm kiếm, cũng có thể cải thiện phương pháp làm việc của mình, và giảng giải những kinh nghiệm của mình cho người khác. Sau cùng, còn gì vui bằng tìm tòi và khám phá: Pát-xơ-tơ, Anh-xơ-tanh, hai vợ chồng Kiu-ri và hàng trăm nhà bác học khác, suốt đời nghèo nàn mà lúc nào cũng mẫn nguyện hơn những vua chúa trên ngai vàng; cả tháng cả năm tự giam trong phòng thí nghiệm, không hề biết những tiêu khiển của người đời mà thấy thời giờ trôi qua vẫn quá mau, là nhờ thủ tự học tìm tòi của họ.

(Nguyễn Hiến Lê, *Tự học – một thú vui bổ ích*)

Đoạn văn quy nạp là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.

Ví dụ:

Hiện nay, tại một số địa phương, người dân đã hưởng ứng “lối sống xanh” bằng những hành động thiết thực như tiết kiệm điện, nước, chăm sóc và bảo vệ cây xanh. Bên cạnh những hoạt động đó, việc buôn bán và sử dụng thực phẩm an toàn, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, ngăn chặn những hành vi làm ô nhiễm môi trường,... cũng dần được mọi người chú ý thực hiện tích cực hơn. Tóm lại, “lối sống xanh” góp phần nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường xung quanh và ngày càng được nhiều người lựa chọn.

(Theo Lê Phi Hùng, *Xây dựng “lối sống xanh” trong cộng đồng*, <https://www.qdnd.vn>, ngày 9/9/2022)

Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.

Ví dụ:

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thăng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

Đoạn văn phối hợp là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.

Ví dụ:

Cốm trộn hạt dẻ trở thành món ăn đặc sản, sang trọng. Khi trong nhà có khách, ông chủ bày cốm hạt dẻ mời trà. Còn con rể thì dâng cốm hạt dẻ lě bố mẹ vợ nhân ngày Tết thường trăng. Học trò mang cốm trộn hạt dẻ biếu thầy cô. Tóm lại, cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân.

(Y Phương, *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát*)

VĂN BẢN I

BẠN ĐÃ BIẾT GÌ VỀ SÓNG THẦN? ①

Chuẩn bị đọc

Em đã biết gì về sóng thần? Trong tình huống nếu chẳng may gặp sóng thần, chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ mình và hỗ trợ những người xung quanh?

Trải nghiệm cùng văn bản

Định nghĩa ②

Sóng thần, trong tiếng Nhật gọi là tờ-su-na-mi (tsunami), là chuỗi sóng biển kéo dài (từ vài phút tới hàng giờ), lan truyền với vận tốc lớn. Tuỳ theo độ sâu của đáy biển, vận tốc lan truyền sóng thần có thể đạt từ 720 km/giờ trở lên¹. Khi vào bờ, sóng thần có sức tàn phá rất ghê gớm.

Không như nhiều người tưởng, sóng thần không phải là những ngọn sóng ầm ầm, cuồn cuộn tiến vào đất liền mà người ta có thể mục kích² và nghe được âm thanh của nó từ ngoài khơi xa. Ngay cả khi ngồi trên thuyền ngoài khơi, bạn cũng không thể biết

Theo dõi

- 1 2 Nhan đề và hệ thống đề mục của văn bản cho em biết điều gì?

¹ Theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

² Mục kích: thấy tận mắt.

nó từ ngoài khơi xa. Ngay cả khi ngồi trên thuyền ngoài khơi, bạn cũng không thể biết khi nào sóng thần bắt đầu xuất hiện. [...]. Do đó, bạn khó có thể nhận thấy dấu hiệu báo trước của một đợt sóng thần. Có thể vì thế mà trong phút chốc, cơn sóng thần do trận động đất mạnh ở Ấn Độ Dương gây ra ngày 26/12/2004 đã lấy đi mạng sống của hàng trăm nghìn người ở hòn đảo quốc gia.

Cơ chế hình thành sóng thần

- Sự thay đổi của một mảng kiến tạo gây ra một trận động đất và làm dịch chuyển nước biển.
- Những con sóng được tạo ra và di chuyển ra mọi hướng trên biển, một số con sóng di chuyển nhanh.



- Khi vào vùng nước nông, những con sóng bị nén ép lại, tốc độ chậm hơn và trở nên cao hơn.
- Chiều cao của những con sóng tăng cùng với cường độ của chúng đã biến thành mối đe dọa tính mạng và tài sản con người.

Sơ đồ tóm tắt cơ chế hình thành sóng thần do động đất dưới đáy biển gây ra

Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa, sóng còn rất nhỏ và yếu vì nước quá sâu nhưng đó là một chuỗi sóng có tốc độ rất cao, lên đến 800 km/giờ... Khi sóng thần dịch chuyển trên đại dương, chiều dài từ chóp sóng¹ trước đến chóp sóng sau có thể cách xa hàng trăm ki-lô-mét hoặc hơn và độ cao chóp sóng chỉ khoảng vài mét. Do vậy, người ta không thể thấy dấu hiệu rõ ràng của sóng thần. Nói cách khác, sóng thần không phải là sự di chuyển của bề mặt sóng mà là toàn bộ khối nước. Sóng thần chỉ thật sự hiện nguyên hình với sức mạnh huỷ diệt kinh hoàng khi nó đến gần bờ. Ở vùng nước nông, một con sóng thần khổng lồ có thể cao đến 30 m hoặc hơn (ngọn sóng thần tấn công vịnh Li-tu-y-a (Lituya)², A-lát-xca (Alaska)³ vào năm 1958 cao đến 525 m). **3**

Đọc quét

- 3** Đọc quét hai đoạn đầu của văn bản và cho biết điều khiến sóng thần trở nên đáng sợ nhất với con người là gì.

¹ Chóp sóng: phần ở trên cùng của con sóng.

² Li-tu-y-a: một vịnh hẹp nằm trên bờ biển phía đông nam của tiểu bang A-lát-xca, nước Mỹ.

³ A-lát-xca: một tiểu bang của Mỹ.

Nguyên nhân

Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất, ngoài ra còn do núi lửa phun trào, lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả các vụ thử hạt nhân dưới nước),... Thảm họa sóng thần chấn động ngày 26/12/2004 là hệ quả của một trận động đất xảy ra do va chạm giữa mảng Án Độ và mảng Bơ-ma (Burma), sau khi mảng Bơ-ma bắt ngửa trời lên, cao hơn mảng Án Độ. Đó là trận động đất cực mạnh với 9 độ rich-te (richter)¹, lớn nhất trong bốn thập niên kể từ trận động đất Gút Phrai-đây (Good Friday)² 9,2 độ rich-te tấn công A-lát-xca vào năm 1964 và là trận lớn thứ tư kể từ năm 1900. Trận động đất lớn đến mức lan sang tận Xô-ma-li-a (Somalia)³, cách tâm chấn 4 100 km. Tâm chấn động đất ở độ sâu 10 km, cách tây Su-ma-tra (Sumatra)⁴ khoảng 160 km, nằm trong khu vực “vòng đai lửa châu Á – Thái Bình Dương”.

Dấu hiệu sắp có sóng thần

Những người trên bờ biển khó biết sóng thần sắp tiến về phía mình. Dấu hiệu đầu tiên là nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đồ, chứ không như sóng mạnh của một cơn bão sắp tới. Bỗng nhiên, mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thuỷ triều. Hoặc bạn có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ,... Do vậy, khi đứng trên bãi biển và nhìn thấy nước biển đột ngột rút nhanh xuống, bạn hãy thông báo cho mọi người xung quanh biết là sắp có sóng thần và di chuyển nhanh khỏi bãi biển, đến vùng cao hơn để trú ẩn trước khi sóng thần đến.

Các thảm họa sóng thần trong lịch sử

Sóng thần đã được nhắc đến từ thời thượng cổ. Năm 365, sóng thần tại A-léch-xan-đri-a (Alexandria)⁵ làm hàng nghìn người thiệt mạng. Sóng thần tai hại nhất trong lịch sử loài người xảy ra vào ngày 27/8/1883, sau khi núi lửa Kra-ca-tô-a (Krakatoa)⁶ tại In-đô-nê-xi-a phun trào khiến 36 000 người thiệt mạng trên bờ biển Gia-va (Java)⁷ và Su-ma-tra. Ngày 15/6/1896, sóng thần cao 23 m làm hơn 26 000 người thiệt mạng trong một lễ hội tôn giáo ở Nhật Bản. Ngày 22/5/1960, sóng thần cao 11 m làm hơn 1 000 người thiệt mạng tại Chi-lê (Chile)⁸. Ngày 16/8/1976, hơn 5 000 người

¹ Rich-te: hay còn gọi là thang đo Richter, là loại đơn vị được dùng để đo cường độ của các trận động đất.

² Gút Phrai-đây: tên trận động đất lớn ở A-lát-xca xảy ra vào ngày 27/3/1964.

³ Xô-ma-li-a: tên một quốc gia nằm ở châu Phi.

⁴ Su-ma-tra: một đảo lớn ở miền tây In-đô-nê-xi-a (Indonesia).

⁵ A-léch-xan-đri-a: tên một thành phố lớn của Ai Cập.

⁶ Kra-ca-tô-a: một đảo núi lửa thuộc vành đai lửa Thái Bình Dương.

⁷ Gia-va: một đảo của In-đô-nê-xi-a.

⁸ Chi-lê: tên một quốc gia nằm ở Nam Mỹ.

chết tại vịnh Mo-ro (Moro), Phi-líp-pin (Philippines) vì sóng thần. Ngày 17/7/1998, sóng thần làm hơn 2 100 người chết tại Pa-pua Niu Ghi-nê (Papua New Guinea)¹.



4

Đọc hiểu phương tiện phi ngôn ngữ

4

Hình ảnh minh họa ở đoạn này có hỗ trợ cho ý tưởng chính của toàn đoạn không? Vì sao?

Một ngôi làng ven bờ biển Su-ma-tra đổ nát sau thảm họa sóng thần ngày 26/12/2004 (<https://cand.com.vn/Muon-mau-cuoc-song/Tran-song-than-tan-khoc-nhat-lich-su-i494422/>)

[...]

(Theo Một số kiến thức về sóng thần, <https://nhandan.vn>, ngày 16/3/2022)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Mục đích viết của văn bản trên là gì? Những đặc điểm nào của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy?
2. Chi ra cách trình bày thông tin và căn cứ xác định của một số đoạn văn sau:
 - a. Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa ... A-lát-xca năm 1958 cao đến 525 m.
 - b. Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất ... trong khu vực “vòng đai lửa châu Á – Thái Bình Dương”.
 - c. Những người trên bờ biển khó biết sóng thần sắp tiến về phía mình ... đến vùng cao hơn để trú ẩn trước khi sóng thần đến.
3. Tìm thông tin cơ bản của đoạn văn: “Sóng thần đã được nhắc đến ... Ngày 17/7/1998, sóng thần làm hơn 2 100 người chết tại Pa-pua Niu Ghi-nê”. Thông tin cơ bản đã được thể hiện bằng những chi tiết nào? Xác định vai trò của những chi tiết này trong đoạn văn.

¹ Pa-pua Niu Ghi-nê: một quốc gia quần đảo ở tây nam Thái Bình Dương, có đường biên giới trên đất liền duy nhất với In-đô-nê-xi-a.

- Văn bản sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Nhận xét về hiệu quả biểu đạt của chúng trong văn bản.
- Sau khi đọc văn bản, em hiểu thêm điều gì về sóng thần?
- Dựa trên những hiểu biết của em về sóng thần, thiết kế một áp phích để hướng dẫn mọi người những việc cần làm khi xảy ra sóng thần.

VĂN BẢN 2

SAO BĂNG LÀ GÌ VÀ NHỮNG ĐIỀU BẠN CẦN BIẾT VỀ SAO BĂNG?

Chuẩn bị đọc

Em đã biết gì về sao băng?

Trải nghiệm cùng văn bản

Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện về tình yêu.

Sao băng là gì?

Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển¹. Trái Đất với vận tốc rất lớn (khoảng 100 000 km/h). Lực ma sát của không khí đốt cháy thiên thạch làm nó phát sáng khi di chuyển. Thiên thạch có nguồn gốc là bụi vũ trụ, mảnh vụn từ các sao chổi hoặc các tiểu hành tinh. !

Hầu hết các thiên thạch bị đốt cháy trước khi chạm vào mặt đất. Tuy nhiên, nếu có kích thước lớn, chúng có thể rơi xuống và tạo nên những hố lòng chảo sâu trên lục địa.

Mưa sao băng là gì?

Mưa sao băng là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.

Suy luận

1

Mục đích của đoạn văn này là gì?

¹ Khí quyển: lớp không khí bao quanh Trái Đất hoặc một thiên thể.

Khi quan sát những trận mưa sao băng, chúng ta đều có thể dễ dàng nhận thấy các sao băng đều xuất phát hoặc hướng về một khu vực trên bầu trời. Khu vực đó được gọi là tâm điểm của mưa sao băng. Tên của các trận mưa sao băng sẽ được đặt theo tên khu vực chòm sao mà tâm điểm của trận mưa sao băng đó hướng tới. ②

Mỗi trận mưa sao băng thường kéo dài trong nhiều ngày, tuy nhiên khoảng thời gian sao băng xuất hiện nhiều nhất lại khá ngắn và trong khoảng cực điểm ấy, số lượng sao băng quan sát được có thể từ 10 cho đến 100 sao hoặc nhiều hơn nữa. Thỉnh thoảng, có những trận mưa sao băng dày đặc, mật độ sao quan sát được có thể lên đến hàng nghìn hay thậm chí hàng chục nghìn sao mỗi giờ. Những cơn mưa sao băng như thế được gọi là bão sao băng.

Mỗi năm thường có những trận mưa sao băng nào?

Mỗi năm có rất nhiều trận mưa sao băng. Sau đây là gợi ý cho bạn về một số trận mưa sao băng hằng năm có mật độ sao tương đối cao:

- Mưa sao băng Qua-đờ-ran-tít (Quadrantids): từ 1 – 5/01 hằng năm, cực điểm thường vào 3 – 4/01.
- Mưa sao băng En-ta A-quá-rít (Eta Aquarids): 19/4 – 28/5 hằng năm, cực điểm vào 5 – 6/5.
- Mưa sao băng Pơ-sây (Perseids): 17/7 – 24/8 hằng năm, cực điểm vào 12 – 13/8.
- Mưa sao băng Ô-ri-ô-nít (Orionids): 2/10 – 7/11 hằng năm, cực điểm vào 21 – 22/10.



Sao băng
(Shutterstock.com)

Theo dõi

- ② Nội dung chính của đoạn văn này là gì?



Một cơn mưa sao băng
(Shutterstock.com)

– Mưa sao băng Lê-ô-nit (Leonids): 10 – 23/11 hằng năm, cực điểm vào 16 – 17/11.

– Mưa sao băng Gie-mi-nit (Geminids): 7 – 17/12 hằng năm, cực điểm vào 12 – 13/12. ③

Việc quan sát được sao băng còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như trời mây, độ ô nhiễm không khí của nơi đó hay ánh sáng của Mặt Trăng. Nếu bầu trời nhiều mây thì không thể quan sát được sao băng, hay nơi đó có quá nhiều bụi ô nhiễm hoặc ánh sáng thì việc quan sát sao băng cũng gặp nhiều khó khăn.

Vì sao mưa sao băng lại có chu kỳ?

Sao băng là sự xuất hiện ngẫu nhiên của các thiên thạch trên bầu trời, vậy tại sao mưa sao băng lại có thể xuất hiện theo chu kỳ? Bên cạnh bụi vũ trụ thì trên thực tế, nguyên nhân chính làm xuất hiện mưa sao băng chính là các sao chổi. Sao chổi là những thiên thể quay quanh Mặt Trời với quỹ đạo riêng. [...] Do được cấu tạo bởi băng, bụi và đá nên khi chuyển động gần Mặt Trời, đuôi sao chổi bị sức nóng của Mặt Trời đốt cháy, tạo thành những dải bụi trên quỹ đạo. Nếu quỹ đạo của Trái Đất cắt ngang quỹ đạo của dải bụi này thì ít nhất mỗi năm vào đúng một thời điểm nhất định, Trái Đất sẽ đi xuyên qua dải bụi đó và hiện tượng mưa sao băng sẽ xảy ra trong thời gian đó. Vì vậy, hầu hết các trận mưa sao băng đều có chu kỳ là một năm.

[...]

(Theo *Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?*, <https://voh.com.vn>, ngày 16/3/2022; 1001 thắc mắc: *Sao băng lao nhanh thế nào, vì sao bốc cháy trên không trung?*, <https://tienphong.vn>, ngày 16/3/2022)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Văn bản *Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?* có phải là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên hay không? Vì sao?
2. Chỉ ra điểm khác biệt trong cách trình bày đề mục của văn bản *Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?* với văn bản *Bạn đã biết gì về sóng thần?*. Cách trình bày ấy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích của văn bản?
3. Tóm tắt các thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu em có thể xác định được những thông tin cơ bản này?
4. Xác định cách trình bày thông tin của các đoạn văn sau và cho biết tác dụng của chúng:
 - a. *Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch ... tạo nên những hố lòng chảo sâu trên lục địa.*

Xác định thông tin chính và thông tin chi tiết

③ Xác định thông tin chính và thông tin chi tiết của đoạn văn này.

- b. Mỗi năm có rất nhiều trận mưa sao băng ... cực điểm vào 12 – 13/12.
- c. Sao băng là sự xuất hiện ngẫu nhiên của các thiên thạch trên bầu trời ... hầu hết các trận mưa sao băng có chu kỳ là một năm.
5. Văn bản đã sử dụng (những) loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Ý nghĩa của việc sử dụng (những) loại phương tiện ấy trong văn bản là gì?
6. Tìm và xem video clip về một trận mưa sao băng trên Internet. Sau đó, trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về video clip đó.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

MƯA XUÂN (II)

Nguyễn Bính

Trải nghiệm cùng văn bản

Chiều âm mùi hương thoảng gió đưa
Tà tà mưa bụi rắc thưa thưa
Cây cam cây quýt cành giao nối
Lá ngừa lòng tay hoa đón mưa.

Nào ai nhìn thấy rõ mưa xuân?
Tơ nhện vừa giăng sợi trắng ngàn
Bướm bướm cứ bay không ướt cánh
Người đi trẩy hội tóc phơi trần.

Đường mát da chân lúa mát mình
Đôi bờ cò dại nở hoa xanh
Gò cao đứng sững trâu kềnh bụng
Nghêch mõm nghe vang trống hội đình.

Núi lên gọn nét đá tươi màu
Xe lửa về Nam chạy chạy mau
Một toán cò bay là mặt ruộng
Thành hàng chữ nhất¹ trắng phau phau.

¹ Chữ nhất: trong chữ Hán, chữ nhất có hình dạng giống một nét gạch ngang.

Bãi lạnh bờ đâu sầm lá tơ
Làng bên âm ướt giọng chuông mờ
Chiều xuân lưu luyến không đành hết
Lơ lửng mù sương phảng phất mưa.

Hà Nội, 1958

(*Nguyễn Bính toàn tập*, tập một, NXB Hội Nhà văn, 2017)

Suy ngẫm và phản hồi

- Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh thiên nhiên được miêu tả qua bài thơ?
- Tác giả thể hiện cảm xúc gì trong bài thơ?
- Cách cảm nhận của tác giả về thiên nhiên gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- Xác định cấu trúc của các đoạn văn sau và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn văn (nếu có):

a. Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện tình yêu.

(Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?)

b. Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng. Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hàng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.

(Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim)

c. Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, báo, thuỷ tinh và lon nhôm,... Bằng cách tái chế một nửa số rác thải sinh hoạt, mỗi người có thể giảm khoảng 1,2 tấn khí CO₂ mỗi năm vì việc đốt cháy rác thải làm tăng mức độ các-bon đi-ô-xít (carbon dioxide) trong khí quyển. Đây là tác nhân chính gây ra hiệu ứng

nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.

(Theo Lan Anh tổng hợp, *Mười biện pháp giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất*,
<https://kinhtemoitruong.vn>, ngày 9/9/2022)

d. *Bản đồ tư duy có thể đơn giản hóa những thách thức khi bạn viết. Với tư cách là một công cụ có hệ thống kích thích tư duy sáng tạo, bản đồ tư duy có thể tổ chức và hệ thống hóa những ý nghĩ lộn xộn, thiếu mạch lạc. Chính vì thế, bản đồ tư duy có thể hỗ trợ bạn xác định cần nói những gì và nói như thế nào để được hiệu quả nhất.*

(1980 Books, *Ứng dụng bản đồ tư duy trong học tập*)

2. Sắp xếp các câu dưới đây để tạo thành đoạn văn mạch lạc. Cho biết đoạn văn vừa sắp xếp thuộc kiểu đoạn văn nào mà em đã học.

(1) *Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gấp những đợt sóng tiếp theo gây ra sự cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng.*

(Theo Sóng thần - cơn "giận dữ" của biển cả, <https://tuyenquang.gov.vn>, ngày 16/3/2022)

3. Viết câu chủ đề cho các đoạn văn sau:

a. *Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc tăng nặng một số bệnh lí về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay,... Không chỉ vậy, ô nhiễm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.*

(Nhóm biên soạn)

b. *Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hoá thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hoá thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải Co₂ vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác.*

(Nhóm biên soạn)

4. Viết đoạn văn (khoảng sáu đến tám câu) trình bày vai trò của máy vi tính đối với cuộc sống của chúng ta hiện nay. Xác định cấu trúc của đoạn văn đó.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN TRONG TẬP TÍNH DI CƯ CỦA CÁC LOÀI CHIM

Đỗ Hợp tổng hợp

Hàng trăm tỉ con chim di cư mỗi năm theo chiều bắc nam giữa nơi sinh sản và nơi trú đông cách xa hàng ngàn hoặc thậm chí hàng chục ngàn ki-lô-mét giống như một phép lạ của cuộc sống.



Vì sao chim di cư?

Sự di cư của các loài chim đầy những bí ẩn và thách thức đối với sự hiểu biết của con người. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu trường hợp cụ thể sau:

Én-sân mơ-ro-lít (Ancient murrelet) là một loài chim vô cùng kì lạ. Mỏ của chúng giống loài chim sẻ, cơ thể lại giống một con chim cánh cụt, đôi cánh giống loài vịt và chim non trông giống những con gà con. Điều khác biệt nhất so với các loài chim khác là chân của chúng ở rất gần đuôi và có dáng đứng thẳng. Tuy nhiên, chúng có vẻ khá vụng về. Loài chim này bay khoảng 8 000 km mỗi năm trên toàn bộ khu vực Bắc Thái Bình Dương, giữa các quốc gia châu Mỹ và châu Á. Chúng sinh sản ở miền tây Ca-na-đa (Canada), sau đó bay hàng ngàn dặm, băng qua đại dương ở khu vực Nhật Bản và Hàn Quốc để trú đông. Đây cũng là loài chim duy nhất được biết đến trên khắp Bắc Thái Bình Dương.

Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng. Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới

khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hằng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.

Ví dụ trên rõ ràng đã phản bác lại quan điểm chim di cư là để tránh cái lạnh giá của mùa đông.

Một số nhà khoa học đã suy đoán rằng sự di cư của loài chim có thể bắt nguồn từ thời kì băng hà 10 000 năm trước Công nguyên. Mùa băng ở Bắc bán cầu và tuyết rơi khiến một số loài chim buộc phải rời khỏi nơi cư trú để tìm đến những nơi có điều kiện sống tốt hơn, dễ kiếm thức ăn hơn. Khi giá lạnh qua đi, chúng sẽ lại trở về nơi sinh sống cũ. Nhưng khi mùa đông ập đến, nhóm chim di cư dần mở rộng và cuối cùng đã hình thành sự di cư hằng năm của các loài chim này. Nói cách khác, sự xói mòn và đóng băng định kì của sông băng đã khiến các loài chim hình thành một bản năng di truyền thường xuyên từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tuy nhiên, lí thuyết này vẫn có những lỗ hỏng nhất định. Nó không thể giải thích được tại sao một số loài chim không di cư và thời kì băng hà chỉ chiếm 1% trong lịch sử sinh tồn của loài chim. Một khoảng thời gian ngắn như vậy tại sao lại có thể có tác động đến sự di truyền của chúng?

Trong những năm gần đây, hai nhà khoa học W. E-lit-xơ Bon (W. Alice Boyle) và Coóc-nây Con-quây (Courtney Conway) thuộc Đại học A-ri-dô-na (Arizona), đã đưa ra những ý tưởng mới để nghiên cứu về sự di cư của loài chim. Lý do di cư của loài chim là vì tình trạng thiếu lương thực xảy ra ở một số khu vực trong thời tiết lạnh, buộc chúng phải rời khỏi nhà, di chuyển đến những khu vực có nhiệt độ cao và lượng thức ăn phong phú hơn. [...]

Tại sao đàn chim di cư lại bay theo đội hình chữ V?

Hàng năm cứ vào mùa đông, nhiều loài chim lại kéo nhau bay về phương nam để tránh rét và tìm kiếm thêm thức ăn. Thú vị ở chỗ, nhiều loài chim như nhạn, ngỗng trời,... có tập tính bay đội hình chữ V. Vậy nguyên nhân nào khiến những loài chim lại sử dụng đội hình bay như thế?

Các nhà khoa học Anh đã tìm ra câu trả lời sau khi tiến hành thực nghiệm trên mươi bốn con cò đen đầu hói bằng cách đeo thiết bị để xác định vị trí đường bay, tốc độ và nhịp cánh của mỗi chú cò.

Khi đọc văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên, em nên:

- Xác định thông tin được trình bày theo trật tự nào và nêu tác dụng.
- Tìm, phân tích các thông tin cơ bản và ý nghĩa của chúng.
- Làm rõ vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.

Đội hình chữ V được xem là đội hình tối ưu về mặt khí động lực học¹, con chim bay ở đầu mũi tên hay hình chữ V thường là chim đầu đàn và khoẻ hơn hẳn những con phía sau. Khi bay theo đội hình như vậy, các chú chim thường tận dụng luồng không khí đi qua đôi cánh của chúng bao gồm: luồng khí hướng lên (có lợi) từ phía dưới lên mép sau của đôi cánh giữ cho chúng ở trên không trung mà không phải quạt cánh vất vả và luồng không khí hướng xuống (không có lợi) từ phía trên đến mép sau đôi cánh. Khi bay, con chim dẫn đầu vỗ cánh làm cho không khí hai bên cánh chuyển động, luồng khí này truyền ra phía sau. Những con chim bay phía sau sẽ nhận luồng khí có lợi từ con đầu đàn và giảm thiểu luồng khí hướng xuống bất lợi nhằm hạn chế việc hao tốn sức lực trong suốt thời gian dài. Đó là mục đích chính của đội hình bay chữ V: “Những con chim bay sau chỉ đơn giản cảm nhận được đâu là vị trí của luồng không khí hướng lên và đâu là vị trí của luồng không khí hướng xuống. Từ đó, chúng sẽ xác định được vị trí thích hợp để không phải mất nhiều sức lực khi bay”. Nhờ sự liên kết khí động lực học này mà hiếm có con chim nào phải rời đàn vì kiệt sức, nếu con đầu đàn không còn sức thì lập tức sẽ có một con to khoẻ khác thay thế ngay.

Theo một nghiên cứu năm 2001, những con bồ nông trắng khi bay theo đội hình chữ V có nhịp tim và nhịp vỗ cánh thấp hơn 14% khi chúng bay một mình. Nghiên cứu từ những năm 1970 cho thấy, khi bay thành đàn, chim có thể bay nhanh hơn khi bay đơn độc đến 71% nên con chim đầu đàn phải có sức khoẻ và ý chí cao hơn những con chim còn lại.

Ngoài ra, việc bay theo đội hình chữ V còn giúp đàn chim giữ liên lạc tốt hơn vì những con chim bay sau dễ dàng nhìn thấy những con chim phía trước. Điều này giúp chúng không bị lạc đàn mỗi khi chim đầu đàn ra tín hiệu dừng lại để nghỉ, tìm thức ăn hoặc đổi hướng bay.

Con người cũng có thể học cách bay theo đội hình chữ V của loài chim vì tiết kiệm được năng lượng khi bay theo đội hình, hình thức này khá phổ biến với cả phi công dân sự và quân sự. Tờ báo chuyên công bố kết quả của những nghiên cứu mới nhất – *Naty-chơ* (Nature) cho biết: “Bằng cách giữ đầu mũi cánh trong vùng xoáy của máy bay phía trước, mỗi chiếc bay sau có thể tiết kiệm tối đa 18% lượng nhiên liệu.”

(Theo 1001 thắc mắc: Sự thực có phải chim di cư là do chúng sợ lạnh?,
<https://tienphong.vn/>, ngày 17/3/2022)

Hướng dẫn đọc

- Chi ra những đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được thể hiện trong văn bản trên.

¹ Khí động lực học: ngành khoa học nghiên cứu về dòng chảy của chất khí.

- Tìm thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của đoạn văn sau: “Én-sân mờ-ro-lít là một loài chim vô cùng kì lạ, mỏ của chúng giống loài chim sẻ ... trên khắp Bắc Thái Bình Dương”. Vai trò của những thông tin chi tiết trong đoạn văn trên là gì?
- Văn bản đã trình bày (những) thông tin cơ bản nào? Các chi tiết trong văn bản đã góp phần hỗ trợ thể hiện (những) thông tin cơ bản ấy ra sao? Hãy lí giải.
- Xác định cách trình bày thông tin của đoạn trích: “Hàng năm cứ vào mùa đông, nhiều loài chim lại kéo nhau bay về phương nam để tránh rét và tìm kiếm thêm thức ăn ... mỗi chiếc bay sau có thể tiết kiệm tối đa 18% lượng nhiên liệu”. Dựa vào đâu em có thể xác định như vậy?
- Tìm phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản và cho biết tác dụng của chúng.



VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.

Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích.
- Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.
- Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.
- Có thể dùng thông tin chi tiết, để mục và các dấu hiệu hình thức (in đậm, in nghiêng, số thứ tự,...) để làm nổi bật thông tin quan trọng.
- Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh,...) để minh họa và làm nổi bật thông tin quan trọng.

- Trình bày mạch lạc, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

- Cấu trúc thường gồm ba phần:

Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.

Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.

Phần kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào?

Phản mở đầu

Nhật thực và nguyệt thực là những hiện tượng tự nhiên rất thú vị. Tuy nhiên, không phải ai cũng biết về hai hiện tượng này và sự khác nhau giữa chúng. Trong bài viết này, các bạn hãy cùng tôi tìm hiểu về sự khác nhau giữa hai hiện tượng đó nhé! ⁽¹⁾

(1) Giới thiệu chung về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.

Phản nội dung

Nhật thực và nguyệt thực là hai hiện tượng thiên văn xảy ra khi Trái Đất, Mặt Trăng và Mặt Trời nằm trên cùng một mặt phẳng và thẳng hàng với nhau. Tuy nhiên, vị trí của chúng có sự thay đổi thứ tự nên mới tạo ra hai hiện tượng trên. Vậy hai hiện tượng ấy xảy ra khi nào?

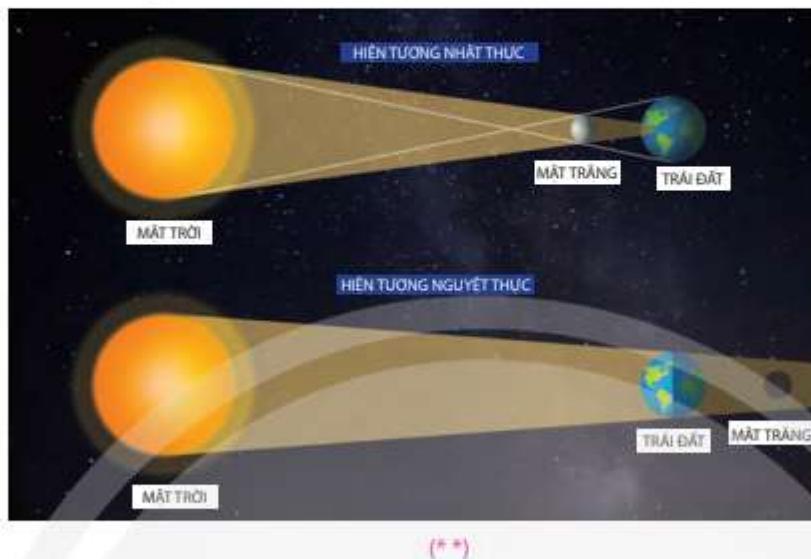
(2) Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.

– Hiện tượng **nhật thực**^(*) xảy ra khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất cùng nằm trên một mặt phẳng, thẳng hàng hoặc gần thẳng hàng với nhau. Lúc này, Mặt Trăng sẽ ở giữa Trái Đất và Mặt Trời. Vì nằm giữa nên Mặt Trăng sẽ che phủ toàn bộ hoặc một phần ánh sáng của Mặt Trời chiếu lên Trái Đất, dẫn đến hiện tượng trời tối giữa ban ngày (còn gọi là nhật thực). ⁽²⁾

(*) Sử dụng để mục và in đậm các từ khóa.

– Hiện tượng **nguyệt thực**^(*) xảy ra khi Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất nằm trên một mặt phẳng đồng thời thẳng hàng với nhau. Tuy nhiên, khác với hiện tượng nhật thực, lúc này vị trí của Trái Đất và Mặt Trăng hoán đổi cho nhau, tức là Trái Đất nằm giữa Mặt Trời và Mặt Trăng. Thông thường, chúng ta có thể nhìn thấy Mặt Trăng là nhờ ánh sáng của Mặt Trời chiếu

lên nó. Chính vì vậy, khi Trái Đất nằm giữa sẽ che khuất hoàn toàn ánh sáng của Mặt Trời chiếu lên Mặt Trăng, do đó làm xuất hiện nguyệt thực (dân gian còn gọi là hiện tượng "gấu ăn Mặt Trăng").⁽²⁾



Sơ đồ mô tả vị trí của Mặt Trời, Trái Đất và Mặt Trăng khi xảy ra nguyệt thực và nhật thực
(Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)^(***)

Nhật thực và nguyệt thực xuất hiện bao nhiêu lần trong năm?^(*)

Hiện tượng **nhật thực**^(*) thường sẽ xảy ra ít nhất hai lần và nhiều nhất là năm lần trong một năm. Trong khi đó, **nguyệt thực**^(*) chỉ xảy ra khoảng một đến hai lần trong năm, trong vòng năm năm sẽ có một năm không xảy ra hiện tượng nguyệt thực. Lịch sử thiên văn học thế giới ghi nhận chưa có năm nào xảy ra tám lần nhật thực và nguyệt thực.

Nguyệt thực^(*) ít khi xuất hiện nhưng lại dễ dàng quan sát hơn vì có một nửa trên Trái Đất có thể nhìn thấy nguyệt thực. Trong khi đó **nhật thực**^(*) chỉ xảy ra ở một phạm vi hẹp nên rất hiếm khi được nhìn thấy hiện tượng này. Thậm chí, có những nơi trên Trái Đất đến hai trăm – ba trăm năm mới được nhìn thấy hiện tượng nhật thực toàn phần.

Phần kết thúc

Trên đây là những thông tin về nguyệt thực và nhật thực mà tôi muốn chia sẻ với các bạn. Hi vọng sau bài viết này, các bạn đã hiểu về sự khác nhau giữa nhật thực và nguyệt thực.⁽³⁾

(Theo *Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào?*,
<https://24hthongtin.com>, ngày 17/3/2022)

(**) Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để minh họa cho thông tin.

(***) Trình bày tên của phương tiện phi ngôn ngữ và nguồn trích dẫn.

Thực hiện các yêu cầu sau để hiểu rõ hơn về kiểu văn bản:

1. Xác định bối cảnh của bài viết và nội dung chính của từng phần.
2. Các đề mục có mối quan hệ như thế nào với nhau? Nhận xét về hình thức trình bày nhau thế, các đề mục và tác dụng của chúng.
3. Tác giả in đậm những từ ngữ nào? Mục đích in đậm là gì?
4. Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin như thế nào trong bài viết trên? Dựa vào đâu em có thể xác định được như vậy? Hiệu quả của cách trình bày đó là gì?
5. Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của bài viết.
6. Bài viết đã sử dụng loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Chỉ ra hiệu quả và cách thức trình bày của loại phương tiện ấy trong văn bản.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Trường em tổ chức tuần lễ “Nhà khoa học tương lai” để học sinh tìm hiểu về những bí ẩn của thế giới tự nhiên. Em hãy viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên mà bản thân quan tâm để tham gia tuần lễ này.

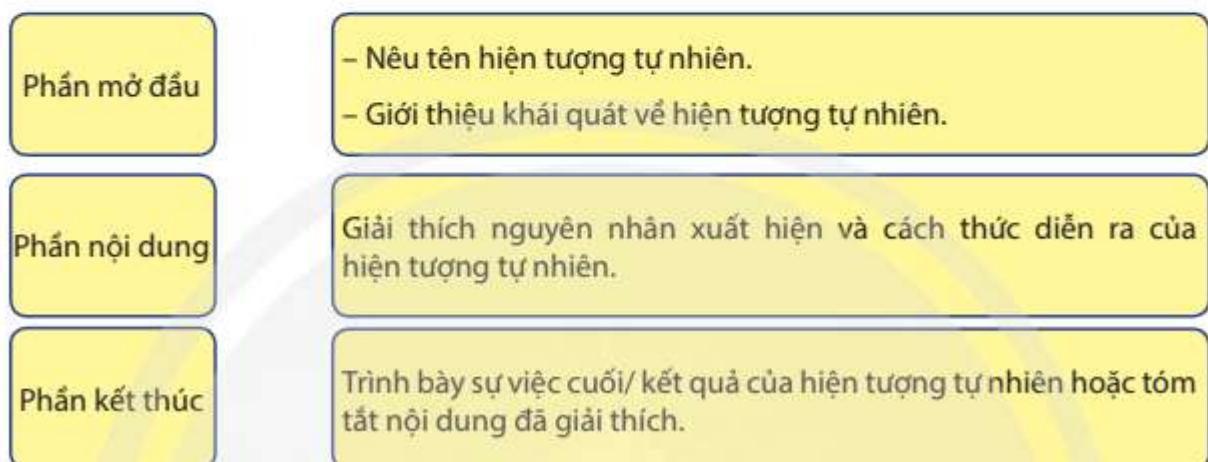
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Đọc kỹ đề bài và xác định vấn đề, kiểu bài, độ dài của bài viết.
- Xác định mục đích viết (ví dụ: *giúp mọi người hiểu về một hiện tượng tự nhiên, nhằm phòng tránh hoặc biết cách quan sát,... hiện tượng tự nhiên đó*), người đọc và mong đợi của họ về bài viết.
- Chọn nội dung trình bày và cách viết phù hợp. Chẳng hạn, nếu người đọc là bạn học, em có thể dùng cách diễn đạt thân mật (ví dụ: *xưng hô “tôi – bạn”*), nếu người đọc thuộc thành phần khác, em cần dùng cách diễn đạt trung tính (ví dụ: *tác giả bài viết, bài viết này,...*).
- Tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn giải thích trên Internet, tạp chí/ sách chuyên ngành, báo, sách giáo khoa, phim tư liệu, chương trình ti vi hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu.
- Tìm hiểu yêu cầu của các cuộc thi, các tờ báo, trang web mà bài viết cần đáp ứng.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Đọc kỹ tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em sẽ giải thích, đánh dấu những thông tin quan trọng, ghi chú thư mục và nguồn dẫn của tài liệu tham khảo.

- Ghi chép thông tin về hiện tượng tự nhiên trong quá trình đọc, cụ thể là:
 - Tên hiện tượng tự nhiên.
 - Thông tin về hiện tượng: nguyên nhân xuất hiện, cách thức diễn ra.
 - Kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích.
- Dựa trên bố cục của bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và phiếu ghi chép, lập sơ đồ dàn ý cho bài viết (tham khảo sơ đồ sau):



Bước 3: Viết bài

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, cần chú ý:

- Đảm bảo cấu trúc ba phần của bài viết.
- Đặt nhan đề giới thiệu tên của hiện tượng tự nhiên thu hút sự chú ý của người đọc.
- Tóm tắt thông tin quan trọng của từng đoạn/ phần bằng hệ thống các đề mục.
- Có thể đặt một số câu hỏi ở phần mở đầu và trả lời cho những câu hỏi đó ở các phần tiếp theo của bài viết để tạo sự mạch lạc và thu hút sự quan tâm của người đọc.
- Kết hợp các cách trình bày thông tin khác nhau: in đậm/ in nghiêng/ gạch chân, phương tiện phi ngôn ngữ,... để làm nổi bật thông tin quan trọng.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Dựa vào bảng kiểm sau để kiểm tra chất lượng bài viết:

Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Phần mở đầu	Nêu tên của hiện tượng tự nhiên.		
	Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên.		

Phản nội dung	Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên.		
	Trình bày trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên.		
Phản kết thúc	Trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích.		
Hình thức	Có nhan đề và các đề mục, các đề mục nêu được thông tin chính của phần/ đoạn bài viết.		
	Sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ các thông tin quan trọng.		
	Kết hợp (các) cách trình bày thông tin.		
	Dùng động từ miêu tả hoạt động/ trạng thái và một số từ ngữ chuyên ngành.		
	Đặt tên cho các phương tiện trực quan và trích dẫn nguồn (nếu có).		
	Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.		

• Đọc lại bài viết từ góc độ người đọc và trả lời các câu hỏi sau:

- Bài viết này có thú vị, rõ ràng, dễ hiểu hay không?
- Bài viết cần điều chỉnh những gì?



NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG CHÍNH TRONG THẢO LUẬN NHÓM, TRÌNH BÀY LẠI NỘI DUNG ĐÓ

Em được giao nhiệm vụ tham gia cuộc thảo luận về chủ đề "Thiên nhiên có vai trò gì đối với cuộc sống con người?" và có trách nhiệm ghi chép nội dung thảo luận để trình bày lại cho các bạn nghe.

Để thực hiện nhiệm vụ này, em làm theo hướng dẫn dưới đây:

Bước 1: Chuẩn bị nghe

- Tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận, trao đổi của nhóm.
- Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài này.
- Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.

Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính

- Tập trung lắng nghe nội dung trao đổi giữa các thành viên trong nhóm.
- Tránh ngắt lời người nói.
- Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của người nói (ví dụ: *theo tôi..., tôi cho rằng/ nghĩ rằng..., quan điểm của tôi là,...*).
- Quan sát nét mặt, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người nói để hiểu quan điểm của họ về vấn đề đang trao đổi.
 - Ghi ngắn gọn những vấn đề có nhiều ý kiến trao đổi (kết luận, phương án giải quyết); những vấn đề nhóm đã hoặc chưa thống nhất bằng từ khoá, cụm từ, kí hiệu, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh,...
 - Ghi tóm tắt ý kiến/ quan điểm cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm với nhóm.

Bước 3: Trình bày lại những nội dung chính đã trao đổi, thảo luận

- Trước khi trình bày, em nên:
 - Xác định lại với các thành viên trong nhóm về nội dung em đã tóm tắt, ghi chép và điều chỉnh (nếu có).
 - Xác định rõ mục đích, người nghe, không gian và thời gian trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận.
 - Đọc lại, sắp xếp các nội dung đã ghi chép theo một trình tự hợp lý để thuận tiện cho việc trình bày và phản ánh chính xác, đầy đủ nội dung cốt lõi, mối tương quan giữa các ý kiến của cuộc trao đổi, thảo luận.
- Khi trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận, em cần:
 - Làm rõ: vấn đề nhóm đã trao đổi; vấn đề được nhiều người quan tâm; kết quả trao đổi, thảo luận (gồm: ý kiến thống nhất và chưa thống nhất giữa các thành viên, phương án giải quyết vấn đề (nếu có)); những băn khoăn của nhóm cần tiếp tục được xem xét, tìm hiểu, suy nghĩ thêm.
 - Diễn đạt rõ ràng, ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu.

- Sau khi trình bày, em nên:
 - Chú ý lắng nghe phản hồi của người nghe.
 - Giải đáp, trao đổi về những nội dung đã trình bày.
- Sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá kỹ năng nghe và trình bày của bản thân.

**Bảng kiểm kỹ năng nghe, nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận
và trình bày nội dung đó**

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Tìm hiểu thông tin về đề tài trao đổi, thảo luận của nhóm.		
	Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài.		
	Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.		
Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính	Không ngắt lời người nói.		
	Quan sát nét mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người nói.		
	Tóm tắt nội dung trao đổi bằng các từ khoá, cụm từ, kí hiệu, sơ đồ,...		
	Ghi lại ý kiến/ quan điểm cá nhân về những vấn đề được trao đổi.		
	Ghi lại câu hỏi về những vấn đề em chưa hiểu rõ.		
	Đọc lại phần ghi chép tóm tắt và chỉnh sửa (nếu có).		
Trình bày lại nội dung trao đổi, thảo luận	Làm rõ (những) vấn đề nhóm đã trao đổi; (những) vấn đề được nhiều người quan tâm; kết quả trao đổi, thảo luận; (những) băn khoăn của nhóm cần được tiếp tục xem xét, tìm hiểu, suy nghĩ.		
	Điển đạt rõ ràng, ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu.		
	Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi.		

ÔN TẬP

- Trình bày đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.
- Tóm tắt hai văn bản *Bạn đã biết gì về sóng thần?* và *Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng?* theo các nội dung sau: mục đích viết, nội dung chính, cấu trúc, cách trình bày thông tin, nhan đề và đề mục, thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết, phương tiện phi ngôn ngữ.
- Xác định cấu trúc và câu chủ đề (nếu có) của đoạn văn sau:

Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.

(Theo Hoàng Tiến Tựu, *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”*)

- Khi viết văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên, cần lưu ý điều gì?
- Chia sẻ những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả.
- Từ những điều đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: *Sự kí bí của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ gì?*

SỰ SỐNG THIÊNG LIÊNG

(Văn bản nghị luận)

Yêu cầu cần đạt

- Phân biệt được bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.
- Nhận biết được nghĩa một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán Việt đó.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội.
- Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

Hằng ngày, em có cảm nhận được dòng chảy của sự sống xung quanh? Sự sống hiện diện ở khắp nơi: nhành cây, phiến lá, đoá hoa, các loài muông thú,... Cảm nhận được dòng chảy của sự sống, em sẽ biết trân trọng giá trị của thiên nhiên, hiểu được sự kết nối giữa con người với Trái Đất, biết yêu quý cuộc sống mà tạo hoá đã ban tặng.



Cá phải sự sống của muôn loài đều thiêng liêng, đáng quý?

Thông qua các văn bản nghị luận trong bài học này, em sẽ hiểu thêm về ý nghĩa thiêng liêng của sự sống.



ĐỌC

TRÍ THỨC NGỮ VĂN

Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

Luận đề là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.

Luận điểm là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, bằng chứng.

Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận

Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.

Ý kiến, đánh giá chủ quan là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở để kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.

Ví dụ:

(1) *Mạng xã hội cung cấp các phương tiện để việc giao tiếp ngày càng dễ dàng hơn, ví dụ như các ứng dụng gọi điện trực tiếp, nhắn tin điện tử,...* (2) *Vì thế, tôi hi vọng mạng xã hội sẽ phát triển hơn trong tương lai để phục vụ cộng đồng.*

Câu thứ nhất là một *bằng chứng khách quan* bởi ích lợi của mạng xã hội có thể kiểm chứng trong thực tế. Câu thứ hai là một *ý kiến, đánh giá chủ quan*, vì đó chỉ là suy nghĩ cảm tính của người viết, không có cơ sở để kiểm chứng.

Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện,...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể được diễn đạt bằng các cụm từ như: <i>tôi cho rằng, tôi thấy,...</i> hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.
Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy; có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.

Để làm nên sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, những ý *kiến*, *đánh giá chủ quan* của người viết cần dựa trên cơ sở các *bằng chứng khách quan*. Do đó, việc nhận ra *bằng chứng khách quan* và ý *kiến*, *đánh giá chủ quan* của người viết trong văn bản nghị luận giúp người đọc kiểm chứng được tính đúng, sai của các lập luận; lí giải được sức thuyết phục, tác động của văn bản.

Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:

Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt	Ví dụ
CHINH (1) đánh dẹp (2) đi xa	<i>Chinh phục</i> (<i>chinh</i> : đánh dẹp; <i>phục</i> : tuân theo): (1) dùng vũ lực bắt nước khác, dân tộc khác phải khuất phục; (2) tác động đến đối phương làm đối phương bị hấp dẫn.	(1) <i>Mảnh đất này đâu phải là những người anh em của họ, mảnh đất này là kẻ thù của họ và khi đã chinh phục được, thì họ sẽ lẩn tránh.</i> (Xi-át-tô, <i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</i>) (2) <i>Anh ấy rất biết cách chinh phục lòng người.</i>
	<i>Chinh phu</i> (<i>chinh</i> : đánh dẹp, đi xa; <i>phu</i> : người chồng, người đàn ông): (1) người đi xa; (2) người chồng đi đánh giặc nơi xa.	<i>Em không nghe rao rực Hình ảnh kẻ chinh phu Trong lòng người cô phu?</i> (Lưu Trọng Lư, <i>Tiếng thu</i>)
LẠM quá mức	<i>Lạm phát</i> (<i>lạm</i> : quá mức; <i>phát</i> : đưa ra): phát hành quá nhiều tiền, khiến đồng tiền bị sụt giá.	<i>Nạn lạm phát trở nên trầm trọng khiến giá cả tăng vọt.</i>
	<i>Lạm dụng</i> (<i>lạm</i> : quá mức; <i>dụng</i> : sử dụng): sử dụng quá mức, vượt quá quyền hạn.	<i>Nhiều người thường lạm dụng chức quyền để tham ô.</i>
TUYỆT (1) dứt, hết (2) tột độ, hết mức	<p><i>Tuyệt bút</i> – <i>tuyệt</i>: (1) dứt, hết; (2) tột độ, hết mức – <i>bút</i>: viết</p> <p><i>Tuyệt bút</i> (theo nghĩa thứ nhất): viết để lại trước khi chết.</p> <p><i>Tuyệt bút</i> (theo nghĩa thứ hai): tác phẩm hay, đẹp hết mức.</p>	(1) <i>Dưới đèn săn bức tiên hoa/ Một thiên tuyệt bút gọi là đế sau.</i> (Nguyễn Du, <i>Truyện Kiều</i>) (2) <i>Văn đến như thế thật là tuyệt bút.</i>

	<i>Tuyệt nhiên</i> (<i>tuyệt</i> : tuyệt: tột độ, hết mức; <i>nhiên</i> : thành tố thêm vào sau một từ khác để chỉ cách thức, trạng thái): một cách tuyệt đối, hoàn toàn.	<i>Cô ấy tuyệt nhiên không đà động gì đến chuyện cũ.</i>
VÔ không, không có	<i>Vô bồ</i> (<i>vô</i> : không có; <i>bồ</i> : bồ ích, lợi ích): không có lợi ích.	<i>Không hao phí thời gian và công sức vào việc vô bồ.</i> (Chương Thâu, <i>Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỷ XXI</i>)
	<i>Vô tận</i> (<i>vô</i> : không, tận: hết): không bao giờ hết, không bao giờ cạn, không có điểm kết thúc.	<i>Tim cậu đập nhanh khi nó nghĩ về kho báu, đập chậm hẳn khi cậu mơ màng lặng nhìn chân trời vô tận trên sa mạc.</i> (Pao-lô Cau-ê-lô, <i>Nhà giả kim</i>)

VĂN BẢN 1

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

Xi-át-tô (Seattle)

Từ xa xưa, người da đỏ¹ bản địa sống theo từng bộ lạc hoà hợp với thiên nhiên. Khi người da trắng đến châu Mỹ, nền cơ khí công nghiệp đã can thiệp và huỷ hoại môi trường sống của họ, nên người da đỏ đã ngầm có ý thức phản kháng. Năm 1854, Tổng thống Mỹ Phreng-klin Pi-ơ-xơ (Franklin Pierce) tỏ ý muốn mua lại vùng đất của người da đỏ ở vùng Đông Bắc nước Mỹ, nay thuộc bang Oa-xinh-tơn (Washington). Thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tô đã gửi thư trả lời. Lá thư này được xem là một trong những văn bản hay nhất viết về mối quan hệ giữa thiên nhiên, sinh thái và con người.

Chuẩn bị đọc

Theo em, vì sao thiên nhiên được ví như bà mẹ của muôn loài?

¹ Người da đỏ: còn có tên gọi khác là thổ dân châu Mỹ, là các dân tộc bản địa đã sống ở châu Mỹ trước khi người châu Âu tìm ra châu lục này. Họ chủ yếu sống bằng hình thức săn bắt, hái lượm, gắn bó và hoà hợp với thiên nhiên.

Trải nghiệm cùng văn bản

[...] Đối với đồng bào tôi, mỗi tác đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thi thảm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi. Những dòng nhựa chảy trong cây cối cũng mang trong đó kí ức của người da đỏ.

Khi người da trắng chết đi, họ thường dạo chơi giữa các vì sao¹ và quên đi đất nước họ sinh ra. Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất tươi đẹp này. Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là người chị, người em của chúng tôi. Những mòn đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi âm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều cùng chung một gia đình. **1**

Suy luận

- 1 Các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn văn này gợi ý nghĩa gì?

[...] Dòng nước óng ánh, êm ái trôi dưới những dòng sông, con suối đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi. Nếu chúng tôi bán mảnh đất này cho Ngài², Ngài phải nhớ, Ngài phải dạy con cháu rằng, mảnh đất này là thiêng liêng và những tia sáng chói chang phản chiếu từ mặt hồ trong vắt sẽ nói lên cái gì đó về kí ức của người da đỏ. Tiếng thi thảm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi.

[...] Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống của chúng tôi. Đối với họ, mảnh đất này cũng như mảnh đất khác, bởi lẽ họ là kè xa lạ và trong đêm tối, họ lấy đi từ lòng đất những gì họ cần. Mảnh đất này đâu phải là những người anh em của họ, mảnh đất này là kẻ thù của họ và khi đã chinh phục được, thì họ sẽ lẩn tới.

[...] Họ cư xử với mảnh đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được, rồi bán đi như những con cừu và những hạt kim cương sáng ngời. Lòng thèm khát của họ sẽ ngẫu nhiên đắt đai, rồi đê lại đằng sau những bãi hoang mạc³.

Tôi biết, cách sống của chúng tôi khác với cách sống của Ngài. Cảnh đẹp nơi thành phố của Ngài làm nhức nhối con mắt người da đỏ. Có lẽ, người da đỏ hoang dã và tối tăm chẳng?

¹ Khi người da trắng chết đi, họ thường dạo chơi giữa các vì sao: theo niềm tin của "người da trắng", linh hồn của người chết sẽ lên thiên đường.

² Ngài: Tổng thống Mỹ Phreng-klin Pi-ơ-xơ, người tỏ ý muốn mua lại vùng đất của người da đỏ.

³ Hoang mạc: vùng đất khô cằn, có lượng mưa rất ít, không đủ để các loài động – thực vật sinh trưởng; đặc trưng bởi khí hậu khô nóng, khắc nghiệt.

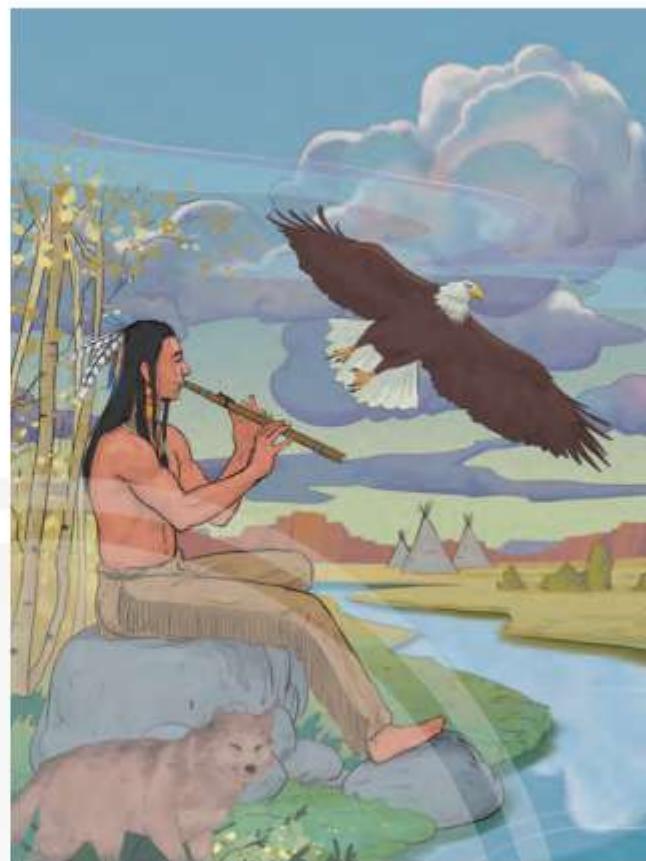
Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào là yên tĩnh cả, chẳng có nơi nào là nghe được tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng. Nếu có nghe thấy thì đó cũng là những tiếng ồn ào lảng mạ¹ trong tai. Và cái gì sẽ xảy ra đối với cuộc sống, nếu con người không nghe được âm thanh lè loi của chú chim đớp mồi hay tiếng tranh cãi của những chú éch ban đêm bên hồ? Tôi là người da đỏ, tôi thật không hiểu nổi điều đó. Người Anh-điêng² chúng tôi ưa những âm thanh êm ái của những cơn gió thoảng qua trên mặt hồ, được mưa gội rửa và thấm đượm hương thơm của phấn thông.

Không khí quả là quý giá với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như, người da trắng chẳng để ý gì đến nó. Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng không khí với chúng tôi là vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống mà không khí ban cho. Ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ. Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thường thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ. **②**

Như vậy, chúng tôi mới cân nhắc ý muốn mua mảnh đất này của Ngài. Nếu có quyết định chấp thuận yêu cầu của Ngài, chúng tôi phải đưa ra một điều kiện – đó là, người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những người anh em.

¹ *Lảng mạ*: chửi mắng, xúc phạm người khác.

² *Người Anh-điêng*: tên gọi khác để chỉ người dân Mỹ bản địa.



Người da đỏ sống hòa hợp, gắn bó với thiên nhiên

Suy luận

- ②** Việc lặp lại giả định “Nếu ... bán cho Ngài mảnh đất này” có ý nghĩa gì?

Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhà khói¹ lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần, chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.

Ngài phải dạy con cháu rằng, mảnh đất dưới chân chúng là những nấm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, phải kính trọng đất đai. Ngài phải bảo chúng rằng, đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giàn đơn chỉ là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình...

(Theo tài liệu *Quản lý môi trường phục vụ phát triển bền vững – Dự án VIETPRO – 2020, 1995; có đổi chiếu và chỉnh lại theo bản in trong cuốn Chảo năm 2000, NXB Đà Nẵng, 1999)*

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.
2. Văn bản chủ yếu hướng đến luận đề nào dưới đây? Lí giải dựa vào hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.
 - a. Hồi đáp lời đề nghị mua đất của Tổng thống Mỹ.
 - b. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.
3. Em hãy xác định câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn trích sau:

Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhà khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?

¹ Một con ngựa sắt nhà khói: chỉ tàu hỏa.

- Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất”? Tìm một số ví dụ từ thực tế để chứng minh cho cách hiểu của em.
- Đoạn văn nào trong bức thư để lại cho em ấn tượng mạnh nhất? Chia sẻ ấn tượng của em với các bạn trong lớp.
- Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng một trăm năm mươi chữ.

VĂN BẢN 2

THIÊN NHIÊN VÀ HỒN NGƯỜI LÚC SANG THU

Vũ Nho

Chuẩn bị đọc

Ghi lại một vài cảm nhận của em khi đọc bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh (*Ngữ văn 7*, tập một, Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) trước khi đọc văn bản này.

Trải nghiệm cùng văn bản

Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu ấn của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo. Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh, Nguyễn Đình Thi,... đều có những câu thơ, bài thơ tuyệt đẹp. Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.

Mùa thu đến với anh khá đột ngột và bất ngờ, không hẹn trước. Bắt đầu không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng hoa cúc như trong thơ cổ điển. Bắt đầu là hương ổi thơm náo nức. Một chữ “phả” kia đủ gợi hương thơm như sánh¹ lại. Nó sánh bởi vì hương đậm một phần, sánh còn bởi tại hơi gió se. Hương thơm luồn vào trong gió được tinh lọc, được cô đặc thêm. Gió mùa thu hào phóng đem chia hương mùa thu – bấy giờ là hương ổi chín – tới khắp nơi trong vũ trụ. Tại một vùng quê nhỏ, trong một giây phút nào đó, người viết chợt bắt gặp hương thu và bỗng sững sờ.

¹ Sánh: trạng thái gần như đặc quánh lại.

Đã cảm được “hương ôi”, đã nhận ra “gió se”, hơn thế nữa mắt lại còn nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ”. Những dấu hiệu đặc trưng của mùa thu đều hiện diện. Thế mà sao tác giả lại viết: “Hình như thu đã về”? Còn điều chỉ nữa mà ngờ? Thu đã về thật đây rồi, sao còn nghi hoặc? **1** Như đã nói ở trên, cái chính là sự bất ngờ, đột ngột. Do bất ngờ nên cả khứu giác (hương ôi), cá xúc giác (hơi gió se), cá thị giác (sương chùng chình) đều mách bảo thu về mà vẫn chưa thể tin, vẫn chưa dám chắc. Cái bằng lăng mơ hồ chính trong cảm giác “hình như” ấy đã tôn¹ thêm vẻ sương khói lảng lặng lúc thu sang. Đó là một nguyên nhân. Nhưng sâu xa hơn, ở đây còn bộc lộ nét sang thu trong hồn người mà sau chúng ta sẽ nói tới.

Theo dõi

- 1** Việc nêu ba câu hỏi liên tiếp có tác dụng gì?

Hình như thu đã về

Đó là một ẩn tượng tổng hợp từ những cảm giác riêng về hương, về gió, về sương. Từ hương nhận ra gió. Từ gió nhận ra sương. Nhưng khi phát hiện “sương chùng chình qua ngõ” thì trong sương cũng có hương, trong sương cũng có gió, và trong sương dường như có cả tình. “Chùng chình” hay chính là sự lưu luyến, bâng khuâng, ngập ngừng, bịn rịn? Cái ngõ mà sương đẫm hương, sương theo gió đang ngập ngừng đi qua vừa là cái ngõ thực, vừa là cái ngõ thời gian thông giữa hai mùa. Phút giao mùa của thiên nhiên ấy, nhìn thấy rồi, cảm thấy rồi mà sững sờ tưởng khó tin. Do đó, “hình như thu đã về” còn như là một câu thắc hỏi lại mình để có một sự khẳng định.

Bây giờ nhà thơ mới xem xét thêm cảm giác sang thu kia có đích thực không, hay chỉ là ảo giác. Thiên nhiên được quan sát ở một không gian rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn. Bức tranh thu từ những gì vô hình (hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyển sang những nét hữu hình, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vời. Người đọc thích thú với cấu trúc đối tự nhiên:

Sông được lúc đèn dáng

Chim bắt đầu vội vã

Dòng sông không cuồn cuộn dữ dội và gấp gáp như trong những ngày mưa lũ mùa hạ. Sông êm á, đèn dáng, sông đang lảng lại, đang trầm xuống trong lũng lò như ngãm nghĩ, suy tư. Tương phản với sông, chim lại bắt đầu vội vã. Hơi thu lạnh làm cho chúng phải khăn trương chuẩn bị cho chuyến bay tránh rét. Ta thường chỉ chú ý vào sự “vội vã” đối rất đẹp với sự “đèn dáng”. Xin chờ quên từ “bắt đầu” rất độc đáo ở đây. “Bắt đầu vội vã” thôi, chứ chưa phải là “đang vội vã”. Phải tinh tế lắm mới có thể nhận ra sự “bắt đầu” này trong những cánh chim bay.

¹ Tôn: làm nổi bật vẻ đẹp, ưu thế.

Dù có sự vội vã của chim (cái vội vã mới chớm, mới bắt đầu), không khí thu vẫn là không khí thư thái, lảng đọng, chậm rãi, lâng lâng. Vì thế mà đám mây mùa hạ mới thành thời duyên dáng “vắt nửa mình sang thu”. Đám mây như một dài lụa, như tấm khăn voan của người thiếu nữ trên bầu trời nửa đang còn là mùa hạ, nửa đã nghiêng về mùa thu. Nếu ở khổ thơ thứ nhất, còn phải có một cái ngõ thực cho sương đi qua để gợi nhớ đến cái ngõ ảo nỗi giữa hai mùa, thì ở đây chỉ cần một áng mây bâng khuâng mà có thể thấy bầu trời đang nhuộm nửa sắc thu. Hình ảnh mây là thực, nhưng cái ranh giới mùa là hư. Nó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng lả lùng của nhà thơ. Bầu trời một nửa thu. Đám mây mùa hạ đang nhuộm sắc thu. Đến một lúc nào đó, nó bỗng ngỡ ngàng thấy đang bồng bềnh trong bầu trời thu trọn vẹn.

Hai khổ thơ trên rất đẹp về mặt tạo hình, rất tinh trong cảm nhận, như hai cành biếc của một cây thơ lạ. Nhưng khổ thơ thứ ba là cái gốc của cây thơ đó, là nơi cho hai nhánh thơ trên tựa vào để khoe sắc, tỏa hương. Khổ thơ thứ ba đem đến cho bài thơ một vẻ đẹp mới, làm trọn vẹn thêm cái ý *sang thu* của hồn người chưa thật rõ ở hai khổ thơ trên. ②

Trong khổ thơ này, mùa thu được khẳng định bằng đoán nhận, bằng kinh nghiệm, bằng sự suy ngẫm chứ không phải bằng cảm nhận trực tiếp như hai khổ thơ trước. Mùa thu không được quan sát từ gần ra xa, từ thấp lên cao mà thu đang từ từ thu vào trong tâm tưởng, đang lảng lại trong suy tư:

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã voi dần con mưa
Sấm cũng bót bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

Vẫn là nắng, mưa, sấm, chớp, bão dông như mùa hạ, nhưng “mức độ” đã khác rồi. Để ý sẽ thấy cái gì cũng bắt đầu đi vào chừng mực, vào thế ổn định. Đầu phải là ngẫu nhiên mà mây từ “cây đứng tuổi” lại được đặt vào chỗ kết thúc của bài thơ, vốn là một chỗ cực kì quan trọng? Phải chăng cái đứng tuổi của cây là một cái chốt cửa để qua đó ta mở sang một thế giới khác, thế giới sang thu của hồn người?

Thiên nhiên trong *Sang thu* chủ yếu là lảng lại, chủ yếu là chừng mực, đúng mức. Con người cũng thế. Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm, thâm trầm, điềm đạm thêm, mặt khác người ta phải khẩn trương thêm, gấp gáp thêm. Thành ra sự vội vã của bầy chim cũng là sự vội vã của con người nữa đấy. Nhan đề *Sang thu* vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ,

Suy luận

- 2 Em hiểu thế nào về nhận xét “khổ thứ ba là cái gốc của cây thơ đó”?

cảnh vật. Hương quả sang thu. Ngọn gió sang thu. Dòng sông, bầy chim, đám mây, bầu trời sang thu. Nắng sang thu. Mưa sang thu. Sấm chớp, dông bão, cây cối sang thu. Nhưng trong từng cảnh sang thu của thiên nhiên, đất trời, tạo vật là lòng lộng hồn người sang thu. Vừa lưu luyến bồi hồi lại vừa nghiêm trang, chững chạc, vừa sâu lắng lại vừa mở rộng bâng khuâng, vừa khiêm nhường nhưng cũng tự hào, kiêu hãnh.

(Trích *Đi giữa miền thơ*, NXB Văn học, 1999)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.
2. Nêu luận đề của văn bản. Dựa trên cơ sở nào em xác định như vậy?
3. Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn sau:

Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu ấn của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo. Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh, Nguyễn Đình Thi,... đều có những câu thơ, bài thơ tuyệt đẹp. Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.

4. Em có đồng ý với nhận định: “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thâm vào từng từ ngữ, cảnh vật” hay không? Vì sao?
5. Viết từ bốn đến năm câu để trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

BÀI CA CÔN SƠN¹

Nguyễn Trãi



Trải nghiệm cùng văn bản

Côn Sơn² suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm³ bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.

¹ Phần văn bản này được trích từ bài thơ *Côn Sơn ca*.

² Côn Sơn: thuộc thôn Chi Ngại, xã Công Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

³ Đàn cầm: loại đàn cổ, trước có năm dây, về sau có bảy dây.

*Trong rừng thông mọc như nêm¹,
 Tìm nơi bóng mát ta lén ta nằm.
 Trong rừng có bóng trúc râm²,
 Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.*

(Trích *Thơ văn chữ Hán Nguyễn Trãi*, NXB Văn hoá, 1962)

Suy ngẫm và phản hồi

- Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ đầu.
- Nhân vật “ta” trong đoạn trích có thể là ai?
- Tìm các chi tiết miêu tả thiên nhiên và nhân vật “ta” trong đoạn thơ, từ đó nhận xét về mối quan hệ giữa thiên nhiên và nhân vật “ta”.
- Em cảm nhận thế nào về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong đoạn thơ?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- Tìm thêm những từ Hán Việt để điền vào bảng sau và giải thích ý nghĩa của chúng (làm vào vở):

STT	Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt
1	vô (không)	vô tình,...
2	hữu (có)	hữu tình,...
3	hữu (bạn)	thân hữu,...
4	lạm (quá mức)	lạm thu,...
5	tuyệt (tột độ, hết mức)	tuyệt sắc,...
6	tuyệt (dứt, hết)	tuyệt giao,...
7	gia (thêm vào)	gia vị,...
8	gia (nhà)	gia phong,...
9	chinh (đánh dẹp)	chinh phạt,...
10	chinh (đi xa)	chinh nhân,...

¹ Nêm: chèm hoặc lèn cho chát.

² Râm: không có bóng nắng, do trời đầy mây hoặc do không bị nắng chiếu.

2. Đặt ba câu với ba từ Hán Việt tìm được ở bài tập 1.

3. Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:

a. *Bức tranh thu từ những gì vô hình (hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyển sang những nét hữu hình, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vời.*

(Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)

b. *Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm, thâm trầm, điềm đạm thêm, mặt khác người ta phải khẩn trương thêm, gấp gáp thêm.*

(Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)

c. *Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm thì đứng trước nguy cơ tuyệt chủng.*

(Phan Anh Hải, Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam và thế giới)

d. *Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thi thảm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.*

(Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)

4. Trong đoạn văn sau, nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?

Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bắt cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.

(Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)

5. Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh họa:

a. Vô tư/ vô ý thức

b. Chính phu/ chính phủ

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN – XU THẾ¹ CỦA THẾ KÌ XXI

Chương Thâu

Vài năm lại đây, ở phương Tây xuất hiện một trào lưu sống mới gọi là sống đơn giản: Mọi người tự nguyện đơn giản hóa cuộc sống của mình. Đây là một lối sống mang đến nhiều ích lợi, đang dần trở thành xu thế của thế kỉ XXI.

Như thế nào gọi là sống đơn giản? Theo quan niệm của những người đề xướng ra trào lưu này, sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau một quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng: một cuộc sống hoà đồng với thiên nhiên, tìm kiếm sự cân bằng; một cuộc sống hồn nhiên, vô tư, không lo lắng,... Sống đơn giản chính là tự lắng nghe tiếng nói của lòng mình, xem rõ điều mình thật sự cần là gì; là sống một cuộc sống thực sự của bản thân chứ không phải bắt chước theo lối sống của người khác hoặc sống theo yêu cầu của người khác.

Trước hết, sống đơn giản sẽ giúp chúng ta biết kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các nhu cầu của bản thân để có được cuộc sống hài hòa, giàu ý nghĩa. Nếu như bạn muốn mua một căn nhà, bạn cần phải nghĩ đến cái lợi, cái hại của nó, có lợi ắt cũng sẽ có hại, cái được và mất luôn đi liền với nhau. Một căn nhà rộng rãi, đẹp đẽ tất sẽ đem đến sự thoái mái dễ chịu cho người ở, nhưng để có tiền chi trả cho nó, bạn buộc phải làm việc cật lực và có thể còn phải từ bỏ một số thứ khác trong cuộc sống của bạn nữa. Sau khi mua vài tháng hoặc vài năm, có thể sẽ có lúc bạn nghĩ rằng: không hiểu vì sao bạn sống một cuộc sống khổ sở, vất vả, một cuộc sống hết sức đơn điệu, nhảm chán chỉ để có tiền trả cho một căn nhà như thế này nho? Muốn có được cuộc sống thoái mái, sung sướng là một nhu cầu hoàn toàn chính đáng của con người. Nhưng chúng ta lại thường không biết dừng lại đúng lúc vì lòng tham của con người là vô đáy. Điều này sẽ mang đến nhiều hậu quả khôn lường. Do đó, việc hướng đến một lối sống đơn giản là rất cần thiết để ta thoát khỏi “cạm bẫy vật chất”, hướng đến làm giàu cho đời sống tinh thần.

Khi đọc văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống, em nên:

- Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản; vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố này.
- Chỉ ra mục đích viết của văn bản và mối quan hệ giữa mục đích viết với đặc điểm của văn bản.
- Nhận biết lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

¹ Xu thế: hướng hoạt động, phát triển chung, chủ yếu trong một thời gian nào đó.

Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống này là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, đi lại. Tuy nhiên, để đạt được điều đó, bạn phải bỏ ra một số công sức và thời gian nhất định. Nhưng điều quan trọng ở đây là, ngoài tất cả những thứ đó, trong thời gian còn lại, việc mà bạn cần làm là biến mình thành một con người nhàn nhã và bình yên, không hao phí thời gian và công sức vào việc vô bổ. Lối sống này từ xưa đã được cha ông chúng ta rất coi trọng và đã trở thành một trong những giá trị văn hoá của người Việt. Ở thời đại nào cũng có những con người biết cách sống nhàn, nhưng không phải là lẩn tránh cuộc sống thực tế mà sống một cách có ích cho đời. Có thể kể ra ở đây rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Chí Minh,...

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người luôn trong trạng thái phải chịu đựng áp lực quá tải do cuộc sống mang lại. Vì thế, việc xây dựng cho mình một cuộc sống đơn giản – một cuộc sống nhàn nhã theo đúng nghĩa: nhàn tẩm¹, làm việc có khoa học, biết dừng lại ở mức độ, biết mình biết người, có thái độ ứng xử đúng đắn, văn hoá – là việc làm có ích cho mỗi người. Điều này không những phù hợp với xu thế văn minh của thời đại mà cũng rất phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam chúng ta.

(In trong báo Văn nghệ, số Tết, 2002)

Hướng dẫn đọc

1. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.
2. Lí lẽ và bằng chứng được nêu ở đoạn văn thứ ba có tác dụng như thế nào trong việc làm sáng tỏ luận đề?
3. Xác định câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản.



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

Trong bài học này, em sẽ tiếp tục vận dụng những kỹ năng nghị luận đã học ở lớp 7 để thể hiện ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề của đời sống.

¹ Nhàn tẩm: tâm hồn nhàn nhã, thư thái, không vướng bận.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên

Mở bài

Từ xa xưa, khi xã hội loài người chưa phát triển, người nguyên thuỷ đã phải sống dựa vào thiên nhiên. Đến nay, khi nền văn minh nhân loại đạt đến sự phát triển vượt bậc, ta vẫn không thể phủ nhận được vai trò của thiên nhiên đối với mỗi con người. Thiên nhiên đã, đang và sẽ luôn đồng hành cùng ta trong mọi giai đoạn phát triển. Vì thế, tôi hoàn toàn tán thành với ý kiến: "Thiên nhiên là người bạn tốt của con người, con người cần yêu mến, bảo vệ thiên nhiên".⁽¹⁾

(1) Giới thiệu vấn đề cần bàn luận, nêu ý kiến đồng tình hoặc phản đối.

Thân bài

Thiên nhiên là những gì bao quanh chúng ta. Đó là mảnh đất nơi chúng ta đặt chân, là dòng nước chúng ta uống, là bầu không khí chúng ta hít thở hằng ngày, là cỏ cây, hoa lá, chim, thú, côn trùng,... Thiên nhiên tồn tại ở khắp mọi nơi, và chúng ta cũng là một phần của thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên, sống dựa vào thiên nhiên. Ý kiến trên, qua cách so sánh "thiên nhiên là người bạn tốt của con người", đã khẳng định vai trò của thiên nhiên cũng như cách ứng xử đúng đắn với thiên nhiên.⁽²⁾

(2) Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận.

"Thiên nhiên là người bạn tốt của con người, con người cần yêu mến, bảo vệ thiên nhiên".⁽³⁾ Đúng vậy, bởi thiên nhiên có một vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của con người. Nếu không có thiên nhiên, sẽ chẳng có một nơi nào cho chúng ta sinh sống và hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội của chúng ta cũng sẽ sụp đổ bởi không có nơi xây dựng cũng như không có nguyên liệu sản xuất. Có thể thấy, trong quá trình tồn tại và phát triển, chúng ta không chỉ sống dựa vào thiên nhiên, mà còn tham gia vào quá trình thay đổi, cải tạo thiên nhiên. Từ những vùng đất hoang, chúng ta cấy cày, trồng trọt và thế là những mảnh ruộng ra đời. Từ những hoang mạc khô cằn, chúng ta dẫn nước với tham vọng rồi một ngày kia sẽ phủ xanh sa mạc.⁽⁴⁾

(3) Trình bày luận điểm đồng tình (hoặc phản đối) vấn đề cần bàn luận.

Quan trọng hơn, con người cần yêu mến, bảo vệ thiên nhiên bởi nếu không, cái giá phải trả sẽ rất đắt. Nếu con người huỷ hoại thiên nhiên thì thiên nhiên sẽ trừng phạt loài người bằng chính sự vắng mặt của mình. Thực tế đau lòng ấy đang xảy ra hằng ngày, hằng giờ. Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Theo báo cáo số liệu năm 2005 của tổ chức Nông nghiệp và lương thực Liên Hiệp Quốc (FAO), Việt Nam là nước phá rừng nguyên sinh

(4) Nêu lí lẽ và bằng chứng thứ nhất để làm sáng tỏ luận điểm.

đứng thứ hai thế giới. Rừng mất đồng nghĩa với việc con người phải gánh chịu những thiên tai như: sạt lở đất, lũ quét, lũ dầu nguồn,... Nếu chúng ta không biết bảo vệ môi trường sống thì chắc chắn cơn thịnh nộ của Mẹ Thiên Nhiên không chỉ dừng lại ở tình trạng trên, mà còn gấp nhiều lần như vậy.⁽⁵⁾

(5) Nêu lí lẽ và bằng chứng thứ hai để làm sáng tỏ luận điểm.

Kết bài

Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ nguồn sống của chúng ta, yêu thiên nhiên chính là yêu cuộc sống của mình. Vì vậy, mọi người hãy chung tay gìn giữ các giá trị Mẹ Thiên Nhiên ban tặng bằng cách bảo vệ rừng, phủ xanh đổi mới; bảo vệ nguồn tài nguyên, nguồn đất, nước, không khí; hạn chế xả rác, hướng đến lối sống xanh, ưu tiên sử dụng sản phẩm tái chế,... Hãy luôn nhớ: "Chúng ta không thừa kế Trái Đất từ tổ tiên của mình, mà vay mượn từ con cái của chúng ta" (ngạn ngữ của người da đỏ).⁽⁶⁾

(6) Khẳng định lại luận điểm, nêu giải pháp hoặc bài học.

(Theo Hồ Quang Trung, Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 5 năm 2021)

Thực hiện các yêu cầu sau để xác định đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống:

1. Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối đối với vấn đề đó?
2. Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.
3. Nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng được tác giả nêu ra.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối:
 - Tâm quan trọng của việc bảo vệ rừng.
 - Hiện tượng xả rác bừa bãi.
 - Nạn săn bắt thú hoang dã.
 - Tuổi trẻ cần có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường sống.

– Cần cấm sử dụng vật dụng bằng ni lông để bảo vệ môi trường.

– ...

- Tìm các nguồn tư liệu liên quan như: bài báo, bài nghiên cứu, sách cùng chủ đề và lập danh mục tư liệu tham khảo. Em có thể tìm kiếm tư liệu trên thư viện hoặc trên Internet (chú ý các trang web uy tín thường có đuôi .gov, .edu, .org).

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Liệt kê các ý kiến đồng tình hay phản đối về đề tài mà em đã chọn dựa vào bảng sau:

Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng
Đồng tình
Phản đối

- Sắp xếp các ý tìm được dựa vào sơ đồ sau:

Mở bài

- Nêu vấn đề cần bàn luận.
- Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.

Thân bài

1. Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận.

2. Bàn luận:

- Trình bày vấn đề cần bàn luận.
- Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.
- Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.

Kết bài

– Khẳng định lại vấn đề.

- Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học.

Bước 3: Viết bài

Viết bài văn dựa trên dàn ý. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Đọc lại bài viết và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu vấn đề cần bàn luận.		
	Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối.		
Thân bài	Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận (nếu có).		
	Trình bày vấn đề cần bàn luận.		
	Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.		
	Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm.		
	Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm.		
	Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí.		
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề.		
	Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.		
Trình bày, diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.		
	Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục.		

• Ghi lại:

1. Ba điều em thích về bài viết và một điều em nghĩ rằng cần làm tốt hơn.
2. Những lưu ý về kĩ năng viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Bài viết của em được chọn để tham gia buổi toạ đàm “Con người và thiên nhiên” do nhà trường tổ chức. Dựa vào bài viết, em hãy trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói

Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, em cần trả lời các câu hỏi sau:

- Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói của em?
- Buổi toạ đàm diễn ra ở đâu? Em có bao nhiêu thời gian để trình bày, bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe?
- Em sẽ chọn cách trình bày như thế nào cho phù hợp với đối tượng người nghe, địa điểm và thời gian nói?

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Từ nội dung đã trình bày ở phần Việt, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ theo trình tự sau:

- Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó.
- Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày; khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người nói; trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.
- Kết thúc: khẳng định lại ý kiến; đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động.

Để bài nói thêm thuyết phục, hấp dẫn, em cần chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, video clip,...).

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Khi luyện tập và trình bày, em chú ý:

- Chào người nghe, tự giới thiệu về bản thân (nêu họ tên, học lớp nào, mối quan tâm của em về một số vấn đề trong cuộc sống).

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.
- Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.

Bước 4: Trao đổi và đánh giá

Sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kỹ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày của bạn.

Bảng kiểm kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc.		
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.		
Nêu rõ vấn đề trình bày.		
Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày.		
Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.		
Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ.		
Các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bày.		
Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thoả đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe.		
Trình bày tự tin, nói năng lưu loát.		
Đảm bảo thời gian quy định.		

ÔN TẬP

1. Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Bức thư của thủ lĩnh da đỏ			
Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu			
Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỷ XXI			

2. Căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?
3. Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?
4. Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.
5. Trình bày những kỹ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.
6. Ghi lại những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.
7. Em hãy thiết kế một sản phẩm sáng tạo mang thông điệp: “Mọi sự sống đều thiêng liêng, đáng quý”.

SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (Truyện cười)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- Nêu được những thay đổi, suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu, chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.
- Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.
- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.
- Nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

Đối với mỗi chúng ta, tiếng cười có nhiều tác dụng: để bộc lộ niềm vui, sự thích thú, niềm hạnh phúc; để kết nối bạn bè; để phê phán những hiện tượng chưa hay, chưa tốt;... Có thể nói, tiếng cười đã góp nhiều sắc màu làm cuộc sống thêm phong phú.



Như thế nào là một
tiếng cười có ý nghĩa?

Trong bài học này, thông qua việc đọc các văn bản truyện cười, em sẽ hiểu thêm về những sắc thái của tiếng cười trong cuộc sống.



ĐỌC

TRÍ THỨC NGỮ VĂN

Truyện cười

Truyện cười là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.

Cốt truyện thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đầy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.

Bối cảnh thường không được miêu tả cụ thể, ti mi, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gắn với từng truyện.

Nhân vật thường có hai loại:

Loại thứ nhất thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mĩ.

Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến (truyện *Trạng Quỳnh*, *Xiển Bột*,...) hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện *Bác Ba Phi*,...).

Ngôn ngữ thường ngắn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,...

Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Dưới đây là một số thủ pháp thường gặp:

1. Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:

- a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động,...
 - b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật, tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị.
2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lời nói khoa trương, phóng đại, chơi chữ,...).

Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

Nghĩa tường minh là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.

Nghĩa hàm ẩn là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến.

Ví dụ: *Có công mài sắt, có ngày nên kim.* (Tục ngữ)

Câu tục ngữ trên có nghĩa tường minh: Nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ẩn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ẩn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thân và chú ý đến các từ ngữ quan trọng trong câu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này, chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ “mài sắt”, “nên kim”.

Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.

Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị

Từ ngữ toàn dân là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.

Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.

Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.

Ví dụ: *Dừng lại đây bắt một mó chim đi, tía!* (Đoàn Giới, *Đất rừng phương Nam*)

Ở ví dụ trên, màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét qua từ “tía” trong lời thoại của nhân vật.

VĂN BẢN 1, 2

VẮT CỔ CHÀY¹ RA NƯỚC; MAY KHÔNG ĐI GIÀY



Chuẩn bị đọc

Theo em, thế nào là keo kiệt?

Trải nghiệm cùng văn bản

VẮT CỔ CHÀY RA NƯỚC

Một hôm, chủ nhà sai đầy tớ về quê có việc, người đầy tớ xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường.

Chủ nhà ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

– Thằng này đến là ngốc, hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đáy tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền phức.

– Thưa ông, độ này trời hạn, cạn khô cá.

– Thế thì tao cho mượn cái này!

Nói rồi, hắn đưa cho người đầy tớ cái khổ tài².

Người này chưa hiểu ý ra làm sao, thì chủ nhà đã bảo:

¹ *Cổ chày*: phần eo lại ở giữa cái chày, dùng để cầm nắm khi giã.

² *Khổ tài*: còn gọi là bao tải, bao dệt bằng sợi đay hay dứa gai, thường dùng để đựng lương thực.

– Vận¹ vào người khi khát vẫn ra mà uống.

Suy luận

Người đầy tớ liền nói:

– Trời nóng vận khổ tài ngót² lắm! Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!

Câu trả lời này thể hiện nét tính cách gì của người chủ nhà?

– Đè mày làm gì?

– Dạ, vắt cỗ chày cũng ra nước!

(In trong *Kho tàng truyện tiểu lâm Việt Nam*,

Nguyễn Cử, Phan Trọng Thưởng sưu tầm, tuyển chọn, NXB Văn học, 2009)

MAY KHÔNG ĐI GIÀY

Có ông tính hà tiện, một hôm đi chân không ra chợ. Giữa đường vấp phải hòn đá, ngón chân chảy máu ròng ròng, thế mà ông không phàn nàn gì lại còn nói:

– May cho mình thật!

Có người qua đường lấy làm lạ, hỏi:

– Ông vấp toạc chân chảy máu ra như thế, mà còn bảo may là thế nào?

– Anh không rõ, may là vì tôi không đi giày!

Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!

Dự đoán

Vì sao lời giải thích của nhân vật ông hà tiện lại gây bất ngờ đối với người đọc?

(In trong *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, 1997)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định đề tài của hai truyện trên. Theo em, nhan đề *Vắt cỗ chày ra nước* và *May không đi giày* có thể hiện được nội dung của mỗi truyện hay không? Vì sao?
2. Em có nhận xét gì về bối cảnh của hai truyện cười trên?
3. Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?
4. Dựa vào bảng dưới đây, hãy chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau trong thủ pháp gây cười ở hai truyện *Vắt cỗ chày ra nước* và *May không đi giày* (làm vào vở):

¹ Vận (từ địa phương): mặc.

² Ngót: cảm thấy ngọt ngạt, bức bối, khó chịu vì nóng bức.

Thủ pháp	Điểm giống nhau	Điểm khác nhau	
		Vắt cổ chày ra nước	May không đi giày
1. Tạo tình huống trào phúng			
2. Sử dụng các biện pháp tu từ			

5. Câu nói: “Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!” của nhân vật “người đầy tớ” trong truyện *Vắt cổ chày ra nước* và câu nói: “... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!” của nhân vật “ông hà tiện” trong truyện *May không đi giày* có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của truyện?
6. Theo em, tác giả dân gian sáng tạo các câu chuyện trên với mục đích gì? Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua các truyện cười này.
7. Viết một đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm.

VĂN BẢN 3, 4

KHOE CỦA; CON RẮN VUÔNG



Chuẩn bị đọc

Theo em, khoang khoác lác khác nhau như thế nào?

Trải nghiệm cùng văn bản

KHOE CỦA

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều, chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lấm. Đang lúc tức tối, chợt thấy một anh, cũng hay khoe, tát tưởi chạy đến hỏi to:

- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả.

(In trong *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Trương Chính, Phong Châu, NXB Khoa học Xã hội, 1986)

Suy luận

Việc nói rõ thông tin “lợn cưới”, “áo mới” có cần thiết không? Nói như vậy nhằm mục đích gì?

CON RẮN VUÔNG

Anh chàng kia có tính hay nói khoác. Một hôm đi chơi về, anh ta bảo với vợ:

- Nay mình ạ, hôm nay tôi đi vào rừng, thấy một con rắn... Ôi chao là to! Bè ngang thì đến hai mươi thước¹, bè dài đến một trăm hai mươi thước ấy!

Vợ biết tính chồng, muốn trêu một mè, liền bùi môi bảo:

- Làm gì có thứ rắn dài như thế?
- Minh không tin à? Chẳng một trăm hai mươi thước thì cũng một trăm thước.
- Một trăm thước cũng không có.

Muốn cho vợ tin, anh ta bảo:

- Thật mà! Không đủ một trăm thước thì cũng đến tám mươi thước.

Vợ vẫn lắc đầu:

- Tám mươi thước cũng chẳng có.

Chồng vẫn gân cổ cãi:

- Thật đấy mà! Không tám mươi thì cũng sáu mươi.

Theo dõi

Người vợ trêu chồng như thế nào?

¹ Thước: tên gọi thông thường của mét.

Vợ lại cau mặt:

- Sáu mươi vẫn còn dài.

Chồng lại cố ra vẻ thật thà:

- Không đến sáu mươi thước thật, nhưng ít nhất cũng bốn mươi thước.

Vợ càng làm già:

- Bốn mươi thước cũng không đến.

Chồng đành rút xuống lần nữa:

- Ủ thõi, tôi nói thật nhé! Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!

Lúc này vợ mới bò lăn ra cười:

- Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?

(In trong *Văn học dân gian – Những tác phẩm chọn lọc*, Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), NXB Giáo dục, 2004)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định đề tài, bối cảnh của truyện cười *Khoe của* và *Con rắn vuông*.
2. Chỉ ra mâu thuẫn có tác dụng gây cười trong hai truyện trên.
3. Liệt kê những lời đối đáp của các nhân vật trong hai truyện cười trên. Những lời đối đáp có vai trò như thế nào trong việc khắc họa tính cách của nhân vật?
4. Các nhân vật trong truyện hiện thân cho thói hư tật xấu nào mà truyện cười dân gian thường phê phán?
5. Em có nhận xét gì về cách tác giả dân gian phản ánh thói xấu của con người thông qua các truyện cười trên?
6. Tiếng cười và thủ pháp gây cười trong các truyện *Khoe của* và *Con rắn vuông* giống nhau và khác nhau ở những điểm nào?
7. Em rút ra kinh nghiệm gì cho bản thân sau khi đọc xong hai câu chuyện này?
8. Em và bạn trong nhóm phân vai, đóng tiểu phẩm dựa vào một trong hai truyện cười trên.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

TIẾNG CƯỜI CÓ LỢI ÍCH GÌ?¹

Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn (Orison Swett Marden)²

Trải nghiệm cùng văn bản

Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Tiếng cười bắt đầu từ phổi và cơ hoành, tạo ra rung động ở khắp các cơ quan nội tạng, giúp thân thể vận động dễ chịu. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn. Cười nhiều cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Khi cười, cơ thể được khôi phục về trạng thái sung sức, cân bằng và các chức năng của cơ thể vì thế cũng được cấu trúc lại vững chắc và hài hòa hơn.

“Một trái tim vui cũng như một phương thuốc tốt” (ngạn ngữ Do Thái). Tiếng cười là một hình thức chữa lành, dựa trên những nguyên lý được các chuyên gia ngành y thừa nhận. Những nghiệt ngã, âu sầu, lo lắng như những giọt sét bám vào cuộc sống của ta, phải được rửa sạch bằng niềm vui. Thật vậy, một thầy thuốc vui vẻ, tự họ còn giúp ích nhiều hơn những viên thuốc kê cho bệnh nhân. Ở phía Tây Niu Oóc (New York), có một vị bác sĩ tên là Bờ-đích (Burdick), ông được gọi là “bác sĩ cười” vì luôn luôn xuất hiện trước mọi người với nụ cười vui vẻ nhất, và sự hài hước của ông nhanh chóng lan truyền ra khắp xung quanh. Ông chữa bệnh cho nhiều người chỉ bằng rất ít thuốc. Tờ *Len-sít* (Lancet) của Luân Đôn (London) – một tạp chí y khoa nổi tiếng thế giới – đã đưa ra nhận định thế này về giá trị của thái độ vui vẻ, lạc quan: “Một tinh thần tốt là yếu tố quan trọng đối với sức khoẻ của những người bệnh, người ốm yếu. Nó quyết định việc liệu một người bệnh có còn cứu được hay không, và một người yếu ớt có thể sống một đời lành mạnh, không bệnh hay không”. Vì vậy, điều quan trọng nhất là phải giữ được một trạng thái tinh thần tốt nhất, vui vẻ nhất.

Bên cạnh đó, tiếng cười còn là cách thức hiệu quả mang đến một tinh thần hạnh phúc. Một nụ cười tươi dẽ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn. Nhà thơ Đơ-rai-đơn (Dryden)³ nói rằng: “Tiếng cười, dù ở mức độ nào, luôn là một điều tốt. Và nếu một thứ có thể gây

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

² O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn: một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ, nổi tiếng với các sách viết về chủ đề thành công, các bài thảo luận về nguyên tắc và đức tính làm nên cuộc sống thành công, viên mãn.

³ Đơ-rai-đơn: một nhà thơ nổi tiếng người Anh, sống vào thế kỉ XVII.

cười cho mọi người, thì nó là một công cụ tạo ra hạnh phúc”. Ngài Goan-tơ Xơ-cót (Walter Scott)¹ nói: “Hãy cho tôi một tiếng cười chân thành”, ông luôn dành những câu nói từ tết và nụ cười chân thành cho tất cả mọi người, và chính điều đó làm ông trở thành một trong những người đàn ông hạnh phúc nhất thế giới.

Nếu bạn hỏi ai đó rằng: “Bạn bao nhiêu tuổi?”, bạn có thể nhận được câu trả lời: “Nếu bạn hỏi đến số năm sống trên đời thì tôi hai mươi lăm tuổi, nhưng tính bằng những niềm vui, thì hẳn tôi phải trăm tuổi rưỡi” (ngạn ngữ).

(Trích *Bắt đầu mỗi ngày bằng nụ cười, ngay cả tăm tối cũng phải tươi rói*,
Thanh Bình dịch, NXB Thanh niên, 2019)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Văn bản đề cập đến những lợi ích nào của tiếng cười? Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.
2. Em hiểu thế nào về câu ngạn ngữ ở cuối văn bản? Việc tác giả dùng câu ngạn ngữ này làm câu kết có ý nghĩa gì?
3. Theo em, làm thế nào để lan toả nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:

a. – *Bác có thấy con lợn cười của tôi chạy qua đây không?*

– *Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Khoe cửa*)

b. – *Bè ngang hai mươi thước, bè dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông*)

2. Đọc lại truyện *Vắt cổ chày ra nước* và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: “*Thế thì tao cho mượn cái này!*” của người chủ nhà. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó?

b. Người đầy tớ thực sự muốn nói gì qua câu: “*Hay là ông cho tôi mượn cái chày già của vây!*”?

¹ Goan-tơ Xơ-cót: nhà sử học, tiểu thuyết gia lịch sử, nhà thơ nổi tiếng người Xcốt-len (Scotland), sống vào thế kỷ XVIII.

- c. Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ *Vắt cổ chày ra nước*? Đặt câu có sử dụng thành ngữ này.
3. Đọc truyện cười *Văn hay* trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và thực hiện các yêu cầu sau:
- Câu nói của người vợ: “Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?” có nghĩa hàm ẩn gì?
 - Thầy đồ có hiểu đúng câu nói của vợ mình hay không? Dựa vào đâu em biết điều đó?
 - Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao?
4. Sưu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó.
5. Các từ ngữ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm?
- Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông*)

- b. *Khoai sắn tình quê rất thiệt thà!*

(Tố Hữu, *Nhớ đồng*)

- c. *Thò tay mà bứt cọng ngô*

Thương em đứt ruột già đò ngó lơ.

(Ca dao)

6. Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

VĂN HAY

Một thầy đồ đang ngồi cặm cụi viết. Bà vợ đến bên cạnh bảo:

– Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không.

Thầy đồ lấy làm đặc chí cho là vợ khen tài văn chương của mình, ý văn dồi dào giấy khổ nhỏ không đủ chép. Nhưng thầy cũng hỏi lại:

Khi đọc truyện cười, em nên:

- Tìm hiểu đề tài, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- Chú ý đến những chi tiết gây cười.
- Tìm và phân tích những câu có nghĩa hàm ẩn hoặc sử dụng biện pháp tu từ nói quá, nói lái, chơi chữ,...

– Bà nói vậy là thế nào?

Bà vợ thong thả nói:

– Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khô to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khô nhỏ thì dùng làm gì được.

(In trong *Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam*,

Nguyễn Cử, Phan Trọng Thưởng sưu tầm, tuyển chọn, NXB Văn học, 2009)

Hướng dẫn đọc

1. Xác định đề tài, cốt truyện, bối cảnh của truyện cười trên.
2. Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về nhân vật này?
3. Tác giả dân gian đã tạo ra tiếng cười cho truyện trên bằng cách nào?



VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Là học sinh lớp 8, chắc hẳn em đã từng tham gia những hoạt động xã hội để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Phần bài học này sẽ giúp em viết bài văn kể lại những hoạt động ấy.

Bài văn kể lại một hoạt động xã hội thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong bài văn đó, người viết kể lại các sự việc của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.

Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi thứ nhất.
- Nếu được các thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động.
- Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý.
- Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.

- Bố cục bài viết cần đảm bảo:

Mở bài: giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc.

Thân bài: nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động; kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động xã hội; kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm.

Kết bài: khẳng định giá trị của hoạt động xã hội đã kể; nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Chuyển thăm bệnh nhi tại bệnh viện Ung Bướu

Mở bài

Tôi thường băn khoăn: liệu phép mẫu có tồn tại trên đời? Nếu thực có phép mẫu, tại sao cuộc sống vẫn còn biết bao mảnh đời bất hạnh? Và tôi đã tìm thấy câu trả lời về sự tồn tại của phép mẫu trong chuyến đi thăm bệnh nhi ung thư nhân ngày hội "Ước mơ của Thuý".⁽¹⁾

(1) Giới thiệu hoạt động xã hội sẽ viết.

Ngày hội "Ước mơ của Thuý" là một sự kiện thường niên do Thành Đoàn tổ chức nhằm giúp đỡ và đem lại niềm vui cho các bệnh nhi ung thư. Để hưởng ứng tinh thần ấy, trường cấp hai của tôi đã tổ chức chuyến đi thăm bệnh nhi tại bệnh viện Ung Bướu.⁽²⁾

(2) Nêu khái quát thông tin về hoạt động.

Thân bài

Bảy giờ sáng, ^(4a) chúng tôi xuất phát, nửa tiếng sau đã có mặt tại địa điểm. ⁽³⁾ Bệnh viện Ung Bướu có một khuôn viên rộng lớn với các dãy nhà được bố trí thành các khoa bệnh chuyên biệt. ^{(4b)(5a)} Nhóm của tôi được phân công đến thăm một phòng của Khoa Nhi, ở đó có tám em đang điều trị. Ấn tượng đầu tiên của tôi khi bước vào căn phòng là những bức tranh đầy sắc màu treo trên tường. Có bức vẽ cảnh một cô giáo đứng trên bục giảng, có bức vẽ một phi hành gia đang bay ra ngoài vũ trụ, tất cả đều thể hiện ước mơ của các em. ^(5b) Những bức tranh ấy cho thấy các em vẫn luôn kiên cường, lạc quan, dù bệnh tật giày vò. Trước mắt tôi là những em nhỏ khoảng năm, sáu tuổi, dưới lớp quần áo là những tấm thân gầy yếu vì căn bệnh quái ác. ^(5c) Cảnh

(3) Kể lại sự việc thứ nhất.

(4a), (4b), (4c)
Nêu thời gian, địa điểm; miêu tả quang cảnh, nội dung hoạt động.

(5a), (5b), (5c)
Kết hợp các yếu tố miêu tả.

tượng ấy khiến cho bất kì ai trong chúng tôi đều cảm thấy xót xa. ^(6a) Chúng tôi cùng chơi với các em. Chúng tôi hỏi: "Các em mong muốn điều gì nhất?"

(6a), (6b), (6c) Kết hợp các yếu tố biểu cảm.

Có em khẽ đáp: "Em muốn có một chú gấu bông làm bạn, như vậy em sẽ không còn sợ hãi nữa".

Em khác lại nói: "Em muốn đi học..."

Trái tim tôi như thắt lại, bởi lẽ những điều tưởng như giản đơn với bao người thì với các em lại trở nên xa vời đến thế... ^(6b)

Khoảng chín giờ, ^(4c) nhóm tôi họp mặt với cả đoàn để gặp lại tất cả bệnh nhi. ⁽⁷⁾ Trong không gian ấy, chúng tôi và các em ngồi thành vòng tròn, cùng ca hát, vui đùa. Giây phút đó, niềm vui như kéo dài bất tận khiến lòng người càng thêm ấm áp. ^(6c) Chúng tôi tặng quà cho các em. Những món quà giản đơn như bộ quần áo, một cuốn sách, một món đồ chơi, đó là tấm lòng của thầy trò trường chúng tôi gửi đến các em.

(7) Kể sự việc thứ hai.

Sau chuyến đi, tôi đã tìm thấy câu trả lời cho sự tồn tại của phép mẫu, đó chính là sức mạnh tình người. Bởi nơi nào tồn tại tình yêu thương và sẻ chia, nơi đó phép mẫu sẽ xuất hiện, giúp đỡ và an ủi những mảnh đời bất hạnh. Qua hoạt động, chúng tôi cũng đã nhận được những món quà tinh thần quý giá từ các em: bài học sâu sắc về giá trị của sự sống, biết trân trọng cuộc sống mình đang có. ⁽⁸⁾

(8) Khẳng định ý nghĩa, nêu cảm nghĩ về hoạt động.

(Bài viết của học sinh)

Sau khi đọc xong văn bản trên, em hãy thực hiện các yêu cầu sau:

1. Bài văn viết về hoạt động xã hội nào? Em có nhận xét gì về trình tự các sự việc được kể trong bài viết?
2. Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể.
3. Xác định ngôi kể của bài viết. Vì sao người viết chọn ngôi kể ấy?
4. Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung điều gì về hoạt động xã hội được kể trong bài viết?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Hãy viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Bài viết có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trên.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

• Vấn đề trong bài viết này là một hoạt động xã hội em đã tham gia, đó là những hoạt động được tổ chức bởi cơ quan, đoàn thể như: nhà trường, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, cơ quan địa phương, tổ chức xã hội,... nhằm tạo ra những giá trị tích cực cho xã hội. Sau đây là một số gợi ý:

– Các hoạt động bảo vệ môi trường: Ngày Chủ nhật xanh dọn dẹp khu phố, hoạt động nhặt rác làm sạch môi trường tự nhiên, hoạt động tắt đèn hưởng ứng Giờ Trái Đất,...

– Các hoạt động từ thiện: thăm mái ấm tình thương, phong trào nuôi heo đất góp quỹ giúp bạn vượt khó,...

– Các hoạt động nâng cao ý thức cộng đồng: cuộc thi tuyên truyền phòng chống ma tuý, hội thi Lớn lên cùng sách để lan toả văn hoá đọc,...

– Các hoạt động giáo dục truyền thống và lịch sử: thăm Mẹ Việt Nam Anh hùng, hoạt động Về nguồn,...

– ...

• Để việc viết hiệu quả, em cần xác định:

– Mục đích viết bài này là gì (để chia sẻ suy nghĩ của mình với bạn bè trong lớp, trong trường/ tham gia một cuộc thi viết/ ghi nhật ký cho chính mình,...)?

– Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?

– Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?

Chẳng hạn, nếu em viết bài đăng lên trang web của trường thì mục đích bài viết là giúp người đọc biết thêm về hoạt động xã hội do trường tổ chức, nhằm lan toả tinh thần tích cực của việc tham gia hoạt động xã hội. Em nên chọn cách diễn đạt trang trọng, chân thành, nhiệt huyết vì người đọc bài viết này chủ yếu là thầy cô, bạn bè trong trường.

• Em hãy nhớ lại những thông tin, tìm hình ảnh, ghi chép cá nhân mà em đã lưu lại từ những hoạt động đó hoặc những hình ảnh, thông tin trên trang web của trường.

• Thu thập các tư liệu để tìm hiểu thêm về hoạt động xã hội em chọn viết trên các nguồn tham khảo uy tín như:

– Trang web chính thức của hoạt động hoặc đơn vị tổ chức. Các trang web này thường có đuôi: .gov (thuộc chính phủ), .org (các tổ chức xã hội), .edu (về giáo dục).

– Các bài báo, phim tư liệu, bản tin về hoạt động trên các trang báo lớn như: *Nhân dân*, *Thanh niên*, *Tuổi trẻ*, *Người lao động*,...; kênh truyền hình trung ương và địa phương.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Có thể thực hiện theo phiếu sau (làm vào vở):

PHIẾU TÌM Ý:
KẾ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI
ĐỂ LẠI CHO BẢN THÂN SUY NGHĨ, TÌNH CẢM SÂU SẮC

Hoạt động xã hội em muốn kể:

Sự việc	Không gian và thời gian diễn ra hoạt động	Quang cảnh và con người	Suy nghĩ, cảm nhận của em
Sự việc 1:
Sự việc 2:
Sự việc

Suy nghĩ, cảm nhận của em về hoạt động:

.....

.....

- Em chọn những ý tiêu biểu, nổi bật và sắp xếp theo một trình tự hợp lí (tham khảo sơ đồ sau):

Mở bài

Giới thiệu hoạt động xã hội sẽ kể.

Thân bài

1. Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội:
Đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động,...

2. Kể lại trình tự hoạt động:

- Sự việc 1
 - Sự việc 2
 - Sự việc...
- Kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm

Kết bài

- Khẳng định ý nghĩa hoạt động.
- Nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của bản thân về hoạt động đã tham gia.

Bước 3: Viết bài

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, em cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

• Sau khi viết xong, em đọc lại bài viết của mình và ghi nhận những tiêu chí đã đạt, đề xuất cách chỉnh sửa những tiêu chí chưa đạt dựa vào bảng kiểm sau:

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội
đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc**

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể.		
Thân bài	Hoạt động được kể lại theo ngôi thứ nhất.		
	Nêu được những thông tin cơ bản về hoạt động.		
	Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý.		
	Sử dụng hợp lí yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm, hoặc kết hợp cả hai yếu tố này.		
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa của hoạt động.		
	Nêu được suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân.		
Diễn đạt	Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, dùng từ.		

• Trả lời các câu hỏi sau để tự đánh giá những gì em đã học được sau khi viết bài này:

- Em thích điều gì trong bài viết?
- Điều mà bài viết này cần điều chỉnh là gì?



NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

Việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống giúp chúng ta có được sự thống nhất về quan điểm giữa các thành viên trong nhóm, từ đó đề xuất những giải pháp, ý tưởng có ý nghĩa. Phần bài học này sẽ giúp em hình thành kĩ năng thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

Trong buổi sinh hoạt đầu tuần, lớp của em tổ chức buổi thảo luận nhóm với chủ đề: *Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đồng và bản thân*.

Em hãy thành lập nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến về vấn đề này để trình bày trước lớp.

Bước 1: Chuẩn bị

- Một nhóm nhỏ thảo luận nên gồm sáu thành viên. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công công việc, theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận. Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận.
- Để thống nhất mục tiêu, thời gian buổi thảo luận, cả nhóm cần trả lời câu hỏi: Mục đích của buổi thảo luận này là gì? Thời gian thảo luận dự kiến bao lâu? Nhóm sẽ dành bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến khi thảo luận?
- Để việc thảo luận được hiệu quả, mỗi thành viên cần tự trả lời các câu hỏi: Trong buổi thảo luận nhóm, người nghe của em là ai? Với đối tượng người nghe đó, em sẽ chọn cách nói nào để thuyết phục?
- Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn đề, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi dựa vào những gợi ý sau:

- Ý kiến của em về ý nghĩa của hoạt động xã hội với cộng đồng và bản thân, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.
- Những ý kiến trái chiều và phản hồi của em (dự kiến).

Bước 2: Thảo luận

- Nhóm trưởng dẫn dắt để các thành viên trình bày. Thư kí ghi chép, tổng hợp các ý kiến. Cần đảm bảo mỗi thành viên đều trình bày dựa trên phần chuẩn bị ở nhà.
- Sau khi ghi nhận ý kiến của thành viên, cả nhóm cần tập trung phản hồi các ý kiến trọng tâm, các ý kiến trái chiều được nhiều thành viên quan tâm. Các thành viên tranh luận, trả lời các câu hỏi cũng như bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người khác.
- Từ các ý kiến của từng thành viên, cả nhóm thống nhất những ý kiến tiêu biểu, lựa chọn những lí lẽ, bằng chứng xác đáng, thuyết phục. Kết quả thảo luận nhóm có thể được trình bày dưới dạng đoạn văn, sơ đồ tư duy, in-phi-grap-phich (infographic),...
- Sau buổi thảo luận, em hãy rút ra hai bài học kinh nghiệm cho bản thân dựa vào:

- Những điều em và nhóm đã làm tốt, chưa tốt.
- Giải pháp khắc phục những điều chưa tốt.

ÔN TẬP

- Đọc lại các truyện cười đã học và điền vào bảng sau (làm vào vở):

Truyện	Đề tài	Bối cảnh	Nhân vật chính	Thủ pháp gây cười
Vắt cổ chày ra nước				
May không đi giày				
Khoe của				
Con rắn vuông				

- Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang những sắc thái nào?
- Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ sau:

*Đời người có một gang tay,
Ai hay ngủ ngày còn lại nửa gang.*
- Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao trong đó có từ ngữ địa phương nơi em sống.
- Nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.
- Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý điều gì về cách phản hồi ý kiến của người khác?
- Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

Bài 5

NHÚNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI (Hài kịch)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng,...
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.
- Viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

Trong tác phẩm văn học, cuộc sống luôn hiện lên một cách đa dạng, sinh động với nhiều cung bậc, góp phần thỏa mãn nhu cầu tinh thần, đời sống tình cảm muôn màu muôn vẻ của con người. Khúc tráng ca hào sảng về chiến công vang dội của người anh hùng; khúc bi ca ai oán, xót thương trước những thân phận thua thiệt, bé mọn; tràng cười sâu cay, chua chát khi cuộc sống hiện ra như những tấn trò đời;... tất cả đều cần thiết cho đời sống con người và không có cung bậc nào có thể thay thế cho cung bậc nào.

?

Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống con người?

Qua một số văn bản hài kịch như Ông Giuốc-đanh (Jourdain) mặc lẽ phục, Cái chúc thư, Đi cấp cứu trên "tàu viễn dương",... trong bài học này, các em sẽ được học cách đọc hiểu văn bản hài kịch; từ đó, hiểu thêm về đặc điểm, giá trị của tiếng cười trong thể loại văn học này.



ĐỌC

TRÍ THỨC NGỮ VĂN

Hài kịch

Hài kịch là một thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người. *Lão hà tiện*, *Tác-tuyp* (Tartuffe), *Trưởng giả học làm sang* của Mô-li-e (Molière),... là những kiệt tác về hài kịch.

Hài kịch mang đầy đủ các đặc điểm chung của kịch, đồng thời thể hiện đặc điểm riêng qua các yếu tố như: *nhân vật*, *hành động*, *xung đột*, *lời thoại*, *thủ pháp trào phúng*,...

Nhân vật của *hài kịch* là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu.

Hành động trong *hài kịch* là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ,...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công – phản công; thăm dò – lảng tránh; chất vấn – chối cãi; thuyết phục – phù nhận/ bác bỏ; cầu xin – từ chối;...

Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hài kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột; qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.

Xung đột kịch thường này sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Có nhiều kiểu xung đột: *xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả*, *giữa cái cao cả với cái thấp kém*, *giữa cái thấp kém với cái thấp kém*,... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật, xung đột thường diễn ra *giữa cái thấp kém với cái thấp kém*. Ví dụ: xung đột giữa những kẻ có mưu đồ đen tối với nhau hay xung đột giữa thói keo kiệt, bùn xin của một kẻ cho vay nặng lãi với nhu cầu tiêu pha lãng phí của những đứa con hư,...

Lời thoại là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.

Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc vào – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ,...

Thủ pháp trào phúng: Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như phóng đại tính phi lô-gíc, tính không hợp tình thế trong hành động của nhân vật (hành vi, lời nói, cử chỉ, trang phục,...); các thủ pháp tăng tiến, giễu nhại, mỉa mai; lối nói hóm hỉnh, lối chơi chữ, lối nói nghịch lí;...

Căn cứ để xác định chủ đề

Chủ đề là vấn đề chính mà tác phẩm muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống.

Để xác định chủ đề của tác phẩm văn học, cần dựa trên nhiều yếu tố như: nhan đề, hệ thống các chi tiết và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm; giọng điệu, ngôn từ, thái độ, tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình (trong tác phẩm thơ); cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng tình huống, hành động, xung đột,... (trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch).

Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ

Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ: *những, có, chính, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nhen,...*

Trợ từ không có vị trí cố định ở trong câu. Có thể chia thành hai loại trợ từ:

– Trợ từ nhấn mạnh (*những, có, chính, mỗi, ngay,...*): thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.

Ví dụ:

*Má đưa cho tôi **những** mươi tờ một trăm, bảo mua ngay một chồng vở mới.*

“Những” trong câu trên là trợ từ, có chức năng nhấn mạnh mức độ về lượng nhiều hơn mức cần có hay mong đợi.

– Trợ từ tình thái (tiểu từ tình thái) (*à, a, nhỉ, nhé, nha, nhen, nhen, đây, này,...*): thường đứng ở đầu và cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, câu khiển, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói.

Ví dụ: *Bác này lí luận hay **nhỉ**!*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-danh mặc lỗ phục)

“Nhi” trong câu trên là trợ từ tình thái, dùng ở cuối câu cảm thán.

Thán từ là những từ dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:

– Thán từ bộc lộ cảm xúc (*a, á, ô, ôi, ơi, chà, ...*): dùng để bộc lộ các trạng thái cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...).

Ví dụ:

Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”.

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

– Thán từ gọi đáp (*oi, dạ, vâng, ừ, ...*)

Ví dụ: – **Dạ**, bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.

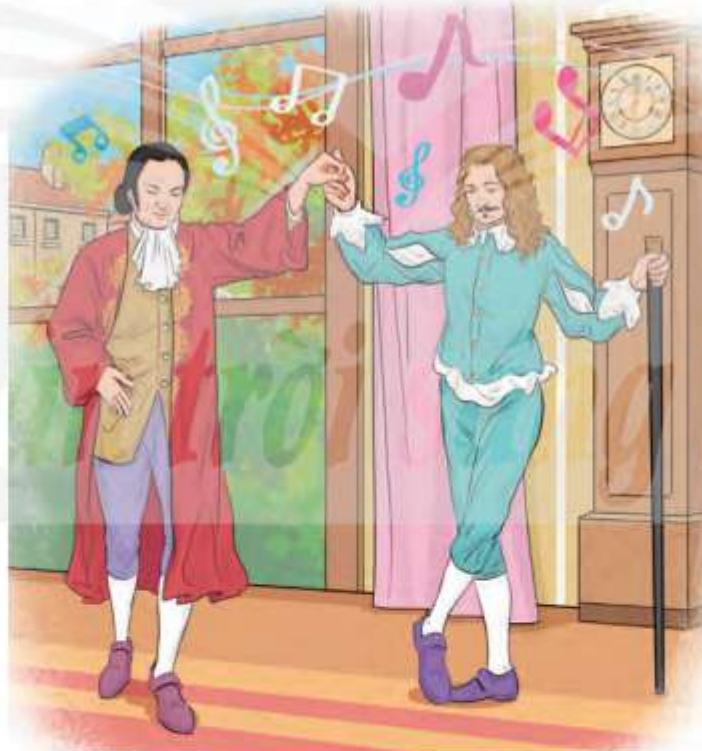
(Mô-li-e, *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*)

Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng kèm theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt,... tương ứng với cảm xúc mà thán từ biểu thị.

VĂN BẢN 1

ÔNG GIUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC¹

Mô-li-e



"Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục" – Hình ảnh minh họa trong vở kịch "Trưởng già² học làm sang"

¹ Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục là nhan đề trong sách giáo khoa Ngữ văn 8, tập hai, Nguyễn Khắc Phi (Tổng Chủ biên, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011).

² Trưởng già: người xuất thân bình dân, nhờ buôn bán, kinh doanh mà giàu có trong xã hội cũ.



Mô-li-e là nhà soạn kịch nổi tiếng của Pháp, tác giả của những vở hài kịch *Lão hàn* tiễn, *Trưởng già học làm sang*, *Người bệnh tưởng*... Ông đồng thời cũng là một diễn viên và thường đóng các vai chính trong một số vở kịch của chính mình.

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục là lớp kịch kết thúc hồi II trong vở kịch *Trưởng già học làm sang* (1670) gồm năm hồi. Nhân vật trung tâm của vở kịch là ông Giuốc-đanh, tuổi ngoài bốn mươi, con một nhà buôn giàu có. Tuy dốt nát, quê kệch nhưng ông muốn học đòi làm sang. Nhiều kẻ lợi dụng tính cách đó, săn đón, nịnh ông để moi tiền. Ông không tán thành tình yêu của con gái là Luy-xin (Lucille) với chàng Clê-ông (Cléonter) chỉ vì chàng chẳng phải là quý tộc. Cuối cùng, nhờ mưu mẹo của Cô-vi-en (Covielle) – tên đầy tớ của mình, Clê-ông cải trang làm hoàng tử Thổ Nhĩ Kỳ đến hỏi Luy-xin làm vợ, ông Giuốc-đanh mới ưng thuận.

Chuẩn bị đọc

Em đã xem những tác phẩm phim hài, kịch hài nào? Chia sẻ với các bạn cảm nhận của em về một nhân vật hoặc một cảnh thú vị từ tác phẩm đã xem.

Trải nghiệm cùng văn bản

HỒI II

Lớp 8

Phó may¹, Thợ phụ mang bộ lễ phục² của ông Giuốc-đanh.

Ông Giuốc-đanh, Gia nhân³

Ông Giuốc-đanh – A! Bác đã tới đây à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.

Phó may – Tôi không làm sao đến sớm hơn được, áy là tôi đã cho hai chục chú thợ phụ xúm lại bộ lễ phục của ngài đây.

¹ *Phó may*: thợ may.

² *Lễ phục*: bộ quần áo may theo kiểu quy định để mặc trong các dịp đặc biệt (*lễ*: nghi thức cử hành để biểu thị lòng tôn kính hoặc sự trang trọng; *phục*: quần áo).

³ *Gia nhân*: người giúp việc trong nhà.

Theo dõi

1 Tại sao ông Giuốc-đanh tỏ ý không hài lòng về bác phó may và bộ lỗ phục?

Ông Giuốc-đanh – Đôi bít tất lụa bác gửi đến cho tôi chật quá, tôi khổ sở vô cùng mới xỏ chân vào được và đã đứt mắt hai mắt rồi. 1

Phó may – Rồi nó dãn ra thì lại rộng quá ấy chứ.

Ông Giuốc-đanh – Phải, nếu tôi cứ làm đứt mãi các mắt thì sẽ rộng thật. Lại đôi giày bác bảo đóng cho tôi làm tôi đau chân ghê gớm.

Phó may – Thưa ngài, đâu có.

Ông Giuốc-đanh – Đâu có là thế nào!

Phó may – Không, đôi giày không làm ngài đau đâu mà.

Ông Giuốc-đanh – Tôi, tôi bảo là nó làm tôi đau.

Phó may – Ngài cứ tưởng tượng ra thế.

Ông Giuốc-đanh – Tôi tưởng tượng ra thế vì tôi thấy thế. Bác này lí luận hay nhỉ!

Phó may – Thưa, đây là bộ lỗ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mắt nhất. Sáng chế ra được một bộ lỗ phục trang nghiêm mà không phải màu đen¹ thật là tuyệt tác. Tôi thách các thợ giỏi nhất mà làm nổi đây.

Ông Giuốc-đanh – Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mắt rồi!²

Phó may – Nào ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu!

Ông Giuốc-đanh – Lại cần phải bảo may hoa xuôi ư?

Phó may – Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái³ đều mặc như thế cả.

Ông Giuốc-đanh – Những người quý phái mặc áo ngược hoa ư?

Phó may – Thưa ngài, vâng.

Ông Giuốc-đanh – Ô! Thế thì bộ áo này may được đây. 2

Phó may – Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà.

Suy luận

2 Tại sao ông Giuốc-đanh thay đổi thái độ từ giận thành vui khi nhận bộ lỗ phục?

¹ Thời bấy giờ ở Pháp, bộ lỗ phục trang trọng phải may bằng vải màu đen.

² Khi may áo, hoa phải hướng lên trên.

³ Quý phái: thuộc dòng dõi cao sang trong xã hội cũ.

- Ông Giuốc-danh** – Không, không.
- Phó may** – Xin ngài cứ việc bảo.
- Ông Giuốc-danh** – Bác may thế này được rồi. Bác cho rằng tôi mặc áo này có vừa vặn không?
- Phó may** – Còn phải nói! Tôi đố họa sĩ nào lấy bút mà vẽ hẫu ngài bộ áo vừa khít hơn được. Ở nhà tôi có một chú thợ phụ may quần cộc¹ thì tài nhất thiên hạ; và một chú khác là anh hùng của thời đại về may áo chẽn² đấy.
- Ông Giuốc-danh** – Bộ tóc giả và lông đinh mū³ có được chững chắc không?
- Phó may** – Chững chắc tuốt!
- Ông Giuốc-danh** (*nhìn áo của bác phó may*) – Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.
- Phó may** – Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn⁴ lại một áo để mặc.
- Ông Giuốc-danh** – Đành là đẹp, nhưng đáng lẽ đừng gạn vào áo của tôi mới phải.
- Phó may** – Mời ngài mặc thử bộ lễ phục chứ ạ?
- Ông Giuốc-danh** – Ủ, đưa đây tôi.
- Phó may** – Khoan đã, không thể mặc như thế được. Thứ áo này phải mặc đúng thể thức⁵, tôi có đem người đến để mặc hầu ngài theo nhịp điệu. Ồ này! Vào đây, các chú. Các chú hãy mặc bộ lễ phục này hầu ngài theo cách thức mặc cho các nhà quý phái. (3)

Suy luận

- (3) Các lời thoại trong đoạn này cho thấy điều gì về tính cách của nhân vật ông Giuốc-danh và bác phó may?

¹ Quần cộc: trang phục của tầng lớp quý tộc Pháp thế kỉ XVII, tuy gọi là "quần cộc" nhưng có hai loại: dài đến đầu gối và dài đến mắt cá chân.

² Áo chẽn: trang phục của tầng lớp quý tộc Pháp thời đó, may sát người, che kín từ cổ đến thắt lưng.

³ Bộ tóc giả và lông đinh mū: các thứ gắn với trang phục của tầng lớp quý tộc.

⁴ Gạn: lựa chọn để lấy ra những gì có thể còn tận dụng được.

⁵ Thể thức: thể lệ và cách thức tiến hành.

Bốn chú thợ phụ ra, hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh mặc lúc tập kiểm vừa rồi, hai chú thì lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lě phục mới vào cho ông. Ông Giuốc-đanh mặc lě phục xong, đi đi lại lại giữa đám thợ, phô áo mới cho họ xem có được không. Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc. ④

Theo dõi

- ④ Đoạn in nghiêng này là lời của ai? Vì sao em biết điều đó?

Thợ phụ – Bầm ông lớn, xin ông lớn ban cho anh em ít tiền uống rượu.

Ông Giuốc-đanh – Anh gọi ta là gì?

Thợ phụ – Bầm, ông lớn ạ.

Ông Giuốc-đanh – Ông lớn ư? Ấy đây, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy! Còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trưởng giả thì đời nào được gọi là “ông lớn”. Đây, ta thường về tiếng “ông lớn” đây này!

Thợ phụ – Bầm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lầm lầm.

Ông Giuốc-đanh – “Cụ lớn”, ô, ô, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thường lầm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Nay, cụ lớn thường cho các chú đây.

Thợ phụ – Dám bầm đức ông, anh em chúng tôi sẽ đi uống rượu chúc sức khoẻ đức ông.

Ông Giuốc-đanh – Lại “đức ông” nữa! Hà hà! Hà hà! Các chú hãy đợi tí, đừng đi vội. Ta là đức ông kia mà! (nói riêng) Của đáng tội, nếu nó tôn ta lên bậc tướng công, thì nó sẽ được cả túi tiền mất. Đây nữa này, thường cho chú về tiếng “đức ông” đấy nhé.

Thợ phụ – Dạ, bầm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.

Ông Giuốc-đanh (nói riêng) – Nó như thế là phải chăng, nếu không ta đến mất tong cả tiền cho nó thôi. ⑤

Suy luận

- ⑤ Đoạn đối thoại này đã góp phần thể hiện nét tính cách gì của ông Giuốc-đanh?

Bốn người thợ phụ vui mừng nhảy múa.

(In trong *Tuyển tập kịch Mô-li-e*, NXB Sân khấu, 1994)

Suy ngẫm và phản hồi

- Liệt kê tên các nhân vật trong văn bản và cho biết:
 - Các nhân vật ấy là hiện thân cho “cái cao cả” hay “cái thấp kém”?
 - Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào?
- Kết bảng sau vào vở, tóm tắt các hành động làm này sinh xung đột và giải quyết xung đột qua các lời thoại giữa ông Giuốc-đanh với bác phó may trong văn bản:

Hành động và xung đột	Giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may
Các hành động làm này sinh xung đột	<ul style="list-style-type: none"> - Bác phó may: - Ông Giuốc-đanh:
Các hành động giải quyết xung đột	<ul style="list-style-type: none"> - Bác phó may: - Ông Giuốc-đanh:

- Theo em, vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong màn kịch trên lại làm bật lên tiếng cười?
- Cho biết:
 - Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: ... “Ông Giuốc-đanh (*nhìn áo của bác phó may*)...”; “Ông Giuốc-đanh ...(*nói riêng*)...” là lời của ai và có vai trò thế nào trong văn bản kịch?
 - Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách của nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?
- Màn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lề phục khai thác dạng xung đột nào trong các dạng xung đột dưới đây:
 - Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái cao cả”.
 - Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém”.
 - Xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”.

Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
- Xác định chủ đề của văn bản. Phân tích một trong những thủ pháp nghệ thuật mà em cho là có hiệu quả rõ rệt trong việc thể hiện chủ đề.

7. Một số bạn cho rằng nên dùng *Trưởng già học làm sang* làm nhan đề cho văn bản trên; một số khác lại cho rằng nhan đề *Ông Giúp đỡ mặc lỗ phục* mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em tán đồng ý kiến nào? Vì sao?

VĂN BẢN 2

CÁI CHÚC THU¹

VŨ ĐÌNH LONG



Vũ Đình Long (1896 – 1960) quê ở thôn Mục Xá, xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, Hà Đông (cũ), nay thuộc Thành phố Hà Nội; sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, rất mê ca kịch dân tộc. Ông là tác giả của nhiều vở kịch hiện đại như: *Chén thuốc độc* (1921), *Toà án lương tâm* (1923), *Đàn bà mới* (1944), *Tổ quốc trên hết* (1949, phỏng tác), *Gia tài* (1958, phỏng tác),...

Gia tài là tác phẩm do Vũ Đình Long phỏng tác từ vở hài kịch *Lê-ga-tê Uy-ni-véc-xen* (*Légataire Universel*) của Rơ-nha (Regnard). Hành động kịch xoay quanh việc ông già Di Lung tìm người thừa kế gia tài của mình. Nhưng ông Di Lung lâm trọng bệnh, có nguy cơ sắp về "chầu Phật". Để cầm chắt phần thừa hưởng của mình, Hy Lạc – cháu ruột của ông Di Lung – đã cùng với Khiết, người hầu của Hy Lạc và Lý, người hầu của ông Di Lung, mời công chứng viên đến nhà, lập chúc thư giả. Khiết cài trang làm ông Di Lung để lừa bịp công chứng viên. Nhưng ông Di Lung đột nhiên khoẻ lại. Khiết, Lý, Hy Lạc dù rất hoảng sợ nhưng vẫn tìm được cách làm cho ông Di Lung tin rằng cái chúc thư giả kia là thật, do chính ông ta lập nên.

Chuẩn bị đọc

Các bản chúc thư thường có nội dung, mục đích thế nào và thường do ai lập? Điều gì bảo đảm cho một bản chúc thư có giá trị?

¹ Chúc thư: văn bản chính thức ghi những ý nguyện của một người, đặc biệt là về việc xử lý các tài sản của mình sau khi qua đời.

Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt. Các nhân vật trong văn bản: **Di Lung**: bác của Hy Lạc; **Hy Lạc**: cháu ruột ông Di Lung; **Lý**: người hầu gái của Di Lung; **Khiết**: người hầu trai của Hy Lạc; **Thận Trọng**: công chứng viên.

Trải nghiệm cùng văn bản

Lược thuật: Cụ Di Lung lâm bệnh nặng, có thể không qua khỏi. Gia tài của cụ chưa biết sẽ để lại cho ai thừa hưởng. Hy Lạc, Khiết và Lý bàn với nhau mời công chứng viên về làm chúc thư giả. Khiết sẽ đóng vai cụ Di Lung, chủ trì việc soạn thảo và lấy lí do tay bị đau, nhờ thư kí làm chứng kí thay vào chúc thư **1**.

Đề đoán

- 1** Điều gì sẽ xảy ra với các nhân vật khi họ tham dự vào màn kịch làm chúc thư mạo danh này?

Lớp thứ III

Hy Lạc – Khiết

- Hy Lạc** – Nếu anh làm được việc này thì là anh cứu tôi khỏi chết đấy. Tôi sẽ chẳng quên anh đâu, tôi mà sung sướng thì anh cũng được trọn đời sung sướng. Tôi sẽ là người thừa kế, tôi sẽ được lấy người tôi yêu! A! Anh Khiết ơi!...
- Khiết** – Nhưng mà tôi lo lắm, cậu ạ. Nếu làm không khéo, lộ chuyện ra thì tù một gông, chứ chẳng chơi đâu. Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lắm kia, cậu ạ.
- Hy Lạc** – Anh đừng lo: đã hai tháng nay, tay phải của cụ bị tê liệt, có làm gì được đâu. Trong trường hợp này, chữ kí không cần thiết. Anh cứ nói là anh không kí được.
- Khiết** – Cậu nói đúng. Thôi thì tôi cũng liều... **2**

Sug luận

- 2** Ở lớp kịch thứ III và thứ IV, khi sắp thực hiện mưu kế đã vạch sẵn, tâm trạng của Hy Lạc, Khiết, Lý có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau ấy?

Lớp thứ IV

(Lý ôm một gói áo quần thường mặc của Di Lung, Hy Lạc, Khiết ra)

- Lý** – (vắt gói quần áo xuống) Đây áo, quần, mũ trùm đầu của ông cụ Di Lung đấy.
- Khiết** – (cởi áo) Phải nhanh lên mới được. Cậu giúp tôi một tay. Cái áo rộng quá... Chị đưa tôi cái khăn quàng... và cái mũ trùm đầu... Thôi, thế là được rồi... Chị trông có giống không?
- Lý** – Giống đây... Thôi thế là ông cụ sống lại rồi, đừng ai buồn nữa.
- Khiết** – Nhưng mà, tôi mặc quần áo của ông cụ, lây bệnh thì chết tôi đây!

- Hy Lạc** – Anh đừng sợ, phải quyết tâm mới được.
- Khiết** – Tôi quyết lăm, nhưng mà lòng tôi bồi hồi, không sao nén được kia.
- Lý** – Anh mặc thêm cái áo măng tô này. Những khi yếu mệt, ông cụ vẫn hay mặc áo ấy.
- Khiết** – Thôi thế đủ bộ rồi, chỉ xuống bảo người công chứng lên đi.
- Lý** – Tôi xuống đây.
- Khiết** – Tất cả mọi người phải giúp đỡ tôi trong việc này mới được. (2)

Lớp thứ V

Hy Lạc – Khiết

- Khiết** – Cậu đóng hộ tôi cái cửa kia... cái cửa số này nữa. Cái bàn này, cậu dịch lại đây cho tôi. Cái ghế hành này để ở đây hơn. Tất cả màn cửa, cậu kéo lại cho tôi, càng tối càng tốt, không thì lộ mất.
- Hy Lạc** – Việc này mà xong thì hay lắm đấy. Này! Họ lên đấy!
- Khiết** – (với ngồi vào ghế hành) Bác sắp về chùa Phật, anh phải luôn ở bên cạnh tôi.
- Hy Lạc** – Trời Phật chứng cho, chỉ vì tình yêu mà chúng tôi phải làm việc ám muội này.

Lớp thứ VI

Lý – Thận Trọng – hai người thư ký – Hy Lạc – Khiết (3)

- Lý** – (với viên công chứng) Mời ông vào (với Khiết) Thưa ông, ông công chứng đã lên đấy ạ.

- Khiết** – Mời ba ông ngồi chơi. Tôi già yếu sắp về chùa Phật rồi, mời ông đến đây làm giúp tôi tờ di chúc.

- Thận Trọng** – Thưa cụ, cụ còn mạnh chán, chưa việc gì đâu. Nhưng mà cụ lo xa là phải lầm. Làm chúc thư chưa làm cho ai đoán thọ bao giờ. Trái lại, sau khi đã phân chia di sản cho con cháu, trong lòng yên vui, cụ sẽ tăng thọ tăng phúc.

- Khiết** – Nếu được như thế thì còn nói gì nữa. (nói với Lý) Đóng cửa lại, con.

- Thận Trọng** – Thưa cụ, cụ muốn làm chúc thư trước công chứng viên, phải có hai người làm chứng.

- Khiết** – Bây giờ mà đi tìm hai người chứng, e mất thì giờ. Hay là hai ông...

Theo dõi

- (3) Chú ý phân biệt các lượt thoại nhân vật nói với người khác (đối thoại) và nói với chính mình (độc thoại) trong lớp VI?

- Thận Trọng** – Hai ông này là thư kí của chúng tôi, làm chứng giúp cụ cũng được à.
- Khiết** – Thế thì hai ông làm chứng giúp.
- Thận Trọng** – Thưa cụ, thường thì chúng tôi làm việc kín đáo, không để cho người ngoài biết đến nội dung tờ chúc thư. Vậy thì cậu và chị hãy sang phòng bên một lát.
- Lý** – Tôi thì không thể rời ông tôi ra một tí nào đâu.
- Hy Lạc** – Thưa bác, ý bác thế nào ạ?
- Khiết** – (với *Thận Trọng*) Đây là người nhà thân tín, để cho họ biết những ý muốn cuối cùng của tôi cũng chẳng sao.
- Thận Trọng** – Cụ muốn như thế cũng được ạ. Văn bản này theo đúng pháp luật sẽ làm theo thể thông thường.
- (y miệng đọc tay viết) Trước mặt chúng tôi, tên ghi ở bên dưới, có mặt cụ Di Lung... vân vân.
- (với *Di Lung*) Bây giờ cụ muốn nói gì xin cứ nói.
- Khiết** – Thứ nhất tôi muốn trả hết công nợ.
- Hy Lạc** – Tôi nghĩ khoản ấy không có bao nhiêu thì phải.
- Khiết** – Tôi thiếu hiệu ăn Phú Huỳnh hai trăm mươi đồng.
- Thận Trọng** – Thế cụ muốn an táng ở đâu ạ?
- Khiết** – Đâu cũng được, không quan hệ gì. Chỉ cốt đừng chôn tôi gần bọn tham quan ô lại, chúng nó ăn bẩn hại dân, tôi ghét lắm.
- Hy Lạc** – Bác muốn thế nào, cháu sẽ làm đúng không sai ạ. Đám tang của bác sẽ phải linh đình lắm, để cho người ta trông vào.
- Khiết** – Không, bác không muốn thế đâu. Làm phiền phiến thế nào xong thôi. Chết đất tiền lăm thì sao cho yên được giấc trăm năm? Nhất sinh tôi cần kiệm, việc tống táng tôi không được làm tốn tiền.
- Lý** – (nói một mình) Tôi nghiệp cho ông, sống sao chết vậy.
- Thận Trọng** – Bây giờ xin cụ cho biết ý cụ muốn để gia tài của cụ cho những ai?
- Khiết** – Tôi lập cháu tôi tên là Hy Lạc làm người thừa kế độc nhất, toàn hưởng của tôi.
- Hy Lạc** – (vợ khóc) Đau đớn cho lòng tôi quá!

- Khiết** – Tôi đẻ cho Hy Lạc tất cả tài sản của tôi gồm có đồ đạc, bát đĩa, tiền mặt, nhà đất; tôi tước hết quyền thừa kế của tất cả thân tộc, họ hàng, cháu, chắt, chút, chít, hiện đã sinh rồi hay sẽ sinh sau đây, kể cả những con đẻ hoang, nếu có ngày tôi chết.
- Lý** – (vở đau đớn) Nghe ông nói, mà lòng tôi đau như cắt. Chao ôi! Tôi nghiệp cho ông tôi! Sao mà người ta lại cứ phải chết, để cho người sống đau lòng.
- Hy Lạc** – (cũng vở như Lý) Bác đẻ gia tài cho cháu, không bằng là bác cứ sống mãi với cháu.
- Khiết** – Phụ khoản. Tôi đẻ lại cho Nguyễn Thị Lý có mặt tại đây.
- Lý** – (vở khóc) Ôi trời đất ôi!
- Khiết** – Lý là cháu họ xa của tôi, có công hầu hạ tôi từ năm nay, tôi cho lấy Khiết làm vợ chính thức, đó là điều kiện tất yếu.
- Lý** – (ngã xuống như là ngất đi) Chao ôi!
- Khiết** – Cháu đỡ lấy nó. Và để thương công cho thị Lý, vì thị đã chăm nom, nâng đỡ tôi, tôi đẻ lại cho thị...
- Lý** – (vở khóc) Trời ơi! Ông tôi từ tể quá, mà Trời Phật không để cho sống mãi!
- Khiết** – Hai trăm ngàn đồng tiền mặt (*Lý vở như cảm động, châm nước mắt*).
- Hy Lạc** – (nói riêng) Hai trăm ngàn đồng! Thằng vô lại nó láo quá!
- Lý** – (vẫn thế) Tôi đau đớn quá! Tôi chết mất thôi!
- Khiết** – Hai trăm ngàn đồng ấy trả bằng tiền mặt trích trong khối di sản của tôi.
- Lý** – (với Khiết) Trời Phật sẽ phù hộ cho ông. Ông sẽ còn sống lâu lắm. (nói riêng) Ông đã hứa không quên mình mà.
- Hy Lạc** – (nói riêng) Thằng bợm này nó chơi mình một vố khá đấy. (với Khiết) Tôi nghĩ bác nói như là biết hết rồi, phải không ạ?
- Khiết** – Còn mấy chữ nữa thôi. Phụ khoản. Tôi đẻ lại cho Lê Văn Khiết...
- Hy Lạc** – (nói rõ) Cho Lê Văn Khiết! Có lẽ nó mơ rồi. Hay là nó có ý gì?
- Khiết** – Vì sự tận tâm và trung thành...
- Hy Lạc** – (nói rõ) À! Thằng phản bội!
- Khiết** – ... mà hắn luôn luôn tỏ ra trong khi phục vụ chủ hắn...

- Hy Lạc** – Thưa bác, bác không biết rõ thằng cha Khiết ấy: nó là một tên đầy tớ rượu chè, du đãng, không đáng được bác ghi tên vào chúc thư.
- Khiết** – Bác nghĩ trái lại kia, cháu ạ. Bác biết thằng Khiết rõ hơn anh nhiều lắm kia. Mặc cho những kẻ ghét ghen, tôi muốn để lại cho hắn...
- Hy Lạc** – (*nói riêng*) Con chó!
- Khiết** – Hai trăm ngàn đồng tiền mặt.
- Hy Lạc** – (*nói riêng*) Quân phản bội!
- Khiết** – (*với Hy Lạc*) Cháu thấy thế nào? Có ít quá không?
- Hy Lạc** – Hai trăm ngàn đồng! Sao mà nhiều thế?
- Khiết** – Tôi nói: hai trăm ngàn đồng tiền mặt. Không có điều khoản này thì tờ chúc thư vô giá trị.
- Hy Lạc** – Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều thế ư?
- Khiết** – Bác đã suy xét kĩ rồi, cháu ạ. Tình thần bác còn minh mẫn lắm kia.
- Lý** – Nhưng mà...
- Khiết** – Nếu mà người ta làm cho tôi giận, thì tôi tăng lên ba trăm ngàn cho mà xem!
- Hy Lạc** – Nếu mà...
- Lý** – (*báo sê Hy Lạc*) Thôi, cậu ạ. Tôi biết tính nó, cậu mà nói nữa, thì nó làm thật đấy.
- Hy Lạc** – (*nói sê với Lý*) Thế thì thôi, tôi không nói nữa. Nhưng mà nó tham lam quá!
- Khiết** – Để tôi nghĩ xem có còn người bạn nào để làm thêm một phụ khoản giao thác di sản không?
- Hy Lạc** – (*nói sê*) Thằng đều cáng này nó cắt xén mãi thì hết mất còn gì!
- Thận Trọng** – (*hỏi Khiết*) Thưa cụ, xong chưa ạ?
- Khiết** – Xong rồi.
- Lý** – (*nói riêng*) Cảm tạ Trời Phật.
- Thận Trọng** – Tờ chúc thư làm thế này là hợp pháp lắm đấy ạ.
 (với Khiết) Bây giờ xin cụ kí cho.
- Khiết** – Tôi muốn kí lắm; nhưng mà tay tôi bị liệt không kí được.

Thận Trọng – (viết) Và người di chúc tuyên ngôn, ở chỗ này, rằng ông ấy không thể kí được, đã chất vấn về việc ấy theo đúng như luật pháp (*bảo hai người thư kí*): Hai ông kí vào đây.

Khiết – Làm xong chúc thư, tôi thấy nhẹ được một gánh nặng.

Thận Trọng – (hỏi Khiết) Cụ có cần gì tôi nữa không ạ?

Khiết – (với Thận Trọng) Ông để tờ chúc thư lại cho tôi chứ?

Thận Trọng – Thưa cụ, không được ạ. Văn thư này, phải lưu ở văn phòng công chứng. Tôi sẽ thân hành đến trao cho cụ một bản sao.

Hy Lạc – Thế thì hay lắm. Xin ông đem lại ngay cho, bác tôi sẽ nộp tiền phí tổn.

Thận Trọng – Xin vâng.

Khiết – Lý ơi, đưa các ông xuống. 4

Theo dõi

4 Từng nhân vật: Hy Lạc, Khiết, Lý hiện ra trong màn kịch với nét tính cách như thế nào?

(In trong *Tuyển tập kịch Vũ Đình Long*, NXB Hội Nhà văn, 2009)



Suy ngẫm và phân hồi

1. Nêu một số biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản. Có thể sử dụng mẫu bảng sau (làm vào vở):

Nhân vật	Hành động kịch qua lời đối thoại	Hành động kịch qua lời độc thoại	Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi
Hy Lạc			
Khiết			
Lý			

Xung đột kịch trong văn bản là xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém” hay “cái thấp kém” với “cái cao cả”? Hãy giải thích ý kiến của em.

- Phân tích một số điểm tương đồng và khác biệt trong tính cách của các nhân vật: Hy Lạc, Khiết, Lý.
- Tác giả muốn gửi đến người đọc/ người xem thông điệp gì qua văn bản trên? Căn cứ vào đâu để xác định như vậy?
- Phân tích thủ pháp trào phúng mà em cho là đặc sắc trong văn bản.
- Cho biết ý kiến của em về một trong hai nhận định dưới đây:

- a. Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các lớp kịch III, IV, V, VI.
 - b. Cái chúc thư cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.
6. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản *Cái chúc thư* là hài kịch?
7. Cùng với ba bạn trong lớp, em hãy nhập vai và thể hiện lời thoại của một trong bốn nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý, Thận Trọng.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

LOẠI VI TRÙNG QUÝ HIẾM

A-zit Nê-xin (Aziz Nesin)

Trải nghiệm cùng văn bản

Vị giáo sư có đầu óc vượt trội trong giới nhãn khoa và khét tiếng nghiêm khắc được một đoàn trợ giáo và đám sinh viên y hộ tống bước vào phòng bệnh.

Trước mỗi giường bệnh, giáo sư chỉ dừng lại không quá một phút rồi tiếp tục đi. Chợt giáo sư khụng lại:

– Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao?

Một trợ giáo cung kính đáp:

– Anh ta đau cả hai mắt còn kêu nhức đầu liên tục nữa.

Đứng từ xa, nhìn hai hốc mắt sưng vù, tấy mù của người bệnh, vị giáo sư không hé môi, chỉ xì ra một tiếng.



Quen với mọi thái độ, cử chỉ của giáo sư, đoàn tuỳ tùng hiếu ngay là ngài yêu cầu tiến hành nghiên cứu giắt mắt của con bệnh.

Giắt mắt của con bệnh lập tức được đưa đi phân tích.

Vị giáo sư cúi mình bên kính hiển vi. Đến khi ngài nâng đầu lên thì... lạy thánh Ala, mặt ngài xuất hiện nụ cười. Giáo sư liền lấy máy quyển sách dày cộm trên giá xuống, mở mở, đọc đọc. Sau đó, ngài ra lệnh triệu tập tất cả đồng nghiệp và sinh viên đến.

Khi mọi người vây kín phòng nghiên cứu, vị giáo sư bước lại dòm vào kính hiển vi rồi đưa mắt về phía mọi người:

– Chúng tôi vừa phát hiện ra loại vi trùng quý hiếm, độc đáo vô song mà bao nhiêu bác sĩ nhân khoa chưa được trông thấy. Cái thứ vi trùng gây bệnh này cứ phải hàng triệu bệnh nhân mới có một trường hợp may mắn thế này...

Vị giáo sư không rời con vi trùng quý hiếm. Ngài đứng một chỗ, xuýt xoa, thỏa mãn:

– Đây là lần thứ hai trong đời tôi thấy được loại vi trùng quý hiếm này. Lần đầu khi còn là trợ giáo¹ ở Pa-ri (Paris), tôi nhìn thấy nó ở một bệnh nhân từ châu Phi tới. Loại vi trùng quý hiếm này khi lọt vào mắt, sau bốn mươi tám giờ mà không chữa trị thì sẽ mù tịt. Và khi thần kinh thị giác tê liệt thì con đau cũng hết. Thôi ta bắt tay vào việc ngay đi. Bệnh nhân thấy đau bao giờ chưa?

Vị trợ giáo kính cẩn:

– Bầm, bệnh nhân đau từ sáng hôm qua.

Vị giáo sư nói nhanh:

– Thế thì... chúng ta chỉ còn hai mươi tư giờ nữa, sau đó con mắt không nhìn được nữa. Còn giờ đây, bệnh nhân đang đau ghê hồn. Loại vi trùng quý hiếm này sản sinh cực kì nhanh và tác động thần tốc vào trung tâm thần kinh thị giác, phá vỡ các niêm mạc của nó.

Các trợ giáo và sinh viên lần lượt được nghiêm minh bên kính hiển vi, chiêm ngưỡng con vi trùng quý hiếm trong niềm hoan hỉ ngất trời của vị giáo sư xuất chúng².

Giáo sư lại tiếp tục gọi mời tất cả những nhà khoa học tầm cỡ ở các hội y học, hội bác sĩ. Ngài reo lên:

– Vi trùng quý hiếm này trong môi trường không khí sẽ chết ngay! Phải, chết ngay! Vì vậy mới không lây được, nếu không thì hoá ra thiên hạ mù hết sao? Xin các ngài nhanh chân đến xem loại vi trùng đặc biệt quý hiếm này!

¹ Trợ giáo: người hỗ trợ cho người dạy chính, thường là phụ cho giáo sư trong trường đại học.

² Xuất chúng: vượt xa mọi người về tài năng, trí tuệ.

Vị giáo sư khư khư giữ con vi trùng ấy không chỉ như một bảo vật mà còn là một kỉ tích cho sự phát hiện vĩ đại. Ngài và đoàn tuỳ tùng của ngài làm việc đến quên ăn, quên ngủ để duy trì sự sống cho nó. Con vi trùng được nhuộm màu, được phóng to gấp cả ngàn lần và tạo mọi điều kiện để tiến hành thí nghiệm trong các môi trường hoá chất và nhiệt độ khác nhau.

Giáo sư đi như bay lượn, nói cười thân ái. Bài giảng của ngài lập tức thu hút nhiều học giả trong và ngoài nước đến dự. Khoa mắt bỗng chốc trở thành trung tâm khoa học có tầm vóc thế giới.

Công việc tiến triển tốt đẹp. Có ba trợ lí đã nhìn thấy con vi trùng khoanh tròn hình vòng cung kia biến dạng và vươn dài trong môi trường mới. Giáo sư lập tức thông báo mọi người đến chiêm bái¹ thành quả khoa học mới toanh này và trong cơn phẫn khích, ngài cho biết ngài quyết định viết một cuốn chuyên khảo về loại vi trùng quý hiếm này. Bỗng ngài hỏi:

- Bệnh nhân ra sao rồi?
- Anh ta hết đau rồi. – Bác sĩ điều trị đáp.

Giáo sư nhướng mày:

- Thế là thế nào?

Bác sĩ điều trị cúp mắt xuống:

- Anh ta mù rồi!

Vị giáo sư nở nụ cười hết cỡ:

– Tuyệt vời! Đúng như tôi đã nói, sau bốn mươi tám giờ nếu vô hiệu hoá được vi trùng thì bệnh nhân tất nhiên sẽ mù và cơn đau sẽ dứt. Tôi chắc chắn là bệnh nhân hoàn toàn mất thị năng², đúng không nào?

- Bầm, đúng ạ! – Một trợ giáo nhanh nhau đáp.

Giáo sư cười rạng rỡ:

– Các bạn thân mến, tôi luôn nói với các bạn là khoa học không hề lừa dối mà... Ở đây hoàn toàn đúng. Quả chúng ta đã gặp được loài vi trùng quý hiếm!

Vị giáo sư tài năng, khả kính cùng đoàn tuỳ tùng lại lũ lượt kéo trở lại phòng thí nghiệm nhân khoa để tiếp tục công trình nghiên cứu về loại vi trùng quý hiếm.

(Theo Tuổi trẻ cười, số ra ngày 11/9/2019)

¹ Chiêm bái: chiêm ngưỡng và tỏ lòng tôn kính.

² Thị năng: năng lực nhìn.

Suy ngẫm và phản hồi

1. Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người nào? Người kể chuyện có thái độ với các nhân vật này như thế nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
2. Theo em, những yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong văn bản này là gì?
3. Nhận xét về cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định trợ từ và thán từ được sử dụng trong các lời thoại sau:

a. – *A! Bác đã tới đây à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lỗ phục)

b. – *Vâng, phải báo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lỗ phục)

c. – *Nhưng mà tôi lo lắm, cậu ạ. Nếu làm không khéo, lộ chuyện ra thì tù mợt gông, chử chăng chơi đâu. Cái tội giả mạo chử kí là một trọng tội, tôi run lắm kia, cậu ạ.*

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

2. Tìm thán từ trong các câu sau, giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng:

a. – *Ó này! Vào đây, các chú.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lỗ phục)

b. – *“Cụ lớn”, ô, ô, cụ lớn!*

(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lỗ phục)

d. – *Ó kia, bác phó! Vài này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lỗ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi?*

(Mô-li-e, Ông Giuốc đanh mặc lỗ phục)

3. Trong các cặp câu a₁-a₂; b₁-b₂ dưới đây, những từ in đậm nào là trợ từ? Căn cứ vào đâu để em khẳng định như vậy?

a₁. *Tôi đau đớn quá! Tôi chết **mất** thôi.*

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

a₂. *Tôi đi từ nhà đến trường **mất** hơn nửa giờ.*

(Nhóm biên soạn)

b₁. *Tôi run **lắm** kia.*

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

b₂. Người ấy chỉ tay ra xa và nói: “Ông ta đang gặt lúa ở cánh đồng kia”.

(Truyện dân gian Việt Nam)

4. Các câu sau sử dụng những trợ từ nào? Hãy giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng.

a. Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều đến thế ư?

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

b. Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao?

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

c. Bầm, đúng ạ!

(Mô-li-e, Ông Giuốc đánh mặc lỗ phục)

d. Ngài và đoàn tuỳ tùng của ngài làm việc đến quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

5. Đặt hai câu có sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ.

6. Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – Văn bản 2), khi cùng với bạn đọc diễn cảm phân vai hoặc sân khấu hoá một trong hai văn bản Ông Giuốc-đanh mặc lỗ phục, Cái chúc thư, các em đã sử dụng những trợ từ và thán từ nào? Nêu chức năng của các trợ từ, thán từ đó.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

ĐI CẤP CỨU TRÊN "TÀU VIỄN DƯƠNG"¹

Lưu Quang Vũ

Tóm tắt nội dung: Ông Toàn Nha, chủ tịch xã kiêm chủ nhiệm hợp tác xã Cà Hạt, vì háo danh mà phát động một cuộc “thay trời đổi đất, sắp đặt giang sơn”, mong biến xã nhà thành một biểu tượng của phong trào đổi mới nông thôn, mặc dù về trình độ văn hoá, ông mới chỉ “học hết lớp 4”. Với sự tham mưu của thư ký Văn Sưu, ông cho tiến hành một loạt “cải cách” như: đổi tên xã (xã “Cà Hạt” thành xã “Hùng Tâm”); đổi tên các phòng, ban dưới quyền mình thành các “Trung tâm...”; lấy sản xuất pháo nổ, thu mua lông vịt xuất khẩu,... làm trọng điểm phát triển kinh tế xã; coi trọng việc báo cáo, tuyên truyền về thành tích trong các hội nghị, lễ tổng kết hơn phát triển thực lực của địa phương. Hung, một anh thợ lái tàu đường sông, người yêu của cô Nhàn, con gái ông Toàn Nha, có chuyến về quê đúng dịp ở địa phương tổ chức lễ tổng kết phong trào đổi mới do ông Toàn Nha chủ trì. Theo lời khuyên của người chú, anh bất đắc dĩ phải nói đổi mình là một thuyền trưởng tàu viễn dương để xuất hiện như một khách mời làm sang cho buổi lễ, nhằm mong được ông Toàn Nha chấp nhận là con rể.

¹ Trích Bệnh sĩ, kịch sáu cảnh. Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

Nhưng vì tự trọng, Hưng bỏ dở “vai diễn”, định lái tàu bỏ trốn. Một vụ cháy nổ lớn xảy ra tại trụ sở Ủy ban xã, do thuốc pháo không được bảo quản đúng cách, gây nên cảnh náo loạn. Bị b้อง nặng, phải đi cấp cứu bằng đường sông trên chiếc tàu chở phân đạm của Hưng, ông Toàn Nha vẫn mơ màng, hanh diện rằng ông đang được chở đi trên thuyền “tàu viễn dương” (tàu đi lại trên các vùng biển xa) do chàng rể tương lai – một vị thuyền trưởng dạn dày với hành trình trên các đại dương – điều khiển. Phần văn bản trong bài này được trích ở cảnh cuối của vở kịch.

CẢNH VI

Bờ sông. Trên boong chiếc tàu kéo. Hưng và Tiên. Hưng cởi bộ quần áo “thuyền trưởng viễn dương”, tháo găng tay trắng, vứt toet chiếc mũ kē-pi¹ có viền vàng xuống sàn tàu.

[...]

- Tiến** – Nhưng cậu đã lỡ khuêch khoác mình là Vuốt-cô (Vesco). Đã thành thật phải thành thật từ đầu, cậu đã lỡ bốc rồi, giờ biết làm thế nào? Hay là... tớ với cậu quay lại tìm Nhàn, nói thật tất cả...
- Hưng** – Mình... mình lại không có gan, mình chuồn thôi, mà phải chuồn ngay, rời khỏi đây ngay.
- Tiến** – Nhưng ta còn phải ở đây. Máy cái xà lan phân đạm này họ đã chịu cho người đến bốc dỡ đâu.
- Hưng** – Họ còn bận những việc nhỏ nhặt: tổng kết, quay phim, đón ông Vuốt-cô, tức là đón mình đây! Ở đây, nhỡ gặp cô ấy... Tại cậu ấy (*nhại giọng Tiên*) “cú nghe mình, mình là một kho kiến thức hàng hải, là kẻ đầy kinh nghiệm lấy vợ...”. Sao mình lại ngu thế nỗi? Lố lăng đến thế là cùng. Mình đã nghe cậu..., xuýt nữa thì xô ra: “Tôi đã đi qua Tân Gia Ba², Hai-i-ti (Haiti)... các bộ lạc da đỏ đón tôi? Lố lăng! Ngu xuẩn! Xấu hổ thật! (*chợt tái mặt nhìn ra xa*) Thôi chết rồi, Tiên ơi, chết tôi rồi!

Khi đọc hiểu một văn bản hài kịch, em cần nhận biết và phân tích:

- Diễn biến các sự kiện, tác động qua lại trong hành động của các nhân vật.
- Xung đột kịch, quá trình nảy sinh, phát triển, giải quyết xung đột kịch.
- Đối tượng của tiếng cười và các thủ pháp trào phúng.
- Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của các nhân vật và chỉ dẫn sân khấu,...

¹ *Mũ kē-pi (kepi)*: loại mũ có vành cứng dùng chung với đồng phục (phần lớn trong đồng phục của quân đội, cảnh sát, thuỷ thủ tàu vận tải đường biển, đường sông,...). Mũ được sắm xuất theo mẫu quy định (về kiểu dáng, biểu tượng, màu sắc phông nền, đường viền, lưỡi trai, các họa tiết mang tính biểu tượng,...). Ví dụ mũ kē-pi của thuỷ thủ Việt Nam có họa tiết mỏ neo bao trùm quanh lá cờ Việt Nam; viền quanh biểu tượng này và phía trên lưỡi trai là hình cành tùng,...

² *Tân Gia Ba*: tên gọi theo phiên âm Hán Việt của In-dô-nê-xi-a.

- Tiến** – Cái gì?
- Hưng** – Ai như... Đúng rồi, cô ấy.
- Tiến** – Ai?
- Hưng** – Nhàn chứ còn ai? Chết tôi rồi. Cô ấy đang đi xuống bờ sông, đi với một cô bạn. Cô này cũng biết tôi. Đằng sau lại có cả một đám thanh niên của xã... Họ đi đâu thế này?
- Tiến** – Đúng rồi, họ ra đây bốc phân đạm lên bờ. Chính tờ sáng nay vừa đến giục họ, xã không cù thì thanh niên họ tự đi bốc. Họ xuống đây đây!
- Hưng** – Chết tôi rồi, làm thế nào bây giờ? Cô ấy sẽ gặp mình, trên xà lan này.
- Tiến** – Thì gặp chứ sao?
- Hưng** – Không, chết mất. Minh không thể! Trốn đâu bây giờ? (*định chạy đi*).
- Tiến** – Không kịp rồi. Đám thanh niên dừng lại, còn cô Nhàn của cậu với cô bạn thì đang xuống đây. Cậu trốn lối nào được?
- Hưng** – Hay mình nhảy... xuống sông, lặn sang bờ bên kia.
- Tiến** – Điện à? Trời rét thế này! Xem nào (*suy nghĩ*). Minh sẽ trao đổi rất ngắn gọn rồi tìm cách đẩy họ rời khỏi tàu ngay. Họ sẽ bận bốc dỡ dưới mấy xà lan kia... Còn cậu... (*chỉ vào một thùng gỗ to, ở ngoài có vẽ hình cái ô và cái cốc*) chui vào, không ngạt đâu, có mấy khe đủ thở. Nằm im. Minh sẽ đẩy họ rời khỏi đây ngay. Nhanh thôi. Nhưng cậu phải nằm im đấy! Chui vào nhanh lên!
- (*Đây Hưng chui vào hòm, đóng nắp lại. Nhàn và Xoan xuất hiện.*)
- Xoan** – Chào anh. Chúng tôi đến bốc dỡ phân đạm dưới xà lan lên đây. Anh là phụ trách ở đây à?
- Tiến** – Không, tôi chỉ là phó, thuyền phó, còn đồng chí thuyền trưởng vừa đi vắng.
- Xoan** – Thuyền trưởng, thuyền phó,... thế các nhân viên đâu à?
- Tiến** – Chỉ có hai chúng tôi thôi. Tôi thuyền phó thay mặt đồng chí thuyền trưởng. Các chị, các anh đến bốc dỡ phân đạm? Tốt lắm. Chúng tôi đợi đã ba ngày. Vâng, bây giờ mời hai cô cho anh chị em xuống mấy xà lan dưới kia... tôi đưa xuống, nào! Nhanh lên!
- Xoan** – Gì mà vội thế? Anh phải xem giấy lịnh hàng của bọn em chứ, phải làm thủ tục bàn giao... Mà cũng để bọn em ngắm con tàu của các anh đã chứ.

- Tiến** – Ủ nhỉ... Nhưng có gì mà ngầm, thứ tàu quèn¹, kéo mấy cái xà lan rì...
- Xoan** – Vậy mà cũng có thuyền trưởng, thuyền phó, hay thật!
- Tiến** – Phải đúng lệ bộ² chứ cô, luật hàng hải, tất cả phải quy củ đàng hoàng không kém gì tàu viễn dương đâu. Nói thật với các cô nhá: còn đòi hỏi tay nghề cao cường hơn tàu viễn dương nhiều.
- Xoan** – Thế cơ á?
- Tiến** – Đi tàu trên biển thì cũng như đi xe đạp trên bãi đá bóng, tha hồ đi chả sợ đâm vào đâu. Lái tàu trên sông mới khó, nhất là cái sông hẹp mà nồng choèn này của các cô, lại lấm bãi cát ngầm, không khéo là mắc cạn ngay. May đồng chí thuyền trưởng của tôi là con người tài ba, còn giỏi gấp mấy thuyền trưởng viễn dương ấy.
- Xoan** – Chị Nhàn nghe thấy chưa? Anh nói thế nào chứ? Các anh sánh thế nào được với thuyền trưởng viễn dương! Nay, đừng tưởng bọn này không biết thuyền trưởng viễn dương là gì nhá! Bọn này cũng có quen một anh thuyền trưởng viễn dương...
- Nhàn** – (ngắt lời Xoan) Xoan!
- Xoan** – Một anh chàng rất lạ, đúng lúc cần thì chuồn mất. Người ta đang bồ³ đi tìm anh ấy đấy.
- Tiến** – Tìm thuyền trưởng của chúng tôi á?
- Xoan** – Không, tìm thuyền trưởng của chúng tôi, thuyền trưởng viễn dương, chồng sắp cưới của chị Nhàn đây, tự dung bỏ đi đúng lúc cần...
- Tiến** – Thì các cô cứ việc tìm. Cũng tại các cô cơ.
- Xoan** – Sao lại tại chúng tôi.
- Tiến** – Háo danh, sĩ⁴, cứ phải viễn dương cơ, biển cơ. Không có cái thói háo danh của các vị thi làm gì có những việc rắc rối. Cái ông thuyền trưởng viễn dương ông ấy bỏ đi là phải... Nhưng tôi mà là ông ấy thì tôi chẳng việc gì phải ngượng, chẳng phải lánh mặt đi đâu... Nếu là anh thuyền trưởng của chúng tôi thì anh ấy không thèm lánh đâu.
- Nhàn** – Thuyền trưởng của các anh... là ai?
- Tiến** – Là người đã lặn lội mưa gió, nước lũ đưa đoàn xà lan này về đây cho xã các cô. Rốt cuộc đợi đã mấy ngày nay rồi.

¹ Quèn: thuộc vào hạng tầm thường, chẳng có giá trị gì.

² Lệ bộ: những thứ cần thiết như lệ thường phải có.

³ Bồ: lao đi, ở đây ý nói mọi người chia nhau đi tìm một cách gấp gáp.

⁴ Sĩ: sĩ diện (nói tắt) theo lối háo danh, thường được dùng theo nghĩa xấu.

- Nhàn** – Thì chúng tôi đến lĩnh¹ đây.
- Tiến** – Vâng, vâng, mời các cô xuống dưới kia.
- Xoan** – Đi đâu mà vội. Ta ngồi xuống đây một lát đã chị. (*ngồi xuống cái hòm*) Gió mát quá! Chị trông: mặt trời lặn hắt bóng xuống nước đẹp chưa kia! Ở trên chiếc tàu này mà lênh đênh dọc dòng sông thì thích quá anh nha?
- Tiến** – Vâng, thích.
- Xoan** – (*giật mình*) Ôi chị ơi! (*vội nhảy khỏi cái hòm*) Có tiếng gì trong cái hòm này... như tiếng thở ấy... Eo ơi!
- Tiến** – Đâu! Tôi chẳng nghe thấy gì. Hòm không ấy mà.
- Xoan** – Rõ ràng có tiếng lục cục rồi tiếng gì... như khịt mũi ấy.
- Tiến** – À, đúng rồi: chuột ấy mà, trên tàu này lăm chuột.
- Xoan** – Eo ôi! Chuột à? Khiếp, em ghét chuột lắm! Sao các anh lại để chuột hoành hành trên tàu như vậy?
- Tiến** – Ai để? Tự nhiên nó cứ ở, nó thích thì nó ở.
- Xoan** – (*thì thào*) Giết đi! Em rất ghét chuột. Chị Nhàn là kĩ sư chăn nuôi, cũng rất ghét chuột. Bọn em vừa mở một chiến dịch tiêu diệt chuột, bảo vệ hoa màu. Khéo mà chuột ở tàu các anh lây lan xuống xã em. Chị Nhàn sẽ cho anh một ít bà chuột.
- Tiến** – Vâng. Nhưng chuột ở trên tàu chúng tôi thì lành lăm, vô hại, các cô để ý làm gì.
- Xoan** – Không! Em không chịu được, ở đâu có chuột là em phải diệt kỉ được. (*nhìn cái hòm*) Nó đã ở trong này thì không chạy lối nào được. Anh cho em mượn cái gậy, ta mở hòm ra...
- Tiến** – À, không được! Đã bảo là kệ nó, không nên đánh...
- Xoan** – Tại sao?
- Tiến** – À... À... đánh đậm... vô nhân đạo...
- Xoan** – Nhân đạo với chuột? Hay là anh sơ?
- Tiến** – Vâng, sơ... Đánh nó, máu me, khiếp lăm!
- Xoan** – Thế thì ta... Hòm này là hòm gì hả anh?
- Tiến** – Hòm không ấy mà.

¹ *Lĩnh*: nhận.

- Xoan** – Thế thì anh với em... ta khênh ra chỗ cầu tàu kia... ta đìm cái hòm xuống nước, cho nó chết!
- Tiến** – Không được! Cái cô này lạ nhi, thế thì còn gì là hòm của người ta nữa. Tài sản xã hội chủ nghĩa. Thôi, các cô xuống cho anh chị em dỡ hàng đi. Chuyện linh tinh mãi. Nào, mời các cô. Đi, nhanh lên!
- Xoan** – Thế không đợi anh thuyền trưởng à?
- Tiến** – Không cần.
- (*Đây Nhàn và Xoan. Cả ba định đi. Bỗng có một tiếng nổ dữ dội. Xoan, Nhàn giật mình. Tiếng nổ và tiếng la hét vọng tới.*)
- Tiến** – Gì thế?
- Xoan** – Trời ơi... Phía trụ sở... lửa, cháy... khói mù mịt, ở trụ sở... kia!
- (*Những tiếng nổ. Tiếng nhốn nháo của đám thanh niên. Tâm nắp thùng bỗng bật mở, Hưng nhảy ra.*)
- Hưng** – Lửa... cháy!
- Nhàn** – Anh ở trong đó à?
- Hưng** – Vâng, không phải chuột, mà là tôi, thuyền trưởng con tàu chở phân này, tôi không phải thuyền trưởng viễn dương, tôi đã dối Nhàn, Nhàn đã không biết!
- Nhàn** – Biết chứ.
- Hưng** – Biết gì?
- Nhàn** – Biết là anh đã nói dối... Biết ngay từ lúc anh mới về, bác Thân đi đánh vó¹ đã nhìn thấy anh lái con tàu chở đậm cắp bến sông nhà, đã kề với em. Em chỉ không hiểu tại sao anh lại phải nói dối như vậy... Vì sao?
- Hưng** – Tôi cũng không biết nữa... Nhưng giờ chưa phải lúc giải thích... Phía trụ sở... Hoà hoạn... tiếng nổ... Bom hay đạn?
- Xoan** – Tiếng pháo đấy... Chắc kho pháo bị nổ...
- Hưng** – Cả lửa nữa, phải dập mau... Ta phải về đây! Nào, Nhàn!
- (*Cả mấy người định chạy đi thì có tiếng huyên náo.*)

¹ Đánh vó: vó: dụng cụ bắt cá tôm gồm có một lưới, bốn góc mắc vào bốn đầu gọng để kéo. Đánh vó: kéo vó.

Tiếng Ông Thình – Ở đây đã! Đã có người dập lửa! Cứu người cần hơn! Các anh ở đây đã! Cứu người! Cấp cứu!

(Anh Văn Sưu cùng ông Đôp, ông Thình khiêng một cái cảng trên đó ông Toàn Nha nằm bất tỉnh, áo quần tơi tả, lấm lem khỏi pháo, người nhiều vết bong, tay, mặt đen sì...)

Văn Sưu – Cấp cứu! Cấp cứu!

Ông Đôp: (hỗn hển) Bác Nha bị bong... rước đuốc... Đuốc cháy trụ sở... Thuốc pháo nổ...

[...]

Ông Nha – (đã tỉnh dậy, mở mắt nghéch đầu lên) Ôi Hưng, đồng chí thuyền trưởng viễn... viễn...

Văn Sưu – Bác Nha! Bác đã tỉnh?

Ông Nha – Lẽ rước đuốc mừng công... kết thúc tốt đẹp chứ Sưu?

Văn Sưu – Báo cáo bác... dù sao vẫn tốt đẹp a. Chúng em đưa bác lên con tàu... chờ phân này... đến bệnh viện cấp cứu a.

Ông Nha – (với Hưng) Chính anh Hưng thân chinh lái con tàu này để chờ tôi, chính đồng chí thuyền trưởng viễn dương tự tay lái đưa đồng chí giám đốc bố vợ anh đi. Đúng lầm! Phải thế! Rất tốt! Toàn Nha này không đi thì thôi, đã đi thì phải...

Ông Thình – Thôi ông, nằm xuống đi...

Ông Nha – Tôi có sao đâu... Bóng xoàng... thế mới biết pháo Hùng Tâm ta mạnh thật... Ta sẽ giải thích với quan khách là ta cố ý làm thế để biểu dương tiếng nỏ Hùng Tâm... Đó là ý định của ta...

Văn Sưu – Rất đúng a.

Ông Nha – (cố ngồi dậy, nửa nằm nửa quỳ, vung tay) Chúng ta vẫn thắng lợi lớn! Rất lớn! Nỏ máy! Mục tiêu: Bệnh viện huyện. Tiến lên! Các đồng chí! Hùng Tâm ta tiến lên! (ngã gục).

Ông Đôp – Ôi bác Nha ơi!

HẾT

(In trong *Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh gửi lại*, Hội Văn học Nghệ thuật Đà Nẵng, 1989)

Hướng dẫn đọc

1. Theo em, giữa người coi trọng “sĩ diện” với người mắc “bệnh sĩ” có gì khác nhau? Văn bản trên (và đoạn tóm tắt vở kịch *Bệnh sĩ*) cho thấy nhân vật nào hiện thân đầy đủ cho người mắc “bệnh sĩ”? Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm rõ ý kiến.

- Điều gì khiến ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chờ đi cấp cứu trên một “con tàu viễn dương”, mặc dù trên thực tế, đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương?
- Nêu một số ví dụ trong văn bản về lời đồi thoại và lời chi dẫn sân khấu.
- Tóm tắt các hành động làm này sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa Tiến và Hưng; giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn; giữa Hưng và Nhàn trong văn bản (làm vào vở):

Các bên của xung đột	Các hành động làm này sinh xung đột	Các hành động giải quyết xung đột
Hưng – Tiến	<ul style="list-style-type: none"> - Hưng - Tiến 	
Tiến, Hưng – Xoan, Nhàn	<ul style="list-style-type: none"> - Xoan, Nhàn - Tiến 	
Hưng – Nhàn	<ul style="list-style-type: none"> - Hưng - Nhàn 	

- Phân tích một số thủ pháp trào phúng trong văn bản.
- Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên là hài kịch?
- Cùng các bạn trong nhóm phân vai, diễn xuất hoặc đọc diễn cảm một cảnh trong văn bản trên.



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống là kiểu văn bản thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét, giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ.

Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên tổ chức hoặc cá nhân nhận kiến nghị; thông tin về người viết kiến nghị; lí do, nội dung kiến nghị.

- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.
- Bố cục văn bản thường gồm các phần:

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN^(1a) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM^(1c)**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **(1b)**

....., ngày ... tháng ... năm ... **(1d)**

BẢN KIẾN NGHỊ

Về việc **(1d)**

**Phần
mở
đầu**

Kính gửi: **(1e)**

Thông tin về người viết kiến nghị, có thể gồm:

Họ tên:

Ngày tháng năm sinh: Căn cước/ Thẻ HS, SV:

Địa chỉ thường trú/ nơi ở hiện nay/ điện thoại liên hệ:

Trình độ học vấn/ trình độ chuyên môn/ nghề nghiệp/ chức vụ:

Cơ quan công tác/ địa chỉ làm việc/ học tập:

**Phần
nội
dung**

Nội dung kiến nghị, gồm:

– Nêu sự việc, vấn đề, lý do kiến nghị:

– Nêu ý kiến đề nghị:

– Đề xuất các hướng giải quyết của người kiến nghị (nếu có):

**Phần
kết
thúc**

– Lời cam đoan (nếu có) hoặc khẳng định lại lý do kiến nghị:

– Lời cảm ơn:

(1a) Tên cơ quan/ tổ chức/ đơn vị của người viết (nếu có): Trình bày sát lề trái của văn bản.

(1b) Số kí hiệu văn bản (nếu có): trình bày sát lề trái của văn bản.

(1c) Quốc hiệu, tiêu ngữ: trình bày ngang hàng với tên cơ quan, tổ chức chủ quản và số kí hiệu văn bản.

(1d) Địa điểm, ngày, tháng, năm: trình bày sát lề phải văn bản.

(1d) Tóm tắt sự việc kiến nghị: trình bày giữa văn bản.

(1e) Người/ tổ chức nhận bản kiến nghị.

Người viết kiến nghị

(Kí tên)

Họ và tên

**Phụ
đính**

Tài liệu kèm theo (nếu có) gồm những văn bản, tài liệu, ảnh chụp.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Phần mở đầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN KIẾN NGHỊ

Về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập

Kính gửi: – Cô Hiệu trưởng Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh;

– Thầy phụ trách kí túc xá học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh.⁽¹⁾

Em tên là: Nguyễn Thị Quỳnh Như – lớp trưởng lớp 8A1.^(2a)

Chúng em là những học sinh người dân tộc học tập xa nhà, thời gian qua, được Ban quản lý kí túc xá của trường sắp xếp nội trú tại dãy nhà B trong khuôn viên của trường nên rất thuận tiện cho sinh hoạt, học tập. Tuy vậy, gần đây chúng em gặp một số vấn đề như sau:^(2b)

– Khoảng từ 16 giờ 30 đến 19 giờ 30 hằng ngày, hoạt động thể dục nhịp điệu bên Trung tâm Văn hóa – Thể dục thể thao (sát tường rào dãy nhà B) mở nhạc quá lớn, gây tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của học sinh.

– Vào ngày nghỉ, các cuộc thi đấu giao hữu thể thao như: bóng chuyền, bóng rổ, đá cầu,... được tổ chức trong khuôn viên trường và có rất nhiều người lạ vào xem, trong đó, có những kẻ xấu lợi dụng sơ hở lấy cắp đồ đạc hoặc có những hành vi thiếu đứng đắn với nữ sinh.

– Hiện thời, nhiều bóng điện ở các dãy bàn học nhóm, khu nhà tắm, nhà vệ sinh đã hư hỏng, sổ khác không đủ ánh sáng cho học tập, sinh hoạt của chúng em.

Do vậy, chúng em kiến nghị:^(2c)

1. Đại diện nhà trường đề nghị Trung tâm Văn hóa – Thể dục thể thao khắc phục tình trạng ô nhiễm tiếng ồn vào cuối buổi chiều và buổi tối.

2. Nếu có thể, trong chín tháng của năm học, hạn chế việc cho mượn sân thi đấu thể thao; với các hoạt động thể dục thể thao do trường ta tổ chức cũng cần có biện pháp tăng cường, bảo đảm an ninh, trật tự.

Phần mở đầu:

(1) Quốc hiệu; tiêu ngữ; tên văn bản kiến nghị; cụm từ tóm tắt nội dung văn để kiến nghị; tên cá nhân tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.

(2a) Ghi rõ tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết về cá nhân, tổ chức làm văn bản kiến nghị.

(2b) Nêu vấn đề xã hội cần kiến nghị người có thẩm quyền quan tâm, giải quyết.

Phần nội dung

(2c) Nêu rõ các nội dung kiến nghị/ đề xuất giải pháp (nếu có).

Phản kết thúc

3. Trang bị hệ thống chiếu sáng tốt hơn ở những điểm nêu trên.

Kính mong cô Hiệu trưởng có biện pháp giải quyết tình trạng trên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học của chúng em. ^(2d)

Chúng em xin chân thành cảm ơn. ^(2d)

Người viết kiến nghị⁽³⁾

Nguyễn Thị Quỳnh Như
(cùng tập thể học sinh lớp 8A1)

(2d) Khẳng định lại nguyện vọng của tập thể kiến nghị.

(2d) Lời cảm ơn.

(3) Kí tên người đại diện cùng cả nhóm làm kiến nghị.

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau để làm rõ đặc điểm của kiểu văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống:

1. Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,...) của một bản kiến nghị?
2. Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị.
3. Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nếu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.
4. Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ viết bản kiến nghị gửi Ban Giám hiệu, đề nghị nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khoá để nâng cao kỹ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Đối với đề bài này, nội dung kiến nghị có thể là:
 - Mở lớp học bơi nhân dịp hè.
 - Bổ sung nguồn sách tham khảo của thư viện.
 - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho một môn học.
 - Các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trước cổng trường vào giờ tan học.
 - ...

Lưu ý: Bản kiến nghị sẽ ý nghĩa hơn nếu em chọn được những vấn đề thiết thực, đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, rèn luyện của học sinh.

- Để bài viết đạt hiệu quả giao tiếp, trước khi viết, em xác định:

- Mục đích viết bản kiến nghị này là gì?

- Cá nhân hoặc tổ chức nào có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị?

- Với mục đích, đối tượng đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?

- Tìm tư liệu liên quan đến bản kiến nghị bằng một số cách sau:

- Tìm tài liệu liên quan đến yêu cầu về đặc điểm và hướng dẫn viết bản kiến nghị trong sách hoặc Internet.

- Đọc lại phần *Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản* để học cách viết bản kiến nghị.

- Ghi chép ý kiến của các bạn trong buổi họp lớp về vấn đề dự định kiến nghị, những đề xuất liên quan. Nếu vấn đề kiến nghị là của nhiều thành viên trong lớp, em cần thu thập đủ chữ ký của các bạn.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Để hình thành ý tưởng cho bài viết, em trả lời các câu hỏi sau:

- Trường hoặc lớp em đang tồn tại vấn đề gì có thể gây bất tiện, bất lợi cho học sinh hoặc những vấn đề có thể điều chỉnh, thay đổi để tạo môi trường học tập, vui chơi tốt hơn cho học sinh?

- Nội dung cụ thể của vấn đề cần kiến nghị là gì?

- Những giải pháp nào có thể giải quyết vấn đề đó?

- Người hoặc tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết?

- Có cần và có thể thu thập thông tin gì liên quan đến nội dung cần kiến nghị (ví dụ: ý kiến của học sinh, hình ảnh làm bằng chứng,...) hay không?

- Sắp xếp các ý đã tìm theo trình tự bô cục của văn bản:

- Phần mở đầu: tên cơ quan, tổ chức (nếu có); quốc hiệu, tiêu ngữ; địa điểm và thời gian viết kiến nghị; tên văn bản và tóm lược sự việc kiến nghị; người/ tổ chức nhận; thông tin cơ bản về người viết (lưu ý: nếu người viết đại diện cho ý kiến của tập thể, cần ghi rõ người viết được tập thể ủy quyền).

- Phần nội dung: lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị, đề xuất các hướng giải pháp liên quan đến vấn đề kiến nghị (nếu có).

- Phần kết thúc: lời cảm ơn, chữ ký và họ tên người viết kiến nghị.

Bước 3: Viết

Khi viết em cần:

- Trình bày cụ thể nội dung cần kiến nghị.
- Ghi đúng người nhận kiến nghị (cá nhân hoặc cấp thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết).
- Chỉ nêu các nội dung, phản ánh, đề xuất có căn cứ thực tế và mang tính khả thi trong việc giải quyết khắc phục,...

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Sau khi viết xong, đọc và kiểm tra lại bài viết của mình dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Bố cục	Đủ ba phần: mở đầu, nội dung kiến nghị, kết thúc.		
	Tên cơ quan chủ quản, quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng văn bản.		
	Tiêu ngữ: viết chữ thường, cách giữa, dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối (-).		
	Địa điểm, thời gian viết văn bản: đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang bên phải văn bản.		
	Tên văn bản: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản.		
	Dòng tóm tắt nội dung kiến nghị: viết chữ thường, đặt dưới tên văn bản, đặt ở giữa văn bản.		
Phần nội dung	Trình bày đầy đủ thông tin về người nhận/ tổ chức nhận.		
	Trình bày tóm tắt các thông tin về người viết kiến nghị.		
	Trình bày rõ lí do kiến nghị.		
	Trình bày chính xác, rõ ràng nội dung cần kiến nghị.		
	Đề xuất hướng giải quyết hợp lý.		

Phản kết thúc	Khẳng định lại lí do kiến nghị hoặc cam đoan những nội dung kiến nghị là đúng sự thật.		
	Có lời cảm ơn.		
	Có chữ ký và họ tên của người viết.		
Diễn đạt	Ngôn ngữ của văn bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người viết.		

- Bổ sung những nội dung còn thiếu và sửa các lỗi chính tả, diễn đạt.
- Nêu một số điểm cần lưu ý khi viết bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói

Các văn bản hài kịch mà em đã học gợi ra một số vấn đề xã hội rất sâu sắc, những vấn đề đó không chỉ ở trong quá khứ mà vẫn tồn tại trong xã hội hiện nay. Hãy chọn một vấn đề mà em quan tâm để trình bày ý kiến của mình. Các vấn đề đó có thể là:

- Thói hám danh, học đòi làm sang.
- Bệnh sĩ diện.
- Thói lừa gạt.
- Thói sinh ngoại.
- ...

Để tăng hiệu quả giao tiếp, em xác định mục đích trình bày; những vấn đề mà người nghe quan tâm; thời lượng bài trình bày. Từ đó, xác định nội dung và cách trình bày phù hợp.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Để tìm ý cho bài nói, em hãy trả lời một số câu hỏi:

- Ý kiến của em về hiện tượng này là gì? Vì sao em có ý kiến như vậy? Những bằng chứng nào sẽ giúp củng cố cho lí lẽ của em?

- Có thể tìm kiếm, thu thập các câu chuyện, hình ảnh video clip nào liên quan đến bài nói để làm bằng chứng cho nhận định của mình?

Từ những ý đã phác thảo, chọn những ý tiêu biểu để lập dàn ý (tham khảo cách làm ở bài *Sự sống thiêng liêng*).

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Sử dụng những kỹ năng đã học ở bài *Sự sống thiêng liêng* để tự luyện tập.

Bước 4: Trao đổi và đánh giá

- Cần có thái độ cầu thị, lắng nghe, hoà nhã khi trả lời những câu hỏi, ý kiến phản biện. Lưu ý: cùng một vấn đề, mỗi người có thể có cách tiếp cận riêng, có cách lý giải khác nhau và cần được tôn trọng.
- Sau buổi trình bày, có thể tiếp tục trao đổi với người nghe về những điều cần làm rõ qua các phương tiện liên lạc cá nhân nếu cần.
- Sử dụng *Bảng kiểm kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội* (đã học ở bài *Sự sống thiêng liêng*) để tự đánh giá bài nói của mình và của người khác.

ÔN TẬP

1. Nêu và giải thích đặc điểm chính của hài kịch. Minh họa một trong những đặc điểm ấy bằng các dẫn chứng rút ra từ một trong ba văn bản hài kịch đã học.
2. Nêu chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba văn bản *Ông Giuốc-đanh măc lě phục, Cái chúc thư, Đi cấp cirus trên “tàu viễn dương”*.
3. Đặt một câu có sử dụng trợ từ, thán từ lấy đề tài từ các văn bản hài kịch đã học. Xác định trợ từ, thán từ và nêu tác dụng của chúng.
4. Theo em, vì sao khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất kì phần nào trong các phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc?
5. Em rút ra được lưu ý gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?
6. Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người?

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. ĐỌC

1. Nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm tương ứng ở cột B (làm vào vở):

A (Thể loại)	B (Đặc điểm)
1. Thơ sáu chữ, bảy chữ	a. là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.
2. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên	b. là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống.
3. Hài kịch	c. là văn bản được viết để lý giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học.
4. Luận điểm trong văn bản nghị luận	d. là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ. Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ. Mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.
5. Truyện cười	e. là một thể loại kịch, dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người.

2. Chọn một văn bản tiêu biểu cho mỗi thể loại đã học trong học kì I để hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Bài học	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm	
				Nội dung	Hình thức
1					
2					
3					
4					
5					

3. Tóm tắt những kinh nghiệm em đã tích luỹ được ở học kì I về việc đọc hiểu văn bản theo một số thể loại cụ thể:

Số thứ tự	Thể loại	Kinh nghiệm đọc rút ra
1	Thơ sáu chữ, bảy chữ	
2	Văn bản thuyết minh giải thích hiện tượng tự nhiên	
3	Hài kịch	
4	Văn bản nghị luận	
5	Truyện cười	

II. TIẾNG VIỆT

1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Tiếng cười bắt đầu từ phổi và cơ hoành, tạo ra rung động ở khắp các cơ quan nội tạng, giúp thân thể vận động dễ chịu. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn. Cười nhiều cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Khi cười, cơ thể được khôi phục về trạng thái sung sức, cân bằng và các chức năng của cơ thể vì thế cũng được cấu trúc lại vững chắc và hài hòa hơn.

(Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn, Lợi ích tiếng cười)

- Cho biết đoạn văn trên được viết theo kiểu diễn dịch, quy nạp, song song hay phối hợp.
- Xác định câu chủ đề của đoạn văn trên (nếu có).
- Tìm ít nhất ba từ Hán Việt trong đoạn văn trên và giải thích ý nghĩa của chúng.

2. Cho bài ca dao sau:

Ai ơi về miệt Tháp Mười
Cá tôm săn bắt, lúa trời săn ăn.

- Xác định từ ngữ địa phương có trong bài ca dao và nêu tác dụng của từ ngữ này.
- Tìm thán từ có trong bài ca dao và cho biết tác dụng của thán từ ấy.

3. Đọc câu tục ngữ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

- Tìm từ tượng thanh có trong câu tục ngữ trên và cho biết từ tượng thanh ấy có tác dụng gì.
- Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ trên.

III. VIẾT

1. Điền thông tin về một số kiểu bài viết vào bảng sau (làm vào vở):

Kiểu bài	Khái niệm	Đặc điểm	Bố cục
Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên			
Văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống			
Bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội			

2. Ở học kì I của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7. Đó là những kiểu bài nào? So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được điều gì mới về cách viết các kiểu bài ấy.
3. Nhận định về cách viết các kiểu bài đã học ở học kì I được trình bày trong bảng sau là đúng hay sai?

STT	Nhận định về cách viết các kiểu bài	Đúng	Sai	Lí giải nếu sai
1	Khi làm thơ sáu chữ, bảy chữ, chỉ được sử dụng một loại vần trong số các loại vần như: vần chẵn, vần lồng, vần liền, vần cách/ vần chéo.			
2	Bố cục của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát gồm hai phần sau: mở đoạn (giới thiệu nhanh về bài thơ tự do, tên tác giả, nêu cảm xúc chung về bài thơ), thân đoạn (nêu các ý thể hiện cảm xúc về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ).			
3	Đối với bài viết giải thích một hiện tượng tự nhiên, nội dung phần giải thích cần rõ ràng, chính xác, logic, chặt chẽ, thuyết phục về những nguyên nhân dẫn đến và trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên.			
4	Để thu thập tư liệu cho bài viết giải thích một tự nhiên, người viết chỉ cần chú ý quan sát và ghi chép lại cẩn thận cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.			
5	Phần nội dung của văn bản kiến nghị gồm lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị.			

6	Đối với bài văn kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, người kể có thể sắp xếp các sự kiện không theo trật tự diễn tiến của chuyến đi hay hoạt động để gây ấn tượng đặc biệt với người đọc.			
7	Đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, khi bàn luận về vấn đề, người viết cần đưa ra lí lẽ từ nhiều khía cạnh, thể hiện góc nhìn đa chiều về vấn đề nghị luận.			
8	Khi triển khai phần thân bài của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, người viết cần thực hiện hai thao tác: giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận và bàn luận về vấn đề.			

IV. NÓI VÀ NGHE

- Liệt kê những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã trải nghiệm ở mỗi bài học của học kì I. Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học nào nhất?
- Theo em, việc nghe, tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe, nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm có điểm gì giống và khác nhau?
- Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?
- Điều quan trọng nhất cần lưu ý để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống đạt kết quả như mong muốn là gì? Vì sao em cho là như vậy?

HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE

	Gợi ý
TRÌNH BÀY Ý KIẾN HOẶC THUYẾT TRÌNH MỘT VĂN ĐỀ	<p>Trước khi trình bày hoặc thuyết trình</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian trình bày. • Xác định thông tin cần tìm và cách tìm. • Dự kiến nội dung; liệt kê và sắp xếp những ý cần trình bày theo trình tự hợp lí. • Chuẩn bị hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,... (nếu cần) hoặc phương tiện hỗ trợ trình chiếu (ứng dụng word/ powerpoint, máy chiếu, màn hình chiếu,...) • Dự kiến câu hỏi của người nghe và câu trả lời. <p>Trình bày hoặc thuyết trình</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày to, rõ, ngắn gọn, mạch lạc, tập trung làm rõ (những) ý chính; mở đầu và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. • Sử dụng từ ngữ đơn giản, chính xác, đa dạng; giọng điệu, tốc độ, sự ngắt nghỉ,... phù hợp với nội dung, mục đích nói và đối tượng người nghe. • Kết hợp sử dụng ngôn ngữ hình thể, hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, video clip,... • Tương tác với người nghe: chào hỏi, cảm ơn, mời nêu câu hỏi,...
NGHE	<p>Trước khi nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép. • Tìm hiểu trước nội dung nghe. • Xác định mục tiêu nghe. <p>Trong khi nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định nội dung chính của bài nói qua một số dấu hiệu ngôn ngữ (<i>Thứ nhất là, ngoài ra, cuối cùng,...</i>); những từ ngữ được lặp lại, diễn giải, nói chậm,... • Quan sát nét mặt, thái độ, giọng điệu,... của người nói để hiểu quan điểm của họ đối với vấn đề được trình bày. • Ghi ngắn gọn nội dung nghe được bằng dàn ý, từ khoá, cụm từ,...; sắp xếp các thông tin theo một trật tự lô-gic; đánh dấu những thông tin quan trọng, thú vị. • Liệt kê những câu hỏi cần trao đổi với người nghe. • Thể hiện sự tương tác với người nói bằng ánh mắt, nụ cười, cái gật đầu,...
TRAO ĐỔI	<ul style="list-style-type: none"> • Tôn trọng quy tắc lượt lời: không ngắt lời người khác, kiên nhẫn chờ đến lượt lời của mình. • Nghiêm túc và tương tác với người nói. • Nêu câu hỏi về những ý kiến chưa rõ. • Tôn trọng quan điểm khác biệt. • Trao đổi trên tinh thần xây dựng, tránh gay gắt. • Phản hồi đúng trọng tâm câu hỏi. • Trình bày ý kiến rõ ràng, mạch lạc, dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ quan điểm cá nhân. • Giải thích những điều mà người nghe chưa hiểu.

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Ancient murrelet	Én-sân mơ-rơ-lít	43, 46
	Alaska	A-lát-xca	34, 35, 36
	Alexandria	A-léch-xan-đri-a	35
	Arizona	A-ri-dô-na	44
	W. Alice Boyle	W. E-lít-xơ Bon	44
	Aziz Nesin	A-zít Nê-xin	9, 112, 116
B	Burdick	Bơ-đích	85
	Burma	Bơ-ma	35
C	Canada	Ca-na-đa	43
	carbon dioxide	các-bon đì-ô-xít	41
	Chile	Chi-lê	35
	Cléonte	Clê-ông	100
	Courtney Conway	Coóc-nây Con-quây	44
	Covielle	Cô-vi-en	100
D	Dryden	Đơ-rai-đơn	85
E	Enta Aquarids	En-ta A-quá-rít	38
F	Franklin Pierce	Phreng-klin Pi-σ-xơ	58, 59
G	Geminids	Gie-mi-nít	39
	Good Friday	Gút Phrai-đây	35
H	Haiti	Hai-i-ti	117
I	Indonesia	In-đô-nê-xi-a	35, 36, 117
	Infographic	in-pho-gráp-phích	94
J	Java	Gia-va	35
	Jourdain	Giuốc-đanh	9, 96, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 116, 130

K	Kepi	Kê-pi	117
	Krakatoa	Kra-ca-tô-a	35
L	Leonids	Lê-ô-nit	39
	Lituya	Li-tu-y-a	34
	Lancet	Len-sít	85
	Légataire Universel	Lê-ga-te Uy-ni-véc-xen	105
	London	Luân Đôn	85
	Lucille	Luy-xin	100
M	Moro	Mo-ro	36
	Molière	Mô-li-e	9, 97, 98, 99, 100, 103, 115, 116
N	Nature	Nây-chơ	45
	New York	Niu Oóc	85
O	Orionids	Ô-ri-ô-nit	38
	Orison Swett Marden	O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn	9, 85, 132
P	Papua New Guinea	Pa-pua Niu Ghi-nê	36
	Paris	Pa-ri	113
	Philippines	Phi-líp-pin	36
	Perseids	Pơ-sây	38
Q	Quadrantids	Qua-đờ-ran-tít	38
R	Regnard	Rơ-nha	105
	Richter	Rích-te	35
	Scotland	Xcốt-len	86
S	Seattle	Xi-át-tô	8, 57, 58, 67
	Somalia	Xô-ma-li-a	35
	Sumatra	Su-ma-tra	35, 36
T	Tartuffe	Tác-tuyp	97
	Tsunami	Tờ-su-na-mi	33
V	Vesco	Vuốt-cô	117
W	Washington	Oa-xinh-ton	58
	Walter Scott	Goan-tơ Xơ-cót	86

BẢNG TRA CÚU TỪ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
A	Ẩn	1, 2, 4	Giấu kín, lánh đi, ngầm	Ẩn dụ (B1), bí ẩn (B2), trú ẩn (B2), hàm ẩn (B4),...	23, 30, 35, 77,...
B	Bản	1, 3, 4	Gốc, vốn có, mình	Bản thân (B1), bản địa (B3), bản chất (B4),...	26, 58, 78,...
C	Chiêm	5	Ngửa mặt trông, xem	Chiêm ngưỡng (B5), chiêm bái (B5)	113, 114, ...
	Chứng	1, 3	Bằng cứ, chứng tỏ, chứng minh	Bằng chứng (B1), kiểm chứng (B3), chứng kiến (B3),...	55, 61,...
	Công	2, 5	– Chung, công khai – Đực, trống, ông, cha chồng	– Công bố (B2) – Tướng công (B5)	– 45 – 103
		3	Công việc, công nghiệp, công trình, người thợ	Công nghiệp (B3),...	58, 67, 70,...
		5	Công lao, thành tích	Chiến công (B5),...	98,...
		2, 5	Đánh, vây đánh, chỉ trích	Tấn công (B2),... Phản công (B5),...	34, 35, 97,...
Cơ		2	Nền móng, nền tảng, căn cứ, dựa theo	Cơ bản, cơ địa (B2), cơ sở (B1, B2),...	22, 30, 36, 42, 56,...
		3	Máy, máy móc	Cơ khí (B3),...	58,...
D	Di	2	Dời đi, chuyển dời, biến đổi	Di chuyển (B2), di cư (B2),...	34, 35, 37, 41, 43,...
			Để lại, còn lại	Di truyền (B2),...	44,...
Điệp	Điệp	1	Chồng lên nhau, trùng nhau	Biện pháp điệp (B1), điệp ngữ (B1), điệp từ...	22, 23,...
		1	Thẻ tre, công văn, tờ trình	Thông điệp (B1),...	10, 17, 21...
Điều	Điều	1, 4, 5	Thay đổi, thu xếp, điều hoà	Điều chỉnh (B1), điều trị (B4), điều khiển (B5),...	88, 117,...
		2	Điều khoản, khoản mục	Điều kiện (B2),...	41, 43,...
Điểm	Điểm	3	Bình tĩnh, lặng lẽ	Điểm đạm (B3)	64, 67,...
	Đồng	1, 3,...	Giống nhau, như nhau, cùng	Đồng thời (B1), đồng nghĩa (B3), đồng tình (B3), đồng bào (B3),...	27, 68, 69,...

G	Giác	3	Biết, cảm nhận, phát hiện	Khứu giác, xúc giác, thị giác (B3),...	63,...
H	Hoang	3	Bỏ phế, xa xôi hẻo lánh	Hoang mạc (B3), hoang dã (B3),...	59,...
	Hiếu	3	Có, có được, lấy được	Hiếu hình (B3)	63, 67,...
K	Kì	1, 2	Không tầm thường, lạ lùng	Kì diệu (B1), kì bí (B2),...	10, 30, 54,...
			Kì hẹn, kì hạn, thời gian	Chu kì, định kì, thời kì (B2),...	33, 44,...
L	Khắc	1	– Chạm khắc – Khoảng thời gian ngắn – Nghiệt ngã, khắt khe	– Khắc họa (B1),... – Khoảnh khắc (B1),... – Khắc nghiệp (B1),...	– 84,... – 10,... – 59
			– Lí lẽ, quy luật – Xử sự, sắp xếp, sửa sang	– Địa lí, lí giải (B1), bệnh lí (B2), lí thuyết (B2), lí luận (B5),... – Xử lí (B5),...	– 31, 42, 43, 98, ... – 97,...
N	Nhân	2	Nguyên do, duyên cớ, bởi vì	Nhân quả, nguyên nhân (B2),...	30, 31,...
	Nhân	2, 3	Người	Quý nhân, cá nhân (B2), nhân vật, nhân loại (B3),...	32, 52, 66, 70,...
	Nhiên	1, 2	– Thành tố thêm vào sau một từ để chỉ cách thức, trạng thái – Như vậy	– Tự nhiên (B1), ngẫu nhiên (B2), thiên nhiên (B1), ngạc nhiên (B5),... – Tuy nhiên (B2),...	– 39, 41, 99,... – 32, 37,...
Q	Quan	2, 3, 4	Xem, ngắm nhìn, cách nhìn	Quan sát, quan điểm (B2), khách quan, chủ quan (B3), lạc quan (B4),...	38, 44, 55, 56, 58,...
		2	– Dính dáng, liên quan – Điểm then chốt, quyết định	– Quan hệ (B2),... – Quan trọng (B2),...	– 30,... – 31,...

	Thiên	1	Nghìn	Thiên thu (B1)	18, 19
		1, 2, 5	– Bầu trời, không gian – Tự nhiên	– Thiên văn học, thiên thạch, thiên thể (B2), thiên hạ (B5),... – Thiên nhiên (B1),...	– 31, 37, 102,... – 10, 23,...
T	Tương	1, 2, 5	Lẫn nhau, với nhau	Tương tự (B1), tương đối, tương quan (B2), tương ứng (B5),...	38, 53, 99,...
		2	Sẽ, sắp	Tương lai (B2),	49, 55,...
	Tự	1, 2, 3, 5	– Mình, chính mình, đích thân – Vốn là, sẵn có	– Tự học, tự giam (B2), tự hào, tự nguyện (B3), tự trọng (B5),... – Tự nhiên (B1),...	– 32, 65, 68, 117,... – 20,...
		2	Phân chia theo thứ tự	Thứ tự (B2),...	46,...
V	Vi	5	Nhỏ bé	Vi trùng (B5), hiển vi (B5)	112,...
	Vị	1, 2	– Cảm giác nhận biết nhờ đầu lưỡi – Ý nghĩa, hứng thú	– Gia vị (B3),... – Thú vị (B1),...	– 66,... – 23,...
		2, 5	– Chỗ, nơi – Tiếng tôn kính người	– Vị trí (B2),... – Vị giáo sư (B5),...	– 32,... – 112,...

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
B	Bằng chứng khách quan (trong văn nghị luận)	là những thông tin khác quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.	55, 56, 57, 61, 65, 68,...
	Bố cục của bài thơ	là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.	11, 14, 17, 22
	Bối cảnh (trong truyện cười)	thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gắn với từng truyện.	77, 78, 81, 84, 87,...
C	Cảm hứng chủ đạo	là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định, được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.	10, 12, 15, 17, 21,...
	Các thủ pháp gây cười (trong truyện cười)	đa dạng: (1) tạo tình huống bằng cách tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động,...; kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị; (2) sử dụng lối nói khoa trương, phóng đại, chơi chữ,...	78
Đ	Câu chủ đề (trong đoạn văn)	mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.	32, 41, 42,...
	Cốt truyện (của truyện cười)	thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười; cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đầy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.	78, 87, 88
	Đoạn văn	là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn.	32, 36, 37, 38, 39,...
Đ	Đoạn văn diễn dịch	là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.	32
	Đoạn văn phối hợp	là đoạn văn phối hợp giữa nhiều kiểu cấu trúc với nhau, chẳng hạn như diễn dịch với quy nạp.	33
	Đoạn văn quy nạp	là đoạn văn được trình bày đi theo cách: từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.	32

	Đoạn văn song song	là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.	33
H	Hài kịch	là một thể loại kịch, dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người.	97, 98, 100,...
	Hành động (trong hài kịch)	là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ,...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch.	97, 98, 104,...
L	Lời chỉ dẫn sân khấu	là những chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc vào – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ,...	97, 123
	Lời thoại (trong hài kịch)	là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.	97, 102, 112,...
M	Luận đề (trong văn nghị luận)	là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.	56, 61, 65, 68,...
	Luận điểm (trong văn nghị luận)	là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.	56, 61, 65, 68,...
M	Mạch cảm xúc của bài thơ	là sự tiếp nối, sự vận động của các cảm xúc trong bài thơ.	12
N	Nhân vật (của hài kịch)	là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội.	97, 98, 100
	Nhân vật (trong truyện cười)	thường có hai loại: (1) những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể; (2) những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan.	78, 79, 81, 82,...
	Nghĩa tường minh	là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.	79, 86, 95, 132
	Nghĩa hàm ẩn	là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn thể hiện.	79, 86, 87, 95, 132,...

	Ngôn ngữ (trong truyện cười)	ngắn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,...	78, 87
T	Thán từ	là những từ dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.	98, 99, 115, 116,...
	Thơ bảy chữ	là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ.	11, 131
	Thơ sáu chữ	là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ.	11, 132
	Thủ pháp trào phúng (trong hài kịch)	hở kịch thường phóng đại tính phi lô-gíc, tính không hợp tình thế trong hành động của nhân vật (hành vi, lời nói, cử chỉ, trang phục,...); các thủ pháp tăng tiến, giễu nhại, mỉa mai; lối nói hóm hỉnh, lối chơi chữ, lối nói nghịch lí;...	98, 111, 117, 123
	Trợ từ	là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu.	98, 115, 116, 130
	Truyện cười	là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh, sắc sảo của tác giả dân gian.	78, 81, 82, 84,...
	Từ ngữ địa phương	là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.	79, 87, 95, 132
	Từ ngữ toàn dân	là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.	79
	Từ tượng hình	là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật.	12, 20, 29
V	Từ tượng thanh	là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế.	12, 20, 29, 132
	Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên	là kiểu văn bản được viết để lý giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.	31, 45
X	Xung đột (trong hài kịch)	xung đột kịch thường nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cái thấp kém với cái thấp kém,...	97, 104, 111, 117, 123,...
Y	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết (trong văn nghị luận)	là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở để kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy hơn, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.	56, 57, 61, 65,...

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHAN THỊ BÍCH VÂN – LÊ THỊ THUỲ TRANG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÔNG THANH THẢO

Minh họa: TRẦN DIỆP THANH

Sửa bản in: PHAN THỊ BÍCH VÂN – LÊ THỊ THUỲ TRANG

Chép bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này
đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự
cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 8 – TẬP MỘT (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1:

Tập 2:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|--|
| 1. NGỮ VĂN 8 – TẬP MỘT | 10. CÔNG NGHỆ 8 |
| 2. NGỮ VĂN 8 – TẬP HAI | 11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 8 |
| 3. TOÁN 8 – TẬP MỘT | 12. ÂM NHẠC 8 |
| 4. TOÁN 8 – TẬP HAI | 13. MĨ THUẬT 8 (1) |
| 5. TIẾNG ANH 8
Friends Plus - Student Book | 14. MĨ THUẬT 8 (2) |
| 6. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8 | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (1) |
| 7. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8 | 16. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (2) |
| 8. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 8 | |
| 9. TIN HỌC 8 | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem
để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>
và nhập mã số tại biểu tượng chìa khóa.

